

• NHƯNG CUỘC •
PHIÊU LƯU KỲ THỦ



✠ CỦA NAM QUỐC ✠
MÜNCHAUSEN



Những Cuộc Phiêu Lưu Kỳ Thú Của Nam Tước Munchausen

Đã từng được kể lại trong nhiều tác phẩm văn học nổi tiếng, câu chuyện về Nam Tước Munchausen đã trở thành một phần không thể thiếu của văn hóa dân gian châu Âu.

Nam Tước Munchausen là một nhân vật hư cấu nổi tiếng, được mô tả là một người lính dũng cảm và một nhà thám hiểm tài năng.

Trong những câu chuyện của ông, chúng ta thấy được những cuộc phiêu lưu kỳ thú, những chiến công hiển赫 và những trải nghiệm đáng nhớ.

Những câu chuyện của Nam Tước Munchausen không chỉ là những câu chuyện giải trí mà còn là những bài học về lòng dũng cảm và tinh thần thám hiểm.

Chúng ta hãy cùng khám phá những cuộc phiêu lưu kỳ thú của Nam Tước Munchausen trong những trang sách tiếp theo.

Nam Tước Munchausen đã trải qua nhiều cuộc phiêu lưu kỳ thú, từ việc chinh phục những vùng đất hoang dã đến việc giải cứu thế giới khỏi nguy cơ diệt vong.

Trong những câu chuyện của ông, chúng ta thấy được những phẩm chất quý giá của một người lính dũng cảm và một nhà thám hiểm tài năng.

Những câu chuyện của Nam Tước Munchausen không chỉ là những câu chuyện giải trí mà còn là những bài học về lòng dũng cảm và tinh thần thám hiểm.

Chúng ta hãy cùng khám phá những cuộc phiêu lưu kỳ thú của Nam Tước Munchausen trong những trang sách tiếp theo.

Nam Tước Munchausen đã trải qua nhiều cuộc phiêu lưu kỳ thú, từ việc chinh phục những vùng đất hoang dã đến việc giải cứu thế giới khỏi nguy cơ diệt vong.

Trong những câu chuyện của ông, chúng ta thấy được những phẩm chất quý giá của một người lính dũng cảm và một nhà thám hiểm tài năng.

Những câu chuyện của Nam Tước Munchausen không chỉ là những câu chuyện giải trí mà còn là những bài học về lòng dũng cảm và tinh thần thám hiểm.

Chúng ta hãy cùng khám phá những cuộc phiêu lưu kỳ thú của Nam Tước Munchausen trong những trang sách tiếp theo.

Nam Tước Munchausen đã trải qua nhiều cuộc phiêu lưu kỳ thú, từ việc chinh phục những vùng đất hoang dã đến việc giải cứu thế giới khỏi nguy cơ diệt vong.

Trong những câu chuyện của ông, chúng ta thấy được những phẩm chất quý giá của một người lính dũng cảm và một nhà thám hiểm tài năng.

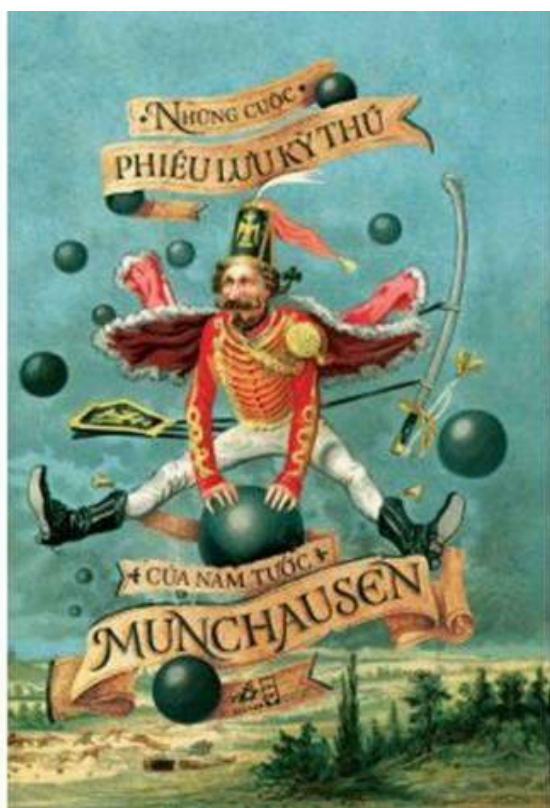
Những câu chuyện của Nam Tước Munchausen không chỉ là những câu chuyện giải trí mà còn là những bài học về lòng dũng cảm và tinh thần thám hiểm.

Chúng ta hãy cùng khám phá những cuộc phiêu lưu kỳ thú của Nam Tước Munchausen trong những trang sách tiếp theo.

Nam Tước Munchausen đã trải qua nhiều cuộc phiêu lưu kỳ thú, từ việc chinh phục những vùng đất hoang dã đến việc giải cứu thế giới khỏi nguy cơ diệt vong.

Trong những câu chuyện của ông, chúng ta thấy được những phẩm chất quý giá của một người lính dũng cảm và một nhà thám hiểm tài năng.

Những câu chuyện của Nam Tước Munchausen không chỉ là những câu chuyện giải trí mà còn là những bài học về lòng dũng cảm và tinh thần thám hiểm.



Truyện dân gian Đức



Dịch giả: Lê Quang



Công ty phát hành: Nhã Nam



Nhà xuất bản liên kết: Hội Nhà văn



Số trang: 152



Kích thước: 15 x 23 cm



Giá bìa: 47 000 VND



Ngày xuất bản: 09/2013



Type: ha vong



Beta và Tạo prc: ha vong



Nguồn: havong1810.wordpress.com



Ebook: [Đào Tiểu Vũ's eBook - http://www.dtv-ebook.com](http://www.dtv-ebook.com)



Sơ lược về tác phẩm

Cuốn sách mà bạn đang cầm trên tay thuộc vào loại đặc biệt nhất trong các loại đặc biệt. Nó kể những sự tích kỳ lạ khó có ai trên đời có thể kiểm chứng, thế nhưng lại khiến cho tên tuổi của người kể chuyện, Nam tước Munchausen, trở nên lẫy lừng khắp thế giới.

Ai đó có thể bĩu môi và coi những chuyện kể trong sách là thứ khoác lác thuần túy... Song, bất chấp như vậy, *Những cuộc phiêu lưu kỳ thú của Nam tước Munchausen* không vì thế mà không thuộc vào số ít những câu chuyện thần kỳ đem lại nhiều cảm hứng nhất cho trẻ em và người lớn hàng thế kỷ qua: *Gulliver du ký*, *Hành trình vào tâm tâm địa cầu*, *Anh chàng Hobbit*, *Tử tước chẻ đôi*, *Hiệp sĩ không hiện hữu*...

Kẻ nói khoác, nói trạo ở trên đời đâu phải hiếm có! Thế nhưng có người nào bắt cả ao vẹt trời bằng một sợi dây buộc cục mỡ, hay cười đạn thần công bay tới bay lui trong chiến trận... mà lại có thể khiến người ta mê say đến thế?!



Hieronimus Carl Friedrich von Münchhausen (1720 –1797) là một nhà quý tộc người Đức, một nhân vật có thật sống ở thế kỷ 18. Ông còn là một người người kể chuyện nổi tiếng, kể những câu chuyện phiêu lưu mà chính mình trải nghiệm khi gia nhập quân đội Nga trong cuộc chiến chống Thổ Nhĩ Kỳ. Sau khi đã được nhiều tác giả phóng đại và thêm thắt nhiều tình tiết li kỳ, dần dần Nam tước Munchausen đã trở thành một nhân vật hầu

như thuần túy văn học.



Gottfried August Bürger (1747 –1794) là một thi sĩ người Đức. Các bài thơ ballad của ông rất nổi tiếng ở nước Đức. Ông còn được biết đến rộng rãi như là người chuyển ngữ cuốn *Những cuộc phiêu lưu kỳ thú của Nam tước Munchausen* - do Raspe xuất bản bằng tiếng Anh - sang tiếng Đức sau khi đã thêm thắt khá nhiều, như ông thú nhận. *Des freiherrn von Münchhausen* của Gottfried August Burger được coi là ấn bản hoàn hảo nhất trong các tác phẩm kể về vị nam tước trứ danh này.

Các câu chuyện về Nam tước Munchausen thoát đầu được in trên tạp chí ở Berlin. Do quá nổi tiếng, các mẫu chuyện đã được Rudolf Erich

Raspe tập hợp xuất bản bằng tiếng Anh. Sau đó, Gottfried August Burger, một người đương thời với Munchausen, đã chuyển ngữ tập sách trở lại tiếng Đức đồng thời tiếp tục thêm mắm thêm muối để những cuộc phiêu lưu càng lý thú hơn.



Mục lục

[Lời giới thiệu](#)

1. Du hành đến Nga và Saint Petersburg

2. Chuyên đi săn

3. Về đàn chó và ngựa của Nam tước Munchausen

4. Các cuộc phiêu lưu của Nam tước Munchausen
trong cuộc chiến tranh chống quân Thổ

5. Các cuộc phiêu lưu của Nam tước Munchausen
trong nhà tù Thổ

6. Cuộc phiêu lưu trên biển thứ nhất

7. Cuộc phiêu lưu trên biển thứ hai

8. Cuộc phiêu lưu trên biển thứ ba

9. Cuộc phiêu lưu trên biển thứ tư

10. Cuộc phiêu lưu trên biển thứ năm

11. Cuộc phiêu lưu trên biển thứ sáu

12. Cuộc phiêu lưu trên biển thứ bảy và chuyên đòi có
thực của một tùy tùng được phép lên tiếng khi Nam tước
rời khỏi phòng

13. Ngải Nam tước kế tiếp

14. Cuộc phiêu lưu trên biển thứ tám

15. Cuộc phiêu lưu trên biển thứ chín

16. Cuộc phiêu lưu trên biển thứ mười

Hành trình lần hai lên mặt trăng

17. Chu du thế giới và những mạo hiểm kỳ thú khác



Lời giới thiệu

Viết lời giới thiệu cho mấy chuyện bốc phét vô thưởng vô phạt, liệu có sợ bị chê là mang đại bác bắn chim sẻ, khi phải cầu viện đến một tượng đài triết học như Nietzsche với lời than thở có cánh “Ai không biết nói dối thì không biết sự thật là gì”?

Nhưng đã dẫn chiếu vĩ nhân thì phải chăng cũng nên trích lục cả tác phẩm được truyền bá nhiều nhất từ khi con người biết chữ, Kinh Thánh, nơi quý sứ được gọi là tội đồ gây ra thảm họa lớn

nhất cho loài người, bởi hắn đã kể chuyện bịa với Eva để rớt cuộc sau khi ném trái cấm thì Eva cùng Adam bị đuổi khỏi thiên đàng? Không khó nhận ra rằng hành vi nói dối, nếu không là đức tính bẩm sinh, thì cũng sớm muộn chiếm một vị trí mặc định trong bộ quy tắc hành xử của xã hội loài người.

Cuốn sách mà bạn đang cầm trên tay nằm trong truyền thống kể chuyện bịa có gốc rễ từ nền văn học kinh điển cổ đại, hình như trong kho tàng văn học của mỗi dân tộc và mỗi nền văn hóa đều không thể thiếu một vài nhân vật sống bằng tài ba hoa khoác lác của mình.

Những chuyện phiêu lưu kỳ thú được cho là của Nam tước Munchausen có tới hàng trăm hàng ngàn, vì hình thức truyền miệng trong dân gian vốn là công cụ hữu hiệu nhất để chất lọc, duy trì và thêm dật thêm vào bức tranh văn chương vốn đã vô cùng phong phú. Tuy nhiên hãy quay lại với người hùng của chúng ta Hieronymus Carl Friedrich Freiherr von Münchhausen^[1] (1720 –1797), là một nhân vật bằng xương bằng thịt, hậu duệ của dòng dõi quý tộc Munchausen ở Đức. Theo truyền thống giáo dục của gia đình, ông nhập ngũ và tham gia cuộc chiến Nga-Áo-Thổ, nhờ đó đặt chân lên nhiều vùng đất lạ ở Nga, Litva, Latvia, Phần Lan... và thậm chí trước khi hồi

hương còn tìm được ở xứ lạ nửa kia cho 46 năm trời hạnh phúc tiếp theo. Thực ra chuyện đời của Nam tước Munchausen, hay ít nhất những gì được coi là kỳ thú trong cuộc đời chắc chắn có nhiều kỳ tích của ông, chấm dứt ở đây. Vì điền chủ Munchausen bây giờ chỉ còn chú tâm vui thú ruộng vườn. Nhưng tới đến, ông có đủ thì giờ tụ tập bạn bè để ôn lại những tháng năm tung hoành, và đó là địa chỉ của giới yêu chữ nghĩa ngày ấy. Trong số thượng khách của ông có nhiều tên tuổi lẫy lừng của tầng lớp tinh hoa Đức như triết gia Georg Christoph Lichtenberg, giám đốc bảo tàng Rudolf Erich Raspe, thi sĩ Gottfried August Bürger... mà ở đây ta nên ghi nhớ hai cái

tên cuối.

[1] Nguyên gốc tiếng Đức: Từng được phiên âm sang tiếng Việt là Muyn-khao-den. Sau đây chúng tôi sẽ sử dụng tên quen thuộc hơn bằng tiếng Anh: Munchausen mà không theo lối phiên âm cũ Muyn-khao-den đã phần nào xa lạ với độc giả hiện nay.

Xuất xứ kỳ thú của nhân vật văn học Munchausen

Năm 1761 Bá tước Rochus Friedrich Graf zu Lynar, bạn của Munchausen, viết một cuốn sách nhỏ mang tên “ Der Sonderling (Dị nhân)” gồm ba giai thoại ngắn để dạy bảo người hầu. Tuy kín đáo không nhắc tên, song tác giả để người

trong cuộc dễ nhận ra hình ảnh Munchausen.

1781 một kẻ ẩn danh tung ra 16 mẫu giai thoại trong cuốn “Vademecum für lustige Leute (Cẩm nang cho người vui tính)”, chép lại từ lời kể của một người đàn ông bí ẩn mang tên “M-h-s-n”. Vốn không ưa bị đàm tiếu, Munchausen rất giận nhưng không có cách nào tự vệ. Trong lần tái bản năm 1782, “Vademecum” còn được bổ sung thêm hai giai thoại mới.

Một người bạn khác của Nam tước, Rudolf Erich Raspe về cuối đời lâm vào cảnh nợ nần, đã đẩy ông đến bước

phải biến thủ một số đồ cổ trong bộ sưu tập của một nhà quý tộc ở Kassei (Đức) để trả nợ. Bị lộ, Raspe phiêu bạt sang tận Anh quốc và kiếm sống bằng nghề viết lách. 1785 ông lấy nội dung hai tập “Vademecum” rồi mạo danh Munchausen xuất bản “Baron Munchhausen’s Narrative of His Marvellous Travels and Campaigns in Russia (Những cuộc du hành và thám hiểm kỳ thú của Nam tước Munchausen ở Nga)”. Tác phẩm thành công vượt dự định và được tái bản nhiều lần, lần lượt bổ sung các chuyện đi biển. Tập 2 ra đời năm 1792, được thêm vào các phóng sự chiến trường.

Sách của Raspe được thi sĩ Gottfried

August Bürger một thực khách khác của Munchausen, phỏng dịch sang tiếng Đức năm 1786 và thêm một số sự kiện hư cấu của dịch giả, đồng thời được coi là ấn phẩm được phổ biến rộng rãi nhất về Munchausen và làm cơ sở cho bản dịch sang tiếng Việt này.

Munchausen ngoài đời

Sự nổi tiếng ngoài dự tính khiến Munchausen sinh thời vô cùng phiền muộn, vì từ đó trở đi ông không thể rũ bỏ cái tên “Nam tước nói phét”. Ấu cũng là cái giá phải trả cho những người của công chúng, nói theo ngôn ngữ của hôm

nay.

1790 Munchausen góa vợ ở tuổi 70. Không chịu nổi cảnh cô đơn, bốn năm sau ông cưới một cô gái 18 tuổi là Bernhardine von Brünn, tuy nhiên không tìm thấy hạnh phúc. Cuộc chiến tư pháp để ly hôn kéo dài 3 năm và ngốn sạch của cải của Người Kể Chuyện Vĩ Đại bất đắc dĩ. Ngày 22 tháng Hai năm 1797 Munchausen qua đời trong cay đắng và cô độc. Ông yên nghỉ trong hầm mộ gia đình Munchausen tại tu viện Kemnade gần thành phố quê hương Bodenwerder.

Di sản của Munchausen

Bodenwerder tưởng nhớ cư dân nổi tiếng của mình bằng Bảo tàng Munchausen và một giếng phun gợi nhớ đến giai thoại con ngựa bị tách làm đôi của ông. Từ 1997 thành phố Bodenwerder còn trao “Giải Munchausen” cho nghệ thuật hùng biện. Nhân vật Munchausen cũng là cảm hứng cho vô số sách truyện, tiểu thuyết^[2], kịch nói, nhạc kịch, phim...

[2] Thiết nghĩ những chuyện cười chim, cụt đầu, chẻ đôi người... khó biện hộ không tham chiếu ít nhiều tới các kỳ công Munchausen lắm.

Ở Dunte (Latvia) du khách thường đến thăm quán rượu, được coi là nơi Munchausen lần đầu tiên ngồi kể những

cuộc phiêu lưu của mình. Thành phố kết nghĩa với Bodenwerder là Kaliningard có tượng Nam tước Munchausen cười đạn thần công ở Công viên Trung tâm do Câu lạc bộ các cháu của Munchausen đưa ra sáng kiến.

Vị Nam tước bất hủ này còn là cảm hứng cho nhiều khái niệm đã đi vào học thuật hay cuộc sống thường ngày. Trong tiếng Đức có chữ *Münchhausiade* để gọi thể loại chuyện bịa. Giai thoại Munchausen tự nắm tóc kéo mình ra khỏi vũng lầy đã được đúc kết thành khái niệm “Phương pháp Munchausen”, ám chỉ sự vượt khó mà không cần trợ giúp từ bên ngoài. Vận động viên leo núi cũng

áp dụng một kỹ xảo mang tên như thế để dùng dây tự thoát khỏi kẽ nứt trên băng. Lại còn có khái niệm “số Munchausen” nữa chứ: đó là 4 số tự nhiên duy nhất mà tổng các chữ số cấu thành – sau khi nâng lên lũy thừa bậc chính nó của từng chữ số – lại cho kết quả là chính số ấy. Cụ thể, đó là các số sau đây:

$$0, \text{ vì } 0^0 = 0$$

$$1, \text{ vì } 1^1 = 1$$

$$3435, \text{ vì } 3^3 + 4^4 + 3^3 + 5^5 = 27 + 256 + 27 + 3125 = 3435$$

$$438579088, \text{ vì } 4^4 + 3^3 + 8^8 + 5^5 + 7^7 +$$

$$9^9 + 0^0 + 8^8 + 8^8 = 256 + 27 + 16777216 + 3125 + 823543 + 387420489 + 0 + 16777216 + 16777216 = 438579088$$

Tại sao gọi là “số Munchausen”? Có lẽ vì những số ấy “tự đưa mình lên bậc lũy thừa” như Munchausen tự nắm tóc mình kéo lên khỏi vũng lầy vậy!

Kể thêm một chi tiết mà, nếu còn sống, ắt sẽ không làm Nam tước Munchausen hài lòng: các bác sĩ tâm thần đôi khi bắt gặp Hội chứng Munchausen ở hai dạng *Munchausen Syndrome* và *Munchausen by Proxy Syndrome*, bệnh nhân của họ tưởng tượng ra mình hoặc người khác có bệnh và đòi

được điều trị!

Quả là một di sản lầy lùng không chỉ trong sử sách. Trên đời, có mấy ai khoác lác mà lại trứ danh được như vậy!

Lê Quang



1. Du hành đến Nga và Saint

Petersburg

Tôi bắt đầu chuyến du hành từ nhà sang Nga vào giữa mùa đông, vì tôi suy đoán chính xác là lúc này băng tuyết sẽ trải phẳng những con đường miền Bắc Đức, Ba Lan, Kurlyandiya và Liflyandiya mà không cần chính quyền ở đó phải lo lắng xuất ra nhiều công của đề tu bổ. Cứ theo lời những người đã từng đi qua thì đường sá ở đó còn tệ hại hơn đường sang Tây Trúc. Tôi đi ngựa, cũng là cách đi lại dễ chịu nhất nếu ta xét đến những trắc trở khác nữa trên đường. Vì nếu không thì phải tính đến những vụ cãi cọ với gã trưởng trạm chờ thư người Đức lịch thiệp nào đó, hoặc bị tay xà ích

nát rệu lồi tới mọi hàng quán dọc đường. Tôi mặc đồ mỏng, và thế là càng đi ngược lên phía Đông Bắc, trong người càng thấy khó chịu. Quý vị thử nghĩ xem, lúc tới Ba Lan, giữa trời rét như cắt ruột tôi thấy một lão già nghèo đói nằm run rẩy vạ vật trên bãi cỏ khô úa giữa cơn gió mùa Đông Bắc, thử hỏi ông ta chịu sao thấu khi hầu như không có mảnh vải che tấm thân trần trụi. Lão già tội nghiệp đó khiến tôi tan nát cõi lòng, và cho dù tim tôi đóng băng ngay trong lồng ngực đi nữa, tôi vẫn ném cái áo choàng để cho lão đắp. Đột nhiên một giọng nói sang sảng vang lên từ trên trời, xiển dương hành vi nhân hậu đó một cách đầy ưu ái, và dội thẳng vào tai tôi: “Có trời cao đất

dày chứng giám, con sẽ được đền bù xứng đáng!”

Tôi lẳng lẳng cưỡi ngựa đi tiếp cho đến khi trời tối sập. Không thấy làng xóm nào gần đó. Cả vùng đất ngập chìm trong tuyết, tôi không biết tiến thoái ra sao cho phải. Quá mệt mỏi trên lưng ngựa, rốt cuộc tôi trèo xuống và buộc ngựa vào một cái cọc nhọn nhô lên trên tuyết. Tôi cẩn thận cặp súng dưới nách, ngả lưng trên nền đất phủ tuyết gần đó và ngủ li bì, và chỉ mở được mắt ra khi trời đã sáng bạch. Kinh ngạc thay, tôi nhận ra mình đang nằm trên sân nhà thờ giữa làng! Thoạt tiên tôi không thấy con ngựa của mình ở đâu, song liền đó thì nghe tiếng

ngựa hí đầu đẩy trên cao. Ngẩng đầu lên, tôi thấy nó bị buộc vào mũi tên chỉ hướng gió trên nóc tháp chuông nhà thờ và đang lơ lửng trên đó. Lập tức tôi hiểu ra tình thế của mình. Thì ra đêm qua cả làng bị tuyết phủ kín. Sau đó thời tiết đột ngột chuyển hướng và thế là trong lúc ngủ tôi cứ dần dần hạ xuống nhẹ nhàng theo mức tuyết tan, và cái mà đêm qua tôi tưởng là phần gốc của một cây nhỏ nhô lên khỏi tuyết để buộc ngựa vào đó, té ra là cây cọc của mũi tên chỉ hướng gió trên nóc tháp chuông nhà thờ. Không suy nghĩ lâu la, tôi rút súng bắn đứt dây cương và nhờ thế mà may mắn lấy lại được con ngựa để tiếp tục hành trình.

Từ đó trở đi mọi sự đều ổn thỏa cho đến khi tôi tới Nga, nơi người ta không có thú vui cưỡi ngựa du hành vào mùa đông. Vẫn tuân thủ phương châm nhập gia tùy tục, tôi thuê chiếc xe trượt một ngựa và thoải mái đi tiếp tới Saint Petersburg. Giờ đây tôi không nhớ là ở Estonia hay Ingria, chỉ biết rằng đúng lúc đến giữa một cánh rừng âm u thì tôi phát hiện ra một con sói khổng lồ khiếp đang lao theo tôi với tốc độ khốc liệt của cơn đói ngấu giữa mùa đông. Chẳng mấy chốc nó đuổi kịp tôi và chắc chắn tôi không thể thoát được. Tôi chờ đăn nằm xoài xuống xe trượt, kệ cho con ngựa muốn làm gì thì làm. Lập tức xảy ra điều mà tôi phỏng đoán song không mấy may dám hy vọng

lần mong đợi: con sói không thèm để ý đến cái hình hài yếu nhược của tôi, mà nhảy vọt qua tôi để hùng hổ chồm lên con ngựa mà cắn xé, và chỉ ngoạm một phát là nuốt chửng phần mông. Phát điên vì kinh sợ và đau đớn, con vật tội nghiệp càng phi nhanh hơn. Thoát hiểm một cách tình cờ và may mắn, tôi rón rén ngẩng lên nhìn và kinh hoàng nhận thấy con sói gần như đã chui tọt vào bụng ngựa, lập tức tôi chớp thời cơ và quật roi đen đét lên tám da. Cú tấn công bất ngờ lên vỏ bọc ngoài không hề làm con sói sợ; nó càng cố hết sức chui sâu hơn, xác con ngựa đổ vật xuống, và nhìn kìa, bây giờ con sói đã thay chỗ con ngựa để khoác bộ dây cương. Về phần mình, tôi không ngừng

quất roi và chúng tôi lao như bay đến tận Saint Petersburg, an toàn và khỏe mạnh, hoàn toàn trái ngược với dự liệu của cả hai và khiến mọi người xung quanh há hốc mồm kinh ngạc.

Thưa quý vị, tôi đâu dám làm quý vị buồn tẻ với những lời kể lể dông dài về tình hình ở kinh đô nước Nga hoành tráng, về các môn nghệ thuật, văn hóa, cùng những trò kỳ quái ở đó, lại càng không dám pha trò cho quý vị bằng các mưu mô và phiêu lưu kỳ thú của tầng lớp cao sang, nơi quý bà chủ nhà luôn chào đón khách bằng một ly rượu mạnh và hôn khách chùn chụt. Cho phép tôi được chiều sự chú ý của quý vị bằng những

đôi tượng cao quý hơn, thí dụ như ngựa và chó, cũng là những thứ luôn chiếm được cảm tình đặc biệt của tôi; ngoài ra ta sẽ trò chuyện về cáo, chó sói, gấu và những loài muông thú khác mà nước Nga vốn sở hữu thừa mứa hơn bất cứ đất nước nào trên thế gian này; cuối cùng tôi sẽ kể cho quý vị nghe về các cuộc hoan lạc, các buổi thao diễn của kỵ sĩ và nhiều hành vi cao quý khác, khả dĩ xứng tầm với giới quý tộc hơn là mấy ngôn ngữ Hy Lạp và La Tinh cổ lỗ sĩ, hay những túi dầu thơm, hộp xoàn và sự ngạo nghễ của giới học giả và thợ làm đầu Pháp.

Một thời gian dài đã trôi qua trước khi tôi nhập ngũ. Mấy tháng liền tôi tự do

chơi dài, vung tay phung phí tiền bạc và thời gian như một nhà quý tộc thực thụ. Tôi chơi bài thâu đêm và rượu chè be bét suốt ngày. Trong các trò tiêu khiển ngoài xã hội, khí hậu lạnh của xứ này và phong tục bản địa dành cho chai rượu một vị thế cao hơn hẳn so với nước Đức khổ hạnh của chúng ta, vì vậy tôi thường gặp ở đó những người được tôn vinh như bậc thầy thực thụ trong nghệ thuật đối ẩm cao sang. Nhưng tất cả số họ chỉ là hạng nghiệp dư thảm hại, nếu đem so với một vị tướng râu bạc có nước da màu đồng hun ngồi ăn cùng bàn chúng tôi. Ông tướng già bị vạt mất nắp hộp sọ trong một trận chiến chống quân Thổ và do đó, mỗi khi có mặt người lạ, ông luôn khăn

khoản xin thứ lỗi, rằng ông không thể bỏ mũ. Bữa ăn nào ông cũng nốc cạn vài chai cognac rồi sau đó thường là kết thúc với một chai rượu hồi Arak, và tùy theo tình hình mà lặp lại tất cả vài lần nữa. Dù vậy chưa ai từng nhận ra một chút gì gọi là phê phê ở ông. Chắc các vị không tin nổi. Tôi thông cảm với quý vị, vì chính bản thân tôi cũng không tin nổi. Một thời gian dài tôi không thể hiểu được, cho đến dịp tình cờ tìm ra lời giải.

Vị tướng có thói quen thỉnh thoảng he hé nhắc mũ. Tôi thường nhìn thấy nhưng vẫn không hề có ý nghi ngờ gì. Chắc chắn ông thấy bức sốt trên trán thôi, và nhắc mũ cho thoáng thì cũng là chuyện

nhỏ. Nhưng rồi cuộc có lần tôi chứng kiến ông nhắc mũi và đồng thời hé mở cả cái vung màu bạc gắn ở mũi, vốn dùng



Tôi từ tốn nhẹ nhàng đáp qua ông

khói, hạ xuống giữa bếp lò may sao lúc đó không nhóm lửa.

thay cho nắp hộp sọ, và đúng lúc đó một làn hơi từ chỗ rượu ông uống cũng bay lên. Giờ thì câu đố đã có lời giải. Tôi kể cho vài bạn thân nghe, và ngay tối hôm đó tôi xung phong làm thí nghiệm để chứng minh phỏng đoán của tôi là đúng. Vậy là tôi cầm tẩu thuốc tiến ra sau lưng vị tướng, rồi đúng lúc ông hạ mũ, tôi châm lửa vào làn hơi rượu bay lên; thế là chúng tôi được chứng kiến một tiết mục mới đầy hấp dẫn. Tôi đã biến quầng hơi trên đầu người hùng của chúng ta thành một vòi lửa, và chỗ hơi rượu còn đọng giữa tóc và mũ tạo thành một quầng

sáng còn rực rỡ hơn vàng hào quang trên đầu các vị thánh cao cả nhất. Thí nghiệm của tôi không qua nổi mắt vị tướng, nhưng ông chẳng hề tức giận, thậm chí còn cho phép chúng tôi lặp lại thí nghiệm đó, vì nó đem lại cho ông danh tiếng lừng lẫy.



2. Chuyện đi săn

Tôi xin bỏ qua vài sự kiện hay ho đã diễn ra trong những dịp tương tự, vì tôi nghĩ nên kể cho quý vị nghe những chuyện đi săn mà tôi cho rằng còn đáng để tâm và thú vị hơn. Các vị có thể dễ hình dung ra là tôi luôn có quan hệ tuyệt hảo với các ông bạn vàng biết thưởng thức vẻ đẹp của rừng hoang. Bất kể đó là những trải nghiệm luôn mới mẻ hay chỉ để giết thì giờ, hay sự may mắn tốt bậc khiến tôi làm gì cũng thành công, đây là những kỷ ức tuyệt vời nhất mà tôi từng có. Một buổi sớm mai, nhìn qua cửa sổ phòng ngủ tôi thấy cái ao to gần nhà kín đặc vịt trời bơi lội. Nhanh như cắt, tôi vớ lấy cây súng và nhảy xuống cầu thang,

và vì quá hấp tấp bất cần tôi lao mặt vào cánh cửa. Mắt nổ đom đóm như pháo hoa, song tôi không dừng bước. Tôi lao tới, giương súng lên, thì tá hỏa nhận ra hòn đá đánh lửa đã rơi khỏi súng vì cú xô vào cửa. Làm sao bây giờ? Thời cơ có chờ đợi bao giờ đâu! May sao, tôi chợt nhớ ra hình ảnh vừa lóe trong mắt. Vậy là tôi lật nắp khoang đựng thuốc súng, chĩa súng thẳng vào lũ chim hoang và tự đâm mạnh vào một mắt. Cú đâm gây ra những tia lửa như hoa cà hoa cải làm súng phát hỏa, hạ gục năm đôi vịt, bốn chú mòng két và mấy con le le. Sự nhanh trí vốn là linh hồn của những hành động oai hùng. Binh sĩ và thủy thủ thường nhờ vậy mà may mắn thoát khỏi

nanh vuốt tử thần, và thợ săn cũng không hiếm khi gặp may vì thế.

Trong một chuyến đi săn, có lần tôi đến bên một bờ hồ lớn và thấy mấy chục con vịt trời, song chúng cách nhau quá xa để có thể hy vọng bắn một phát xuyên tảo vài con, rủi nữa là nòng súng chỉ còn viên đạn cuối cùng. Tuy nhiên tôi muốn hạ cả đàn vì sắp đến dịp mời rất nhiều bạn bè thân thiết đến ăn tiệc tại nhà mình. Lúc đó tôi sực nhớ đến một miếng mỡ chân giò từ gói thức ăn đem theo còn thừa trong túi săn. Tôi buộc miếng mỡ vào đoạn dây buộc chó mà tôi tẽ làm tư rồi nối lại khá dài. Sau đó tôi trón vào lùm sậy ven bờ, tung miếng mỡ ra và

khoái trá thấy con vịt gần nhất lao tới nuốt chửng. Cả đàn nổi đuôi nhau ào tới, và vì miếng mỡ trơn tuột không bị tiêu hóa mà phòi ra sau đít con thứ nhất nên con thứ hai nuốt tiếp, và cứ thế cho đến con cuối cùng. Tóm lại là miếng mỡ chu du qua bụng cả đàn vịt mà vẫn không tuột khỏi dây buộc. Giờ thì cả lũ xâu nổi nhau như chuỗi cườm. Tôi khoan khoái kéo cả đàn lên bờ, quấn dây vài vòng lên vai và cứ thế đi về nhà.

Vì đường về nhà còn khá xa và vác lũ vịt cũng quá nặng, tôi hơi ân hận là đã bắt quá nhiều vịt làm gì cho khổ. Vừa lúc ấy thì xảy ra một chuyện mà thoát nhiên không làm tôi bất ngờ chút nào. Chả là lũ

vịt còn sống cả, và sau phút ngỡ ngác đầu tiên, chúng bắt đầu đập cánh phành phạch bay lên, lôi theo cả tôi lên không trung. Người khác có lẽ sẽ hốt hoảng, song tôi thì lợi dụng vụ đó và phát vạt áo khoác chỉnh hướng bay về phía nhà mình. Khi nhìn xuống thấy nhà mình, tôi liền nghĩ ra mẹo hạ cánh an toàn bằng cách dìm đầu từng con vịt xuống, nhờ vậy tôi từ tốn nhẹ nhàng đáp qua ống khói, hạ xuống giữa bếp lò may sao lúc đó không nhóm lửa, khiến gã đầu bếp giật bắn mình.

Một vụ tương tự cũng có lần xảy ra với một xâu gà. Tôi đi thử khẩu súng mới và đã bắn hết chỗ đạn ghém ít ỏi mang

theo, đúng lúc bất ngờ một đàn gà bay vụt lên ngay trước mặt. Muốn được vài con cho bữa tối, tôi nảy ra một sáng kiến mà các quý vị hãy ghi nhớ để làm theo khi cần. Tôi đợi đàn gà bay xuống rồi nhanh tay lên đạn, nhưng thay vì nạp đạn thì tôi tổng que nhồi thuốc súng mà tôi khẩn trương mài nhọn đầu vào nòng. Sau đó tôi tiến đến gần đàn gà, đợi chúng bay tủa lên và bóp cò. Que nhồi thuốc súng xuyên qua bảy con gà có lẽ rất ngạc nhiên là đã sớm được tụ họp vào một mớ như vậy. Chúng từ từ rơi xuống cách đó một đoạn. Thế đấy, trên đời này phải biết cách tìm ra giải pháp cho mọi khó khăn.

Một lần khác, tôi bắt gặp một con cáo

đen đẹp mê hồn trong một khu rừng Nga xinh xắn. Bộ lông ấy mà bị xuyên thủng bởi một viên đạn hay chùm đạn ghém thì tiếc lắm. Con cáo đứng sát một gốc cây. Tôi nhanh tay lấy viên đạn khỏi nòng, thay vào đó một cái đinh nhọn, giương súng bóp cò, khéo đến nỗi găm chặt đuôi nó vào gốc cây. Giờ thì tôi chỉ việc bình tĩnh tiến lại, lấy dao sắc rạch một vòng quanh cổ rồi dùng roi ngựa từ từ quất cho con cáo chui ra khỏi bộ lông tuyệt đẹp của nó. Trông mà sướng mắt!

Đôi khi nhờ ngẫu nhiên hoặc may mắn mà ta sửa được sai lầm trót đã phạm phải, như tôi đã từng trải qua khi bắt gặp giữa rừng sâu một chú lợn rừng con và

mẹ nó đi sát nhau. Tôi bắn trượt. Dù vậy con lợn con cứ thế một mình chạy tiếp, con mẹ đứng im như trời trồng. Tôi tiến lại gần xem sao và phát hiện ra đó là một con lợn mẹ bị mù, nó cắn đuôi lợn con để được dẫn đường. Do viên đạn của tôi bắn qua giữa hai con và cắt đứt cái đuôi nên con mẹ vẫn ngậm mẩu đuôi trong mõm. Nó dừng lại vì không được kéo đi tiếp. Vậy là tôi nắm lấy mẩu đuôi sót lại của con lợn con và cứ thế dắt con mẹ bất lực cun cút theo tôi về nhà.

Nói chung lợn rừng cái rất đáng gờm, nhưng lợn rừng đực mới thật là hung hãn và nguy hiểm. Có lần tôi chạm trán một con trong rừng, rui một nhẽ là tôi hoàn

toàn không có ý định tấn công nó hay tự vệ gì sất. Tôi chỉ kịp lẩn ra sau một gốc cây khi con mãnh thú điên cuồng lao tới. Cặp nanh của nó cắm phập vào gốc cây và nó không thể rút ngay ra được mà cũng không thể tấn công tiếp. “Chết cha mày rồi!” tôi nghĩ, “giờ thì mày hãy đợi đây!” Tôi nhanh tay vớ một hòn đá, lấy hết sức bình sinh đập cho cặp nanh của nó quặp vào cây không thể rút ra nổi. Thế là con lợn phải đứng đó đợi tôi chạy vào xóm gần nhất lấy dây thừng và xe cút kít để ung dung chở nó còn sống nguyên về nhà.

Quý vị chắc hẳn biết Thánh Hubertus là vị thần hộ mệnh cho cánh thợ săn và

thợ rừng, và nhất định cũng biết đến con hươu khổng lồ có thập giá giữa cặp sừng đã gặp ngài giữa rừng. Bao nhiêu năm nay tôi vẫn cùng mọi người làm lễ cúng tế ngài, còn con hươu thì tôi đã nhìn thấy hình vẽ nó cả ngàn lần trong nhà thờ hoặc thêu trên ngôi sao của các kỵ sĩ, cho nên tôi không thể cả quyết trước vinh quang và lương tâm của một người thợ săn sừng đạo, liệu từ xưa hoặc thậm chí đến tận hôm nay có tồn tại loài hươu đội thập giá như thế không. Nhưng xin quý vị cho phép tôi kể lại những gì mắt tôi trông thấy. Một lần, khi đã bắn hết đạn, tôi bất ngờ chạm trán con hươu khổng lồ nhất thế giới. Nó điềm nhiên nhìn vào mắt tôi, tựa như biết chắc là túi đạn của tôi đã

rỗng tuếch. Lập tức tôi nhồi thuốc súng vào một nắm hột anh đào mà tôi vừa nhả ra nhanh hết sức có thể. Rồi tôi bắn trúng giữa trán nó, giữa hai sừng. Loạt đạn làm nó loạng choạng, nhưng nó vẫn chạy thoát.



Ngẩng đầu lên, tôi thấy nó bị buộc

*vào mũi tên chỉ hướng gió trên nóc
tháp chuông nhà thờ và đang lơ lửng
trên đó.*

Một hoặc hai năm sau, tôi lại đi săn ở
đúng cánh rừng ấy; và nhìn kìa, một con
hươu khổng lồ hiện ra, giữa hai sừng là
một cây anh đào sum xuê cao hơn ba
thước. Tôi nhớ ngay đến sự kiện ngày
xưa. Tôi coi con hươu là vật sở hữu
chính đáng của mình và bắn hạ nó bằng
một phát đạn, thế là làm được một bữa
thịt hươu rán với nước sốt anh đào, vì
cây anh đào trổ những quả ngon ngọt
nhất mà tôi chưa từng được ăn trong đời.
Ai dám cam đoan là không có một vị
thánh ham săn bắn nào đó hoặc một linh

mục hay cha xứ mê đi săn đã từng cắm cây thập giá vào giữa cặp sừng hươu của Thánh Hubertus bằng cách tương tự? Họ đã nổi danh nhờ cây thập giá và hành vi cắm sừng từ xưa, một số còn được biết đến cho đến tận hôm nay. Rơi vào thế cùng cực, và phải lựa chọn giữa hai con đường như một thợ săn ngoan đạo nhiều khi vẫn gặp phải, anh ta sẽ làm bất cứ việc gì có thể, còn hơn là để lỡ mất cơ hội ngon lành. Bản thân tôi đã vài lần sa vào tình cảnh bị thôi thúc như vậy.

Các vị nghĩ sao về trường hợp sau đây: có lần tôi hết thuốc súng trong một khu rừng ở Ba Lan, khi trời đã tối. Trên đường về, một con gấu khổng khiếp xò

đến, mồm há hoang hoác chực nuốt
chúng tôi. Tôi hấp tấp thọc tay vào tất cả
các túi tìm thuốc súng và đạn nhưng vô
ích, chỉ thấy mỗi hai viên đá lửa như
người ta vẫn hay đem theo dự phòng. Tôi
lấy hết sức ném một viên vào mồm con
quái vật, tọt vào họng nó. Có lẽ bị đau
mà nó quay lưng chạy, thế là tôi ném nốt
viên kia vào mông nó. Mọi sự diễn ra
quá tuyệt vời. Viên đá lửa không chỉ chui
tọt vào lỗ đít con gấu, mà còn chạm vào
viên thứ nhất đến tóe lửa, nổ ầm lên và
xé banh xác con vật. Dù đã may mắn
thoát hiểm bữa ấy, tôi hoàn toàn không
muốn lặp lại chuyện đó lần nữa hoặc gặp
gấu mà không có phương tiện tự vệ nào
khác.

Hình như số mệnh tôi là thế, cứ khi nào không có tắc sắt nào trong tay là y như rằng, tôi bị những quái vật tàn bạo nhất và nguy hiểm nhất tấn công tựa như linh tính báo cho chúng biết là tôi đang ở thế bất lực. Thí dụ có lần tôi vừa tháo viên đá đánh lửa ra để mài cho nhọn thì đột nhiên vang lên tiếng gầm man rợ của một con gấu. Tất cả những gì tôi có thể làm được là vội leo lên cây gần nhất để kiếm cách tự vệ. Rủi thay, trong lúc leo cây tôi đánh rơi con dao đang dùng để xoay vít, thế là dù có súng tôi cũng như hoàn toàn không còn gì trong tay. Con gấu đứng dưới gốc cây, và tôi chờ nó leo lên theo bất cứ lúc nào. Tôi không định phóng lửa từ mắt như đã có lần từng làm,

vì thí nghiệm hồi đó khiến tôi đau mắt kinh khủng, tới lúc này vẫn chưa hết. Tôi đau xót nhìn con dao cắm xuống mặt tuyết bên dưới, nhưng bây giờ thì ánh mắt có đau xót đến mấy cũng chẳng ích gì. Rốt cuộc tôi chợt nảy ra một ý vừa kỳ quái lại vừa hữu hiệu. Tôi hướng cái tia của loại chất lỏng mà người ta thường hay có rất sẵn khi sợ hãi vào đúng chuôi dao. Nhiệt độ lúc đó lạnh kinh khủng khiến nước đóng băng tấp lự, trong nháy mắt đã tạo ra một cột băng nổi dài cán dao lên đến tận cành cây. Tôi tóm lấy cán dao nổi dài đó rồi nhẹ nhàng, cẩn trọng kéo con dao lên. Vừa dùng dao xoay xong vít cho chặt thì con gấu cũng leo lên đến nơi. Tôi nghĩ, quả thực là

người ta phải thông minh hơn loài gấu để tóm đúng thời cơ và nghênh tiếp vị khách không mời bằng một loạt kẹo chì ngọt ngào, để ngài vĩnh viễn không bao giờ biết trèo cây là gì nữa.

Một lần khác, đột nhiên một con sói tàn bạo lao vào tôi, sát đến nỗi tôi không còn cách nào khác, ngoài tuân theo một phản xạ cơ học là tống cho nó một quả đấm vào cái mõm đang nhe ra. Để cho chắc ăn, tôi liên tục dần tiếp, và tay tôi ngập vào họng nó đến gần lút vai. Phải làm gì đây? Tôi thực sự không thể mên cái tình cảnh trớ trêu này chút nào. Các vị thử nghĩ xem, người và sói áp sát mặt nhau! Hai chúng tôi nhìn chòng chọc vào

mắt nhau không được âu yếm cho lắm. Tôi mà rút tay ra, con quái vật thịnh nộ đó sẽ vồ lấy tôi ngay. Ít nhất là tia mắt tóe lửa của nó nói rất rõ điều đó. Nói ngắn gọn là tôi túm chặt gan ruột của nó, lộn tuột ra ngoài như cái găng tay, rồi lẳng nó xuống đất. Tôi đã không hề muốn lặp lại hành động đó với một con chó đại mà tôi chạm trán trong một ngõ hẹp ở Saint Petersburg sau đó ít lâu. “Ba mươi sáu chước, chước chuồn là hơn!” tôi tự nhủ. Để thoát thân cho nhanh, tôi quăng áo choàng rồi chạy. Sau đó tôi sai người hầu đi lượm cái áo choàng đem về treo lên mắc áo. Hôm sau, tôi giật bắn mình khi nghe tiếng Johann gào lên thảm thiết: “Chúa ơi, ngài Nam tước, áo choàng của

ngài bị đại!” Tôi vội chạy ra chỗ gã, thấy toàn bộ quần áo của mình tung tóe khắp nơi và nát bươm. Johann nói rất chuẩn là cái áo choàng bị đại. Lúc chạy ra, chính mắt tôi vừa kịp chứng kiến nó đang vồ lấy chiếc áo dự tiệc mới tinh và cắn xé không thương tiếc.



3. Về đàn chó và ngựa của Nam

trước Munchausen

Thưa quý vị, trong tất cả các trường hợp kể trên tôi đều may mắn thoát nạn, mặc dù là toàn vào phút cuối cùng, và cũng chính là nhờ số mệnh mà tôi đã dũng cảm và nhanh trí lái theo đúng hướng thôi. Mọi người đều biết đấy, tất cả những yếu tố đó cộng lại sẽ tạo ra một thợ săn, một thủy thủ hoặc một chiến binh may mắn. Nhưng thợ săn nào, thuyền trưởng hay vị tướng nào mà chỉ luôn luôn ỷ vào số đỏ hoặc chòm sao hộ mệnh mà không trang bị cho mình những kỹ năng đặc biệt cần thiết và công cụ bảo đảm thành công, thì quả là bất cần và đáng trách. Tôi không khi nào để bị phê phán

như vậy, vì tôi luôn nổi tiếng là biết chọn ngựa, chó và súng hảo hạng, cũng như biết sử dụng chúng một cách hoàn hảo, nói cách khác là tôi được phép tự hào vì sở hữu rừng cây, đồng cỏ và ruộng đất của mình một cách xứng đáng.

Tôi không định kể lễ những chi tiết vụn vặt về chuồng ngựa hay trại nuôi chó hoặc kho súng của tôi như các nhà quý tộc khác thường làm đâu, tuy nhiên có hai con trong đàn chó của tôi hầu hạ tôi xuất sắc đến nỗi tôi không bao giờ quên được chúng, và nhân tiện đây, cũng muốn nhắc đến vài lời. Một con là giống chó săn chim, dai sức, tận tụy và thận trọng, ai thấy nó cũng sinh lòng ghen tị với tôi.

Tôi có thể sử dụng nó cả ngày lẫn đêm. Khi nào trời tối, tôi cứ treo một cái đèn vào đuôi nó là có thể dễ dàng đi săn như ban ngày, thậm chí còn sáng hơn ban ngày. Sau lễ cưới ít lâu, có lần nhà tôi ngỏ ý muốn đi săn. Tôi phi ngựa dẫn đầu để lòng thú săn, chẳng bao lâu, con chó của tôi đứng trước một đàn gà rừng hàng trăm con. Tôi đợi hồi lâu mà vợ tôi chưa đến, bà ấy cùng viên trợ lý và người hầu xuất hành ngay sau tôi mà mãi cũng chẳng thấy bóng ai.

Đợi một lát, tôi sốt ruột quay trở lại. Đi được khoảng nửa đường, tôi nghe thấy tiếng rên rỉ thảm thiết. Nghe thì có vẻ gần, nhưng xung quanh không một

bóng người. Tôi xuống ngựa, áp tai xuống đất. Giờ thì tôi không chỉ nhận ra



Các vị thử nghĩ xem, người và sói áp sát mặt nhau! Hai chúng tôi nhìn chòng chọc vào mắt nhau không được âu yếm cho lắm.

tiếng rên rỉ từ dưới lòng đất vang lên, mà còn nghe rõ đó là tiếng vợ tôi, viên trợ lý và người hầu. Đồng thời cũng thấy gần chỗ tôi đứng có một cửa lò dẫn xuống hầm khai thác than đá, và tôi đâu thể nghi ngờ gì nữa, chán thế đây, bà vợ tội nghiệp cùng hai người kia nhất định đã bị rơi xuống đó rồi. Tôi vội phi đến làng gần nhất gọi thợ mỏ, và sau khi mất rất nhiều thì giờ và công sức họ cũng kéo được những bị nạn từ hầm lò sâu chín mươi thước lên mặt đất. Thoạt tiên họ lôi

người hầu và con ngựa của hắn, sau đó đến lượt tay trợ lý, vợ tôi, và cuối cùng là con ngựa già hom hem giống Thổ Nhĩ Kỳ của bà ấy.

Đáng ngạc nhiên nhất trong vụ ngã kinh hồn xuống hầm lò ấy là người và ngựa hầu như không hề hấn gì, trừ mấy vết xước nho nhỏ, nhưng bù lại thì họ choáng váng lắm vì nỗi kinh hoàng không tả được bằng lời. Lúc này thì chẳng ai lòng dạ nào nghĩ tới chuyện đi săn nữa, các vị cũng dễ đoán ra, nhưng tôi đoán các vị cũng nhận ra rằng trong cả câu chuyện vừa rồi tôi cũng quên bằng con chó, chắc cũng chẳng ai giận tôi. Công việc bắt tôi sáng sớm hôm sau phải lên

đường, mười bốn ngày sau mới quay về. Tôi ngồi chưa nóng chỗ thì chợt nhớ đến con chó săn. Không ai nghĩ đến nó cả, vì ai cũng cho rằng nó đi cùng tôi, nhưng đau khổ thay, bây giờ chẳng tìm thấy nó đâu cả. Rốt cuộc tôi mới sức nghĩ ra hay là nó vẫn ở chỗ đàn gà? Tôi vội tới chỗ đó ngay, trong lòng đầy hy vọng trộn lẫn lo sợ. Và trông kia, tôi sững như mở cờ trong bụng nhìn thấy con chó vẫn đứng nguyên vị trí mà tôi bỏ lại nó trước đây mười bốn ngày. Tôi hô “Xong!” và nó lao ngay lập tức vào đàn gà, và với một phát súng tôi bắn hạ hai mươi lăm con. Con vật tội nghiệp hầu như không còn đủ sức lết về với chủ, nó gần như chết đói, chỉ còn da bọc xương. Để đưa nó về nhà,

tôi buộc phải bế nó lên ngựa, và các vị hãy tin là tôi làm công việc khó nhọc đó với niềm vui tột độ.

Sau khi được chăm sóc tử tế mấy hôm liền, nó lại nhanh nhẹn trở lại như trước, và nhờ nó mà mấy tuần sau tôi giải đáp được một câu đố mà nếu không có trợ giúp thì có lẽ cả đời tôi cũng không nghĩ ra. Chẳng là tôi theo dấu một con thỏ hai ngày liền. Chó luôn đánh hơi được nó, nhưng tôi không thể nào nhả đạn nổi. Từng trải qua bao sự kiện động trời, tôi không bao giờ tin vào chuyện ma quỷ, nhưng lúc này mọi giác quan của tôi đều đi đâu mất. Rốt cuộc tôi cũng áp sát được con thỏ, đưa được nó vào tầm bắn.

Nó lặn bụng ra, và các vị thử đoán xem cái gì hiện ra trước mắt tôi? Con thỏ ấy có bốn chân dưới bụng và bốn chân trên lưng. Cứ khi nào bốn chân dưới mồi, nó lại lật ngửa lên như một vận động viên bơi lội cừ khôi biết bơi ngửa như bơi sấp, và với bốn chân kia nó lại tăng tốc mạnh hơn. Tôi chưa bao giờ thấy lại một con thỏ như thế, và tôi cũng không hạ được con này nếu không có một con chó với nhiều khả năng xuất chúng đến thế. Con này hơn gấp vạn những con khác cùng giống, và có lẽ tôi không ngần ngại gắn thêm vào tên nó danh hiệu Độc Nhất Vô Nhị, nếu không có một con chó chân cao khác của tôi tranh giành vinh dự ấy. Đây là một con chó tuyệt đỉnh, về hình

dáng cũng như về tốc độ vô song. Giá mà các vị được thấy nó, chắc hẳn các vị sẽ trầm trồ khen ngợi và không hề ngạc nhiên vì sao tôi yêu quý nó đến thế và hay đưa nó đi săn. Hồi đi săn với tôi, nó chạy nhanh đến nỗi bốn cẳng mòn đến sát bụng, mấy năm cuối đời chỉ còn được dùng để săn chồn và kể cả trong thời lão suy ấy cũng săn chồn rất giỏi. Nhân tiện kể chuyện về giống chó chân cao, tôi còn có một con chó cái. Nó đánh hơi được một con thỏ, và tôi thấy con thỏ béo một cách bất thường. Tôi thương con chó quá vì nó đang chữa mà vẫn cố gắng chạy nhanh như mọi khi. Tôi phi ngựa theo sau, bị bỏ lại cả một quãng xa. Đột nhiên tôi nghe tiếng sủa ồ ồ ồ ồ như của cả

một bầy chó, tiếng rất khê và yếu, tôi không hiểu chuyện gì xảy ra nữa. Lúc đến gần, tôi không thể tin vào mắt mình. Con thỏ cái vừa chạy vừa đẻ, con chó của tôi cũng sinh con, và số thỏ con đúng bằng số chó con. Bầy thỏ chạy trốn theo bản năng, còn lũ chó không chỉ truy đuổi, mà con tóm cổ được hết. Thế là cuối buổi đi săn tôi có sáu con, vừa thỏ vừa chó, trong khi thoát đầu chỉ có mỗi một con.

Tôi rất vui khi nhớ đến con chó tuyệt vời ấy như nhớ con tuần mã giống Litva, một tạo vật hoàn hảo không thể mua được bằng tiền. Số phận đã trao nó vào tay tôi để tôi có dịp thể hiện nghệ thuật phi ngựa xứng tầm với tên tuổi không

kém vang dội của mình. Hồi đó tôi có dịp đến thăm nông trang hoành tráng của Bá tước Probovski ở Litva và ngồi uống trà với các phu nhân ở phòng khách, trong lúc các quý ông xuống sân ngắm con ngựa non mà người ta vừa mới đưa từ trại ngựa lên. Bỗng nhiên chúng tôi nghe tiếng kêu cứu. Tôi lao xuống cầu thang thì thấy con ngựa hung dữ lồng lộn, khiến cho không ai dám lại gần chứ đừng nói là còn trèo lên lưng nó. Các kỵ sĩ kỳ cựu nhất đều đứng ngẩn tò te, mặt đầy vẻ lo âu và sợ hãi. Tôi nhún một bước, nhảy phắt lên lưng con ngựa. Nó không chỉ giật mình đứng sững lại, mà còn hoàn toàn quy phục tài điều khiển của tôi và trở nên ngoan ngoãn như cừu.

Để các quý bà yên lòng và quên hết mọi phiền muộn vô ích, tôi bắt con ngựa phi vào phòng trà qua một cửa sổ đang mở. Tôi biểu diễn các kiểu phi, lúc thì nước kiệu, khi thì nước đại, rồi thì nhảy tại chỗ, thậm chí còn ngồi lên bàn trà, tóm lại là đủ các kỹ xảo khiến các quý bà tròn mắt thán phục. Con ngựa khéo léo đến khó ngờ, không hề chạm đến âm tách trên bàn. Tiết mục này khiến các quý bà và ngài Bá tước hết sức hài lòng, và ngài khẩn khoản xin tôi hãy nhận nó làm quà tặng. Tôi đã cưới nó trong cuộc chinh phạt quân Thổ Nhĩ Kỳ do Bá tước Munnich phát động mấy tháng sau đó.



4. Các cuộc phiêu lưu của Nam tước Munchausen trong cuộc chiến tranh chống quân Thổ

Thật khó tưởng tượng ra một món quà nào có thể khiến tôi thích hơn được, nhất là khi nó hứa hẹn đem lại nhiều thuận lợi trong cuộc chinh chiến đầu tiên mà tôi

được chứng tỏ tài nghệ thiện chiến của mình. Một con ngựa rầm rập tuân lệnh như cừ non, lại vừa gan dạ và hùng dũng như tuấn mã Bucephalus của Alexander Đại Đế. Còn phải nói, nó luôn nhắc tôi nhớ đến nghĩa vụ của một người lính trung thành và chiến tích lẫy lừng mà Alexander Đại Đế thời trẻ đã giành được nơi chiến trường. Trời đổ tuyết khi chúng tôi ra trận, với một trong những mục đích là phục dựng lại danh tiếng của quân đội Nga đã ít nhiều sút mẻ dưới thời Sa hoàng Peter sau trận đánh bên sông Prut. Chúng tôi đã thắng lợi rực rỡ, qua những chuyển chinh phạt nhọc nhằn nhưng đầy vẻ vang dưới ngọn cờ của vị thống lĩnh vĩ đại mà tôi đã nhắc ở trên. Đức tính

khiêm nhường không cho phép kẻ dưới quyền được nhận công lao cho những chiến tích vĩ đại, và vinh quang thì bao giờ chẳng thuộc về những thủ lĩnh, bất kể họ có khả năng ấy hay không. Thậm chí người ta còn ngộ nhận đến mức quy sự vẻ vang đó về các vua chúa hoàng hậu vốn dĩ chỉ biết mùi thuốc súng ở thao trường, và ngoài các cuộc ăn chơi xa xỉ cũng chỉ nhìn thấy hàng quân rầm rập diễu qua trong những cuộc duyệt binh. Nghĩa là tôi sẽ không cố sống cố chết mà gán bằng được tên mình vào những vụ đụng độ lớn với quân địch đâu. Nói chung là chúng tôi hoàn thành nghĩa vụ của mình, và nên hiểu điều đó trong ngôn ngữ của người yêu nước, người lính, tóm

lại là của một công dân trung thành, và hiểu một cách đầy đủ hơn những gì mà đám hạ dân có thể hình dung ra được. Tôi chỉ huy một đội kỵ binh trong quân đoàn, do đó tôi tham sự nhiều chuyến tham sát, và mọi thành



Nhìn kìa, một con hươu khổng lồ

*hiện ra, giữa hai sừng là một cây anh
đào sum suê cao hơn ba thước.*

bại phụ thuộc vào trí thông minh và lòng dũng cảm của tôi. Quả thực tôi hoàn toàn có quyền coi thắng lợi đó là do công lao của tôi và các đồng đội trung thành do tôi dẫn dắt từ thắng lợi này đến thắng lợi khác.

Một lần, khi đồn được quân Thổ vào Ochakov, đội quân đi đầu sa vào tình huống quyết liệt và con ngựa máu nóng giống Litva suýt nữa đẩy tôi vào thế khó. Tôi phi trước hàng quân khá xa và thấy quân địch xáp lại trong một đám mây bụi, trong khi không hề đoán được quân

số và ý đồ của chúng. Bây giờ mà lẫn vào một đám mây bụi tương tự thì là một mẹo tầm thường, không hề giúp tôi phán đoán tình hình tốt hơn, mà cũng chẳng phục vụ ý đồ tôi đang nung nấu khi đi trước hàng quân. Do đó tôi hạ lệnh cho tốp lính của tôi tản ra và tạo ra càng nhiều bụi mù mịt càng tốt. Bản thân tôi phi trực diện đến phía địch để quan sát chúng từ cự ly gần thì quân địch chạy tán loạn khi hai cánh sườn tiến đến. Tôi quả cảm xông vào trận. Chúng tôi đánh tan quân địch, không chỉ truy kích chúng đến tận thành Loche mà còn đuổi theo xa hơn mọi dự tính say máu nhất. Vì con ngựa Litva của tôi nhanh quá sức tưởng tượng nên tôi phi trước cả đoàn quân, và khi

thấy quân địch đang chạy tóa ra phía cửa thành đối diện, tôi cho là nên dừng chân ở quảng trường chợ để sai thối kèn gọi binh lính tập trung. Lúc dừng ngựa thì, các vị thử hình dung xem, tôi quá sửng sốt vì không thấy tay lính thối kèn lẫn một bóng một dáng nào trong toán kỵ binh của tôi đâu cả. Họ đã phi vào phố, hay có chuyện gì xảy ra mới được. Tôi không tin là họ ở xa, chắc chắn họ sắp theo kịp thôi. Nghĩ vậy, tôi mới thúc con ngựa Litva đang thở hổn hển phi đến đài phun nước trên quảng trường chợ để nó uống nước. Nó hút nước như ba ba thường luồng mãi không ngừng. Cho đến lúc ấy mọi việc đều bình thường. Nhưng khi tôi quay lại tìm người của mình thì,

trời ơi, gì thế này? Cả nửa thân sau con ngựa đáng thương, lưng và mông biến mất, cứ như ai lấy dao xén mất vậy. Cho nên nó uống bao nhiêu nước thì đằng sau lại tuôn ra bấy nhiêu, chẳng trách uống mãi mà không hết khát. Tôi hoàn toàn không hiểu nổi việc đó diễn ra như thế nào, cho đến khi người hầu của tôi hốt hải chạy tới từ hướng ngược lại. Vừa kính cẩn chúc mừng vừa chửi rửa tục tằn, hằn kẻ lại đầu đuôi câu chuyện. Thì ra khi tôi đương mải truy đuổi đám quân địch chạy tán loạn vào thành, cái cửa thành đột ngột bị hạ xuống và phạt đứt nửa sau con ngựa. Cái nửa ấy tung vó đập ngược vào lũy giặc đang cắm đầu cắm cổ chạy vào cổng thành, khiến chúng hồn siêu phách

lạc. Sau đó nó chạy tới đồng cỏ gần tường thành. Hẳn là tôi phải ra đó tìm rồi. Tôi lập tức quay lại, và nửa trước con ngựa kỳ diệu phóng như gió đưa tôi ra đồng cỏ. Mừng thay, tôi tìm được nửa sau của nó, và còn mừng hơn khi tôi phải tròn mắt chứng kiến một cảnh tượng vô cùng ngoạn mục mà cho đến nay chưa có người dẫn chương trình nào đủ hoạt ngôn để giới thiệu một nghệ sĩ không đầu như vậy. Nói ngắn gọn là chỉ trong vòng mấy phút mà nửa sau con ngựa đã quyến rũ được nguyên đám ngựa cái rong ruổi ở đó và cả lũ vui vầy với nhau đến mức quên bém những tai họa vừa xảy ra. Để làm việc đó thì dĩ nhiên cái đầu không quan trọng. Và những con ngựa được

sinh ra sau này ắt phải cảm ơn trời đất đã không biến chúng thành những quái thai vô dụng, bởi cha chúng trong giây phút thụ thai đã thiếu hẳn nửa trước.

Sau khi tận mục sở thị cả hai nửa con ngựa còn đầy nhựa sống, tôi cho gọi thợ đóng móng ngựa của mình tới. Gã này không suy nghĩ lâu la bèn vớ ngay lấy mấy nhánh nguyệt quế non gần đó để khâu các vết thương lại. Vết thương lành ngay, thật phúc đức; giờ thì xảy ra một chuyện mà có lẽ chỉ có thể xảy ra với một con ngựa thần kỳ: nhánh nguyệt quế trở rễ trong thân ngựa, vươn cao lên và kết thành một mái vòng cung trên đầu tôi, và từ đó trở đi tôi hiên ngang phi ngựa

dưới bóng lá nguyệt quế mát rượi của mình, hay đúng hơn là của con ngựa. Tiện thể đây, tôi nhắc lại một chuyện vặt vãnh khác liên quan tới sự kiện này. Tôi vung kiếm tấn công quân giặc quá lâu và quá mạnh, khiến tay tôi tự dừng toàn làm động tác vung kiếm, ngay cả khi đã sạch bóng giặc. Sợ vô cớ vung tay đánh phải chính mình hoặc ai đó đứng gần, tôi đành phải buộc chặt tay vào người tám hôm liền, cứ như bị què vậy.

Kính thưa quý vị, chắc quý vị cũng tin rằng một người đàn ông như tôi, một khi đã thuần phục được con tuấn mã giống Litva ấy thì nhất định cũng thạo các nghệ thuật kỵ mã siêu đẳng khác, cho dù đôi

khi nghe rất khó tin. Bây giờ thì tôi không nhớ rõ lần ấy chúng tôi bao vây thành phố nào. Cuộc tấn công phụ thuộc hoàn toàn vào công tác thám báo về tình hình trong thành. Muốn qua mặt chừng ấy lính canh trên vọng gác và cổng thành để xâm nhập vào trong thì đâu phải chuyện đùa, nếu như không nói là bất khả thi. Cũng chẳng tìm ra được tù binh nào tử tế để hy vọng nắm được tình hình. Tôi tiến đến một trong những khẩu thần công lớn nhất vừa nã đạn vào thành, có lẽ vì bản tính dũng cảm và mẫn cán nên tôi hơi hăng quá, ngồi tót lên quả đạn, với ý định cưỡi nó bay vào thành. Bay được nửa đường, tôi chợt nghĩ đến muôn vàn vấn đề không thể khinh thường. Hừm, tôi

nghĩ, vào thành thì được rồi, nhưng sau đó thì mi tìm đâu đường ra? Và cái gì trong thành sẽ chờ đón mi? Bọn chúng sẽ nhận ra mi là thám báo và treo cổ mi tức khắc. Cuộc đời lầy lùng của tôi không thể chấp nhận một kết cục như vậy. Sau khi nghĩ kỹ, tôi quyết định chổng vánh và tận dụng ngay cơ hội, khi một quả đạn thần công từ trong thành bắn ra bay cách tôi vài bước, tôi nhảy từ quả đạn của mình qua bên đó và quay lại với quân mình, cho dù không làm được việc gì.

Tôi nhảy nhẹ nhàng như thế nào thì con ngựa của tôi cũng vậy. Bất kể hào sâu hay rào cao, không gì ngăn được tôi phi theo đường thẳng ngắn nhất. Có lần

tôi cưỡi ngựa đuổi một con thỏ chạy băng qua đường hành quân. Một cỗ xe ngựa chở hai quý bà xinh đẹp chạy cắt ngang giữa tôi và con thỏ. Con ngựa của tôi không chân chừ phi xuyên qua cỗ xe ngựa đang đề ngổ cửa sổ khiến tôi không đủ thì giờ nhắc mũ chào và năn nỉ các quý bà thứ lỗi cho sự quấy nhiễu đường đột đó.

Một lần khác, tôi định nhảy qua một đầm lầy mà thoát tiên tôi cho rằng không rộng lắm, lúc phát hiện ra, tôi bèn quay ngoắt ngựa trên không trung để trở lại lấy đà dài hơn. Tuy vậy cú nhảy thứ hai cũng quá ngắn thế là tôi rơi xuống sát bờ bên kia, ngập đến tận cổ trong đầm lầy. Có lẽ

lúc ấy tôi đã không thể nào thoát được cái chết, nếu không quyết đoán dồn sức vào tay, lấy đùi kẹp chặt con ngựa rồi tự nắm chỏm tóc, lôi cả người lẫn ngựa ra khỏi đầm lầy.



5. Các cuộc phiêu lưu của Nam tước Munchausen trong nhà tù Thổ

Trong cuộc chiến chống quân Thổ, không phải mọi sự lúc nào cũng diễn ra theo ý muốn, bất chấp lòng gan dạ và trí thông minh của tôi cũng như sức khỏe dẻo dai của người và ngựa. Thậm chí tôi còn không may bị một số đông áp đảo và bị bắt làm tù binh. Vâng, tệ hơn nữa là còn bị bán làm nô nê, một chuyện hoàn toàn bình thường trong xã hội người Thổ. Ở trong tình cảnh nhục nhã ấy, công việc tôi làm hằng ngày không chỉ khó nhọc và khổ ải, mà còn chẳng giống ai. Sáng nào tôi cũng phải lùa đàn ong của lãnh chúa ra đồng, trông coi chúng cả ngày và tối đến thì lại lùa về tổ. Một buổi tối tôi đếm thấy thiếu một con, đồng thời phát

hiện ra hai con gấu đang tấn công nó và định xé xác nó cướp mật. Không có một thứ gì làm vũ khí trong tay ngoài một cái rìu bạc được lãnh chúa phát cho đám phu làm vườn và làm ruộng của ông ta, tôi ném rìu vào lũ kẻ cướp, cốt để xua chúng đi. Thực sự là tôi đã cứu mạng được con ong, duy chỉ có cái rìu thì tôi lại ném quá mạnh, nó bay lên cao, cao mãi, rồi rơi xuống mặt trăng. Làm sao lấy lại nó đây? Kiếm đâu cái thang để lấy nó về mặt đất?

Lúc đó tôi nhớ ra giống đậu Thổ Nhĩ Kỳ mọc nhanh như thổi và còn đạt đến độ cao khó tin. Lập tức tôi trồng một cây đậu, nó mọc lên cao vút, chả mấy chốc đã móc vào một đầu nhọn của trăng lưỡi

liềm. Trèo lên cũng khá mệt nhưng tôi đến nơi yên ổn, và đi lòng cái rìu bạc ở một nơi mà mọi thứ đều lấp lánh ánh bạc. Cuối cùng tôi cũng thấy nó trên một đồng trấu và rơm khô. Tôi toan lên đường trở về thì, ôi thôi, mặt trời đã hun khô cây đậu, không thể bám vào mà trèo xuống được. làm sao đây? Tôi lấy hết rơm, bện thành sợi thừng kha khá dài, buộc vào đầu trắng lưỡi liềm và tụt xuống. Tay phải bám thừng, tay trái giữ rìu. Tụt được một đoạn, tôi lại lấy rìu chặt đoạn thừng trên đầu để nối tiếp xuống dưới, rồi cứ thế mà tụt tiếp. Lặp đi lặp lại việc cắt và nối khiến sợi thừng



Các vị thử đoán xem cái gì hiện ra trước mắt tôi? Con thỏ ấy có bốn chân dưới bụng và bốn chân trên lưng.

dĩ nhiên cũng bị hao mòn. Khi tôi còn ở trên mây cao vài dặm phía trên trang trại của lãnh chúa thì thừng đứt phụt và tôi rơi huỵch xuống đất, mạnh đến nỗi choáng váng ngất đi. Trọng lượng cơ thể rơi từ độ cao ấy tạo ra một hố sâu cả chục sải tay. Cuối cùng thì tôi cũng hồi lại, nhưng không biết ra khỏi hố bằng cách nào? Dùng móng tay mọc bốn chục năm, tôi đào một thứ như bậc thang và may mắn lên được mặt đất. Khôn lên nhờ kinh nghiệm khổ ải đó, tôi bắt đầu nghĩ cách trị bọn gấu hay phá tổ ong lấy mật.

Tôi trét đầy mật ong lên càng xe chở lúa rồi nằm phục kích ban đêm ở gần đó. Chuyện xảy ra đúng như dự đoán. Một con gấu gớm ghiếc bị hương thơm của mật ong quyến rũ đã mò tới, tham lam liếm láp từ đầu càng xe, đến nỗi cả thanh gỗ chui tọt vào họng, qua dạ dày và bụng rồi tòi ra đằng sau. Đợi càng xe xiên suốt người nó, rồi tôi mới chạy lại, cài một thanh gỗ dài qua lỗ đầu càng xe để ngăn con gấu tụt ra và giữ nó ở tư thế đó đến sáng sớm. Tình cờ lãnh chúa đi dạo qua, ông ta ôm bụng cười nôn ruột.

Sau đó ít lâu người Nga giảng hòa với Thổ Nhĩ Kỳ, tôi và một số tù binh khác được trao trả về Saint Petersburg. Riêng

tôi thì từ biệt nước Nga, vào thời điểm cuộc cách mạng lớn cách đây bốn chục năm, ngày ấy Hoàng đế Đức còn nằm nôi, bị đưa đến Siberia cùng mẹ và cha là Nguyên soái Munnich cùng nhiều người khác. Cả châu Âu năm ấy lạnh như cắt ruột, thậm chí mặt trời cũng cảm hàn và dư chấn còn tồn tại dai dẳng đến tận hôm nay. Do đó tôi cảm thấy đường về quê nhà còn gian khó hơn hồi đi đến Nga. Vì con ngựa Litva của tôi ở lại đất Thổ, tôi phải đi theo xe ngựa chở thư. Khi chúng tôi qua một đoạn đường hẹp nằm lút giữa hai hàng bụi gai, tôi nhắc tay xà ích rúc một hồi kèn hiệu, tránh cảnh bị tắc giữa chừng với một xe khác đi ngược chiều. Xà ích đặt kèn lên môi

và lấy một hơi thật dài để thôi, nhưng vô ích, chả rõ vì lý do gì mà kèn không phát ra âm thanh nào. Rủi thay, đúng lúc đó một chiếc xe ngựa đi ngược lại và tuyệt đối không còn chỗ để tránh. Lập tức tôi nhảy khỏi xe và tháo cương mấy con ngựa kéo. Rồi tôi xốc cả cái xe bốn bánh lẫn các bu rơ kiệ n đó lên vai, nhảy qua bụi cây cao mấy thước sang cánh đồng, đây là một việc không đơn giản tẹo nào nếu ta biết trọng lượng không nhỏ của xe ngựa. Sau đó tôi nhảy phắt qua chiếc xe kia để quay lại với mấy con ngựa, cặp dưới mỗi nách một con, hai lần như thế là xong chuyện. Thắt ngựa vào xe xong, tất cả yên tâm đi đến nhà trọ ở bên kế tiếp. Quên mất, tôi không nhắc đến một

con ngựa chưa đến bốn tuổi, nó rất hung hăng và ưa gây chuyện. Khi tôi nhảy cú thứ hai qua bụi rậm, nó thở phì phì và giầy đạp tỏ vẻ khó chịu với động tác bất ngờ đó. Tôi trị ngay, bằng cách nhồi hai cẳng của nó vào túi áo choàng. Về đến nhà trọ, chúng tôi nghỉ ngơi sau vụ rắc rối nhẹ đó. Tay xà ích mới đem treo kèn lên cái đỉnh gần bếp lò, còn tôi thì ngồi xuống bên đôi diện. Bỗng nhiên, trời đất ơ, tiếng kèn vang lên rộn rã! Chúng tôi trở mắt ngạc nhiên, đi tìm nguyên nhân và hiểu ra vì sao ban nãy tay xà ích không thổi được kèn. Té ra âm thanh bị đông cứng trong kèn, bây giờ áp áp mới tan ra và ngân vang trong trẻo, cứu vãn cho danh dự người đánh xe. Ông ta còn cho

chúng tôi giải trí một hồi lâu với những giai điệu tuyệt vời mà không cần ghé môi vào kèn, nào là bản hành khúc Phổ “Không tình yêu và không rượu vang,” nào là “Tôi qua anh Michel đến chơi nhà,” nhiều bài lắm, thậm chí cả “Rừng xanh ngủ yên”. Với bài cuối cùng ấy, cuộc vui chấm dứt và tôi cũng xin phép khép lại ký sự đi Nga của mình.

Đôi khi có những du khách cả gan kể ra cả những điều mà thực tế không thể xảy ra, do đó chẳng có gì lạ, khi họ khiến cho độc giả và thính giả phần nào nghi ngờ. Nếu chẳng may có ai đó trong chúng ta nghi ngờ sự chân thật của tôi thì tôi buộc phải rủ lòng thương hại sâu sắc với

họ và kính mời ra cửa, trước khi tôi bắt đầu kể các chuyến phiêu lưu trên biển còn kỳ thú hơn nhiều, song cũng có thật và đáng tin không kém.



6. Cuộc phiêu lưu trên biển thứ nhất

Trước lần qua Nga rất lâu mà tôi vừa

kể cho quý vị nghe mấy chi tiết đáng nhớ, chuyến đi đầu tiên trong đời tôi là một chuyến đi biển. Nói theo cách của chú tôi, một đại tá kỵ binh có hàng ria đen nhất trong những người tôi từng diện kiến, thì tôi còn đang thò lò mũi xanh và người ta vẫn lưỡng lự không rõ nên gọi mấy sợi lún phún dưới cằm tôi là lông măng hay râu, nhưng ngay từ ngày đó tim tôi đã không ấp ủ ước mơ nào lớn hơn là được chu du thế giới. Niềm say mê đó có thể được coi là bẩm sinh hay chịu ảnh hưởng từ bên ngoài cũng được, vì cha tôi thời trẻ đã từng lang bạt kỳ hồ nhiều năm và vào các tối mùa đông ông thường thuật lại một cách thành thực và trần trụi các chuyến phiêu lưu mà có thể tôi sẽ kể

lại cho quý vị nghe ít nhiều. Tóm lại, tôi tận dụng mọi cơ hội thuận lợi hay khó khăn để thỏa mãn niềm đam mê mãnh liệt được chiêm ngưỡng thế giới, nhưng không thành. Nếu xin được cha một cái gậy đầu hiêm hoi thì mẹ tôi và cô tôi càng chống đối dữ dội hơn, và mọi suy tính không khéo trước đó đều thành công cốc. Cuối cùng thì cũng có lần một người họ hàng bên ngoại đến thăm. Chẳng mấy chốc bác ấy đã rất quý tôi, bác ấy khen tôi là một thằng bé đẹp trai lanh lợi, và bác sẽ làm hết sức để tôi đạt được ước mơ cháy bỏng nọ. Tài ăn nói của bác đúng là hơn đứt tôi, cho nên sau nhiều đề đạt và phản đối, suy đi rồi tính lại, rốt cuộc cả nhà đưa ra quyết định làm tôi

ngất ngây tâm hồn: tôi được phép theo chân bác qua Ceylon, ở đó bác từng có một ông chú nhiều năm giữ chức thống đốc. Tàu rời bến Amsterdam mang theo nhiều trọng trách mà Quốc hội Hà Lan trao cho. Chuyến đi không có gì đặc biệt, trừ một trận bão kinh khủng với hậu quả kỳ diệu mà tôi không thể không nhắc đến đôi chút. Bão bắt đầu nổi lên khi chúng tôi thả neo ở một hòn đảo để lấy thêm củi và nước, nó gào rú và nhổ bật rễ vô số cây khổng lồ, ném tung lên không trung. Chưa kể đến trọng lượng những cây đó cũng phải cỡ vài trăm tấn, thế mà khi bị gió cuốn lên cao hàng chục cây số thì trông chúng chỉ còn bé tẹo như nắm lông gà bay tán loạn trong gió. Con cuồng

phong vừa dứt thì những cái cây ấy lại rơi thẳng đứng xuống vị trí cũ và bắt rễ ngay vào lòng đất, hầu như không nhận ra dấu vết của cơn bão nữa. Chỉ có một ngoại lệ là cái cây to nhất. Lúc nó đột ngột bị gió giật tung khỏi mặt đất thì trên cành có một đôi vợ chồng đang ngồi hái dưa chuột; ở vùng đó, giống dưa chuột ngọt mát mọc trên cây mà. Đôi vợ chồng kiên nhẫn bay lượn một hồi như phi công, nhưng vì trọng lượng của họ nên cái cây rơi lệch hướng và không chỉ trượt vị trí cũ mà còn nằm ngang. Lúc bão nổi lên, đa số cư dân trên đảo đều chạy khỏi nhà vì sợ bão làm sập nhà, tù trưởng của họ cũng vậy, giờ đây tất cả đang định quay về thì cái cây rơi xuống

và, may mắn thay, đề chết tươi vị tù trưởng.

“May mắn là sao?”

À, đúng là may, vì thưa quý vị, cho phép tôi được nói thẳng, tay tù trưởng ấy là tên bạo chúa gớm ghiếc nhất, còn mọi người dân trên đảo, kể cả lũ thân cận và đám cung phi, đều là những tạo vật đáng thương nhất dưới gầm trời này. Thực phẩm phát ôi thiu trong kho của hắn, trong khi thân dân, những người làm ra của cái đó, vất mũi không đủ đút miệng. Đảo của hắn không có kẻ thù từ bên ngoài, nhưng hắn vẫn thu nạp hết thanh niên trai tráng để tự tay biến chúng thành

những người hùng, để rồi có dịp thì bán bộ sưu tập ấy cho lãnh chúa hàng xóm nào trả hậu hĩnh nhất, nhằm đổi lấy hàng triệu vỏ ốc để góp thêm vào hàng tỉ vỏ ốc đã thừa kế được từ cha hắn. Người ta kể rằng hắn đã tha lôi những nguyên lý khủng khiếp đó từ một chuyến đi lên miền Bắc. Đó là một khẳng định mà chúng ta không nghĩ đến chuyện phản biện, bởi đối với người dân đảo quốc ấy thì miền Bắc vừa có nghĩa là quần đảo Canary lại vừa là Greenland, và vì nhiều lý do khác nhau mà ta sẽ không đòi họ giải thích chính xác hơn.

Để cảm ơn nghĩa cử cao cả của đôi vợ chồng hái dưa chuột đối với bộ lạc

mình, dù rằng chỉ nhờ một sự tình cờ, người ta đặt họ lên ngai vàng đang trống. Trong chuyến phi hành, hai con người đáng mến đó tiến lại gần được vàng sáng cao cả của thế giới để thêm chút sáng mắt sáng lòng, nhưng không chỉ vì thế mà họ đã cai trị đất nước với lòng hảo tâm, khiến cho không ai, như tôi sau này được nghe, ăn dưa chuột mà quên nói: Xin Chúa phù hộ tù trưởng.



*Tôi khoan khoái kéo cả đàn lên bờ,
quấn dây vài vòng lên vai và cứ thế đi
về nhà.*

Chúng tôi sửa sang lại con tàu bị hư hại đáng kể sau trận bão rồi chia tay vị quân vương mới cùng hoàng hậu, sau đó thuận buồm xuôi gió ra khơi, sau sáu tuần là đến Ceylon bình yên vô sự. Khoảng mười bốn ngày kể từ khi cập bến, con trai của ngài thống đốc đề nghị tôi đi săn cùng ông, và tôi vui mừng nhận lời. Ông bạn tôi, một người cao to vạm vỡ, vốn quen với khí hậu ở đó, chứ tôi thì mới khoan thai đi được một lát đã mệt rũ, và bị tụt lại sau ông khá xa khi vào trong rừng. Tôi toan ngồi xuống nghỉ lấy hơi

bên bờ một con sông nước chảy xiết mà tôi đã chú ý quan sát hồi lâu, thì chợt nghe tiếng động sau lưng. Tôi ngó lại và đứng sững như hóa đá khi nhìn thấy một con sư tử khùng khiếp. Nó tiến thẳng về phía tôi và không để tôi phải nghi ngờ là nó sắp thảm nhiên biến thân xác tội nghiệp của tôi thành bữa sáng mà không cần hỏi tôi cho phải phép. Súng tôi chỉ nạp đạn ghém loại mảnh nhỏ. Cả thời gian lẫn tâm trí rối loạn không cho phép tôi suy nghĩ lâu la. Tuy nhiên tôi quyết định cứ bắn thẳng vào con mãnh thú, hy vọng làm nó giật mình hoặc cũng có thể bị thương. Chỉ có điều vì sợ mà tôi không đợi cho nó lọt vào tầm bắn, cho nên phát súng chỉ làm nó phát khùng và

lao hùng hực về phía tôi. Chẳng phải vì suy tính cặn kẽ, mà chính linh tính đã khiến tôi thử làm một điều vô vọng – là bỏ chạy. Tôi quay lưng lại và – mỗi khi nhớ lại, xương sống tôi lại lạnh buốt – nhìn thấy một con cá sấu ghê rợn trước tôi mấy bước, nó ngoác sẵn mõm ra chực nuốt chửng tôi. Thừa các vị, hãy thử hình dung tình cảnh khiếp đảm của tôi lúc đó! Sau lưng là sư tử, trước mặt là cá sấu, phía tay phải là vực sâu, bên trái là dòng sông chảy xiết mà sau này tôi được biết là có đầy những loài rắn độc nhất.

Tôi bủn rủn ngã vật ra – ở tình thế này thì Hercules sống lại cũng chẳng làm được gì hơn. Ý nghĩ duy nhất còn nảy ra

được trong đầu là giây phút khủng khiếp
đợi hàm răng hay móng vuốt dã thú bập
vào thịt hoặc là cắm đầu vào họng con
quái vật. Nhưng đột nhiên tôi nghe thấy
một tiếng âm rất lạ. Tôi cố ngóc đầu lên
nhìn quanh và, các vị nghĩ sao, sung
sướng nhận thấy đúng lúc tôi ngã lăn ra
thì con sư tử lao bổ đến, lướt qua trên
người tôi và phi thẳng vào họng cá sấu.
Đầu con này đâm lút vào họng con kia,
và cả hai cố gắng vùng vẫy thoát khỏi
nhau. Tôi kịp thời nhảy phắt dậy, rút dao
chặt một nhát dứt phăng đầu con sư tử,
thân hình nó gãy đành đập dưới chân
tôi, sau đó tôi lấy báng súng xông cho
cái đầu nó lút sâu thêm vào họng cá sấu
khiến con vật chết ngạt thảm thương.

Chiến thắng huy hoàng hai đối thủ đáng sợ rồi, một lúc sau tôi mới thấy ông bạn quay lại để xem vì sao tôi tụt hậu. Sau khi cùng chúc mừng nhau, chúng tôi đo con cá sấu: dài đúng mười hai thước.

Chúng tôi kể cho thống đốc nghe chuyện mạo hiểm cực kỳ hi hữu đó. Ông sai một tốp người đem xe chở hai con vật về nhà. Một người thợ da địa phương làm cho tôi bao đựng thuốc lá từ bộ lông sư tử, tôi đem tặng cho một số người quen ở Ceylon. Máy cái bao còn lại tôi tặng các thị trưởng khi quay về Hà Lan, họ toan đáp lễ bằng một ngàn đồng tiền vàng, khiến tôi phải vất vả lắm mới từ chối được.

Bộ da cá sấu được nhồi trầu như thường lệ, giờ đây là một trong những hiện vật được chú ý nhất tại Bảo tàng Amsterdam, và người hướng dẫn phải kể lại cho khách nghe tường tận cả câu chuyện. Dĩ nhiên là ông ta hay điểm thêm vài chi tiết khiến người tôn trọng sự thật phải đỏ mặt. Thí dụ, ông ta thường nói là con sư tử lao xuyên qua người cá sấu và định tẩu thoát qua đường hậu môn, thì bị quý ngài Nam tước nổi tiếng thế giới – như ông ta vẫn ưa gọi tôi – chặt đầu khi mới chui ra đằng đuôi. Có khi ông ta còn kể tiếp, con cá sấu khi bị chặt đuôi liền quay phắt lại, đánh văng dao khỏi tay Nam tước và nuốt ực luôn con dao, mạnh đến nỗi nó bị dao xuyên qua tim chết

tươi.

Tôi không cần phải nói cho quý vị rằng mình đã khó chịu ra sao khi nghe được những lời vô liêm sỉ của hắn. Ở cái thời buổi lắm thứ đáng ngờ này, người nào không biết tôi thì hắn sẽ vì những lời dối trá ấy mà sinh ra nghi ngờ cả những hành vi có thực của tôi, và điều đó làm tổn hại thanh danh của một kỵ sĩ cao quý.



7. Cuộc phiêu lưu trên biển thứ hai

Năm 1766 tôi khởi hành từ Portsmouth qua Bắc Mỹ trên một chiếc tàu chiến Anh với một trăm khẩu thần công và một ngàn bốn trăm quân, hiện đại bậc nhất thời bấy giờ.

Lẽ ra tôi có thể kể ra ở đây đủ chuyện trên trời dưới đất đã trải nghiệm ở Anh quốc, nhưng thôi, cứ để dành bữa khác. Chỉ có một chuyện nho nhỏ xin nhắc tới bên lề. Đó là tôi có vinh dự được thấy lãnh chúa trong chiếc xe ngựa lộng lẫy đi

tới nghị viện. Người đánh xe với bộ râu vô cùng khả kính được cắt tỉa thành hình quốc huy Anh sắc nét ngời oai vệ trên ghế và quất roi đen đét như chỉ để biểu diễn lấy oai.

Trong suốt hải trình chúng tôi không gặp điều gì bất thường, cho đến khi chỉ còn cách sông Saint Lawrence chừng ba trăm dặm. Tàu đâm đánh sầm vào vật gì đó, tựa như một tảng đá. Tuy nhiên ném quả dọi xuống sâu năm trăm sải vẫn chưa chạm đáy. Sự cố càng kỳ quái và khó hiểu hơn khi bánh lái bị mất, thanh sào ở mũi tàu gãy đôi và tất cả cột buồm vỡ vụn từ ngọn xuống chân, hai cột còn rơi tùm xuống biển. Một gã thủy thủ tội

nghiệp đang cuốn buồm chính trên đó bị
bắn ra xa tàu đến ba trăm dặm trước khi
chạm nước. May mà hấn thoát chết vì
trong không trung bắt đồ tằm được đuôi
một con ngỗng trời, nhờ đó không chỉ cú
rơi nhẹ bớt mà hấn còn ngồi trên lưng
ngỗng, đúng hơn là trên đoạn giữa cổ và
cánh, để quay lại tàu. Một chứng cứ nữa
về cú va chạm trời giáng là tất cả mọi
người đứng dưới hầm tàu đều bị hất tung
lên trần. Đầu tôi lúc đó bị ấn tụt xuống
dạ dày, phải đến một tháng sau nó mới từ
từ nhô lên vị trí cũ. Chúng tôi còn đang
sửng sốt và kinh hoàng không lời nào tả
nổi, thì đột nhiên một con cá voi khổng
lồ trôi lên và giải thích tất cả. Con quái
vật ấy đang sưởi nắng và ngủ thiếp đi

trên mặt biển thì bị tàu chúng tôi phá quấy. Với một phát quấy đuôi, nó không chỉ quật tan tành trên cùng và mạn tàu bên trái, mà còn ngoạm cả chiếc mỏ neo nối với bánh lái và kéo tàu đi xa ít nhất sáu mươi dặm với tốc độ sáu dặm một giờ. Có trời mà biết chúng tôi sẽ còn bị lôi đến đâu, nếu dây neo không may mắn đứt đánh phụt và nhờ đó con cá voi quẳng chúng tôi lại trên con tàu không neo.

Chúng tôi đi tiếp sáu tháng về hướng châu Âu thì gặp lại chính con cá voi đó, nó đã chết nổi lênh bênh cách tàu vài dặm, tôi không nói dối, nó dài ít nhất nửa dặm. Do không thể lôi con quái vật đó lên tàu, chúng tôi đi thuyền tới đó, cố

gắng cắt rời đầu cá và kinh ngạc tìm được bốn chục sợi dây neo trong mồm nó, nằm gọn trong một cái răng sâu bên má trái. Đó cũng là sự cố đặc biệt duy nhất trong chuyến đi. À, gờm đã! Suýt nữa thì tôi quên mất một chi tiết nguy hiểm. Khi con cá voi vừa rời khỏi tàu thì nước tuôn ào ào vào tàu qua một lỗ thủng, tất cả bơm nước không đủ sức giữ tàu khỏi chìm trong vòng nửa tiếng. May thế chứ, tôi là người đầu tiên phát hiện ra nguy cơ đó. Lỗ thủng to, đường kính chừng tới nửa thước, tôi tìm đủ mọi cách để bịt nó lại mà không xong. Cuối cùng thì tôi cũng cứu được con tàu hoành tráng và mạng sống của chừng ấy thủy thủ với một sáng kiến độc đáo



Chúng bắt đầu đập cánh phành

phạch bay lên, lơ lửng theo cả tôi lên không trung.

chưa từng có trên thế gian. Dù lỗ thủng khá to, tôi vẫn bịt kín được nó bằng cách ngồi chặn lên, trong khi không cần cởi quần; may mà tôi không bị lọt ra ngoài vì nhỡ đâu lỗ thủng lại to hơn. Quý vị không việc gì phải ngạc nhiên, khi tôi tiết lộ là họ nội họ ngoại của tôi đều là người Hà Lan hay ít nhất từ miền Westfalen có vóc dáng phục phịch. Cảm nhận của tôi trên cái bồn cầu bắt đặc dĩ đó khá lạnh lẽo, cho đến tận khi được các thợ mộc khẩn trương giải thoát.



8. Cuộc phiêu lưu trên biển thứ ba

Có lần tôi suýt bị nguy hiểm đến tính mạng ở Địa Trung Hải. Tôi đang bơi ở bãi biển lặng sóng gần Marseille vào một chiều hè thì đột nhiên thấy một con cá rất to ngoác mõm lao vun vút về phía mình. Không có thì giờ để suy tính nữa,

mà cũng tuyệt đối chẳng có cách nào thoát được nó, lập tức tôi co gọn người lại hết mức có thể, bằng cách co căng lên và quặp chặt tay vào người. Trong tư thế đó tôi luôn qua hòng cá và trôi tuột xuống tận dạ dày. Ở đây, như mọi người có thể hình dung ra, tối đen như mực, nhưng ít nhất cũng ấm áp, không đến nỗi khó chịu. Dần dần dạ dày cá co bóp do tôi kích thích, chắc nó muốn tống khứ tôi đi. Ở đây thì tôi tha hồ rộng chỗ, thế là tôi nhảy nhót, làm đủ mọi trò. Tôi nhảy một vũ khúc rộn rã của Scotland, và có vẻ như con cá khó chịu vì những cú giẫm đạp của tôi. Nó phát ra một tiếng gầm khùng khiếp và vung đến nửa thân lên khỏi mặt nước. Chính vì vậy mà thủy thủ

trên một chiếc tàu buôn của Ý đã phát hiện ra và hạ thủ nó tức khắc bằng một mũi lao móc. Khi con cá được kéo lên tàu, tôi nghe mọi người bàn bạc tìm cách xẻ thịt ra sao để chiết được nhiều dầu cá nhất. Vốn hiểu tiếng Ý, tôi sợ hãi vô cùng, chỉ lo lưỡi dao cắt phải mình. Tôi cho rằng người ta sẽ chặt vây chặt đuôi trước tiên nên cố chui vào chính giữa dạ dày, ở đây có đủ chỗ cho cả chục người.

Nhưng mọi lo lắng của tôi biến mất khi họ mổ bụng cá đầu tiên. Vừa nhìn thấy ánh sáng lờ mờ là tôi đã gào đến rách phổi, các ông các bà ơi, tôi rất vui mừng được gặp quý vị, hãy cứu tôi khỏi tình cảnh sắp chết ngạt này đi.

Không lời nào tả nổi một cách chính xác sự kinh ngạc trên những khuôn mặt xung quanh, khi họ nghe tiếng người gọi từ trong bụng cá. Dĩ nhiên họ càng sửng sốt hơn khi chứng kiến một người trần truồng chui ra. Nói ngắn gọn là, thưa quý vị, tôi kể cho họ nghe toàn bộ sự việc như đang kể cho quý vị ở đây nghe, khiến họ há hốc mồm ngạc nhiên. Sau khi uống vài ngụm nước và nhảy xuống biển để tắm tiếp, tôi bơi vào bờ tìm lại quần áo để trên bãi biển. Tôi nhắm tính, có lẽ tôi đã bị cầm tù trong dạ dày con quái vật ấy khoảng ba tiếng rưỡi.



9. Cuộc phiêu lưu trên biển thứ tư

Hồi phục vụ bên Thổ Nhĩ Kỳ tôi thường nghỉ ngơi trên một con tàu du ngoạn ngoài biển Marmara, mà từ đây có thể phóng tầm mắt sang khoái nhìn hết Constantinople, tòa nhà Seraglio vĩ đại và lâu đài của vua. Một sớm mai, trong

khi ngắm bầu trời trong vắt tuyệt đẹp tôi phát hiện một vật thể hình tròn trên không, to bằng quả bi-a, bên dưới treo lủng lẳng một cái gì đó. Lập tức tôi vớ khẩu súng săn chim tốt nhất mà nếu không có gì trắc trở thì tôi không bao giờ bước chân khỏi nhà mà thiếu nó, nạp một viên đạn và bắn vào vật thể hình tròn trên không. Không kết quả. Tôi bắn phát nữa với hai viên đạn nhưng cũng chẳng ích gì. Loạt đạn thứ ba với bốn hoặc năm viên đạn đã xé một lỗ cạnh sườn vật thể đó. Lúc nó rơi xuống cách tàu vài chục sải, các vị không thể hình dung sự ngạc nhiên của tôi khi phát hiện một cỗ xe xinh xắn mạ vàng treo dưới một khinh khí cầu với chu vi lớn hơn mái vòm nhà

thờ xứ. Trong xe là một người đàn ông với nửa con cừu nướng. Sau giây phút sững sốt đầu tiên, tôi và mọi người vây thành một vòng quanh người đàn ông có vẻ mặt rất Pháp, hỏi ra thì cũng đúng là người Pháp. Mỗi túi áo ông lấp ló một dây đồng hồ tinh xảo gắn chân dung các bậc quyền quý. Khuyên áo nào cũng đính một mề đay vàng, giá trị hàng trăm quan tiền. Và hầu như ngón tay nào cũng đeo nhẫn nam kim cương. Túi áo ông nặng trĩu những bọc tiền, xệ xuống gần sát đất. Lạy Chúa, tôi nghĩ bụng, người này ắt phải phụng sự nhân loại ở mức siêu việt ra sao để các bậc quyền quý ở thời buổi nghèo đói như hôm nay tặng ông nhiều đồ quý đến thế. Cú rơi mạnh khiến ông ta

choáng váng, thoát nhiên không cất nên lời. Nghỉ ngơi một lát, ông cho tôi hay: “Tôi không đủ thông minh và giỏi khoa học để phát minh ra chiếc khinh khí cầu này, có chăng chỉ là leo lên vài lần để liêu minh biểu diễn những cú bay lượn vớ vẩn trên không cho vui mà thôi. Trước đây chừng bảy, tám hôm, tôi chẳng suy tính gì lớn, mà chỉ định bay một vòng từ mỏm Cornwall ở Anh và đem theo một con cừu để trình diễn vài tiết mục nghệ thuật cho mấy ngàn người xem. Thật chẳng may, chưa đầy mười phút sau khi lên không thì gió đổi chiều, thay vì bay về hướng Exeter mà tôi chọn làm bãi đỗ, gió đẩy ra phía biển, và cứ thế tôi lơ lửng suốt cả thời gian trên độ cao chóng

mặt ấy. Được cái hay là tôi chưa trình diễn mấy tiết mục nghệ thuật với con cừu, vì tới ngày thứ ba thì tôi đói ngấu, buộc phải thịt nó. Khi bay qua mặt trăng và sau mười sáu tiếng nữa tới gần mặt trời, sức nóng khiến tôi cháy sém lông mày. Tôi lột da cừu và đặt nó ở vị trí nóng nhất trong xe, nói cách khác là ở chỗ không bị khinh khí cầu che nắng. Sau khoảng bốn lăm phút thì con cừu chín nhừ. Suốt mấy hôm nay tôi sống bằng thịt cừu đấy.”

Nói đến đây, người đàn ông ngừng lời, dường như để quan sát kỹ hơn cảnh trí xung quanh. Tôi cho ông biết tòa nhà Seraglio ở đâu kia là của nhà vua ở

Constantinople, ông ta có vẻ thất thần vì tưởng mình đang ở một nơi khác hẳn. “Lý do của chuyến bay dài lê thê này,” cuối cùng ông cất tiếng, “là sợi dây mở van xả khí nóng của tôi bị đứt. Giả sử khinh khí cầu không bị trúng đạn và thủng lỗ thì có lẽ tôi còn lơ lửng giữa trời đất như Mohammed cho đến Ngày phán xử cuối cùng.”



Một buổi tối tôi đếm thấy thiếu một

con, đồng thời phát hiện ra hai con gấu đang tấn công nó và định xé xác nó cướp mật.

Ông hào hiệp tặng người lái tàu cỗ xe và ném món cừu nướng xuống biển. Quả khinh khí cầu thì sau khi ăn loạt đạn của tôi đã hoàn toàn bị rách tươm khi rơi xuống.



10. Cuộc phiêu lưu trên biển thứ năm

Chúng ta còn đủ thời gian để mở một chai mới, thưa quý vị, vì vậy tôi kể cho các quý vị nghe một chuyện hi hữu nữa mà tôi được chứng kiến vài tháng trước khi quay trở lại châu Âu. Đại sứ triều đình Nga – La Mã và đại sứ Pháp giới thiệu tôi với một nhà quyền quý, và ông ta cần tôi để tiến hành một thương vụ cực kỳ quan trọng ở vùng Cairo và phụ cận, đồng thời đòi hỏi phải bảo đảm bí mật vĩnh viễn. Tôi xuất hành trên đường bộ với trang bị xa xỉ và một đoàn người hầu cực đông. Dọc đường tôi có dịp củng cố

đội tùy tùng bằng một số người có khả năng xuất sắc. Thí dụ như vừa đi khỏi Constantinople mấy dặm thì tôi thấy một người nhỏ thó chạy phăm phăm ngang đường, mỗi bên chân buộc một trọng lượng nặng đến hai, ba chục cân. Quá ngạc nhiên, tôi gọi anh ta: “Đi đâu vội thế, anh bạn? Và tại sao buộc thêm cân nặng vào chân làm gì?” Anh ta đáp: “Tôi chạy từ Vienna, được nửa tiếng rồi, hôm nay tôi đã chia tay với ông chủ cũ ở đó. Tôi muốn đến Constantinople. Tôi buộc vật nặng vào chân để giảm tốc độ vì lúc này không vội nữa, và thầy tôi vẫn dạy, điều độ là điều quan trọng nhất.” Tôi thấy khoái anh ta và hỏi có muốn làm việc cho tôi không. Anh ta đồng ý.

Chúng tôi đi tiếp, qua vô số thành phố và làng mạc. Một chàng trai nằm im thín thít trên bãi cỏ gần đường cái, có vẻ đang ngủ. Nhưng không phải. Anh ta chăm chú áp tai lên nền đất, cứ như muốn nghe xem dưới địa ngục đang có chuyện gì. “Anh bạn nghe gì vậy?” “Tôi giết thì giờ bằng cách nghe cỏ mọc thôi.” “Thật sao?” “Chuyện vặt ấy mà!” “Thế thì anh bạn làm việc cho tôi đi, sẽ còn khỏi chuyện hay ho để nghe nữa đây.” Anh ta nhảy bật dậy đi theo tôi.

Trên một quả đồi cách đó không xa, một thợ săn giương súng bắn lung tung lên không trung. “Chúc anh bạn may mắn! Nhưng anh bắn gì vậy, tôi chẳng

thấy gì ngoài không khí cả.” “Tôi đang
thử khẩu súng mới, hiệu Kuchenreuter.
Có một con sẻ đậu trên nóc tháp chuông
nhà thờ Strasbourg, tôi vừa bắn hạ nó.”
Ai từng biết niềm đam mê của tôi đối
với thú đi săn cao sang và súng ống,
người ấy sẽ không ngạc nhiên khi biết tôi
sung sướng biết bao nhiêu khi gặp được
xạ thủ siêu việt này. Dĩ nhiên là tôi không
thể không mời anh ta làm việc cho mình.
Chúng tôi lại đi tiếp, qua vô số thành
phố và làng mạc, cuối cùng thì đến núi
Lebanon. Trước một khu rừng tuyết tùng
bao la, một người vạm vỡ thô kệch đang
kéo sợi thừng buộc vòng quanh cả khu
rừng. “Anh bạn kéo cái gì vậy?” tôi hỏi.
“Tôi được giao nhiệm vụ đi kiếm gỗ làm

nhà nhưng bỏ quên rìu ở nhà. Giờ thì phải tự tìm cách cứu vãn tình hình thôi.” Nói xong, anh ta giật mạnh sợi thừng và cả cánh rừng rộng một dặm vuông đổ ào ào như rơm rạ trước mắt tôi. Chắc quý vị cũng đoán ra ý định của tôi. Tôi không thể để anh ta đi mất, kể cả khi phải vét sạch tiền lương đại sứ của mình để thuê anh ta.

Từ đó trở đi chúng tôi di chuyển thuận lợi hơn. Cuối cùng chúng tôi đặt chân lên đất Ai Cập đúng lúc một cơn bão khủng khiếp nổi lên, chực quật ngã cả người lẫn ngựa xe, ai cũng sợ bị cuốn tung lên cao. Phía bên trái đường có bảy cối xay gió đứng thành hàng, cánh quạt của chúng

quay vù vù như bánh xe xe sợi. Gần đó, bên tay phải, một người béo ú như ngài John Falstaff đang lấy ngón trỏ bịt lỗ mũi bên phải. Nhìn thấy chúng tôi gặp nạn và run rẩy trong bão, anh ta hơi xoay người sang phía chúng tôi và kính cẩn ngả mũ chào tôi, hết như một chàng lính ngự lâm trước mặt chỉ huy. Gió đột ngột tắt biến, và cả bảy cối xay gió cũng dừng lại ngay lập tức. Quá ngạc nhiên trước một hiện tượng không hề theo quy luật tự nhiên, tôi lớn tiếng gọi gã béo: “Này anh kia, chuyện gì vậy? Có con quỷ nào nấp trong anh hay chính anh là quỷ sứ?” “Xin ngài thứ lỗi, tôi chỉ làm ra chút gió cho ông chủ tôi, chủ cối xay gió. Để không thổi bay cả bảy cối xay gió, tôi phải bịt một

lỗ mũi lại đây.” Chà chà, một nhân vật trời cho, tôi nghĩ thầm. Mình cần hẩn khi về nhà và không còn đủ hơi sức để kể lại những chuyện kỳ lạ đã trải nghiệm trên bờ và dưới biển. Chúng tôi nhanh chóng tìm được sự đồng thuận. Người thổi gió bỏ lại cối xay gió sau lưng để đi theo tôi.

Cả đoàn đến Cairo bình yên. Khi đã hoàn thành nhiệm vụ được trao một cách mỹ mãn, tôi thấy nên chia tay đoàn tháp tùng đại sứ lúc này đã trở nên thừa thãi, trừ những nhân vật hữu ích mới nhập cuộc và cùng họ làm chuyến hồi hương như một cuộc du ngoạn cá nhân. Thời tiết tuyệt vời, dòng sông Nile quyến rũ hơn mọi lời kể lại, khiến tôi chẳng nhớ nào

không mượn một chiếc thuyền nhỏ không buồm để đi tiếp đến Alexandria theo đường thủy.

Hành trình trôi chảy đến ngày thứ ba. Các quý vị chắc đã từng nhiều lần nghe kể về nạn lụt lội hằng năm bên sông Nile. Như đã nói, vào ngày thứ ba dòng Nile cuộn cuộn dâng trào, đến hôm sau nữa thì nước nhấn chìm tất cả hai bên bờ, ngập lụt mênh mông đến mấy dặm. Ngày thứ năm, khi mặt trời lặn thì thuyền của tôi vương phải vật gì đó, có vẻ như củi rác trôi trên sông. Sớm hôm sau, khi trời hửng sáng tôi thấy xung quanh đầy những hạnh nhân chín ửng thơm ngon. Chúng tôi ném quả dọi ra và nhận thấy mình đang

lơ lửng cả hai chục thước trên mặt sông, tiến thoái đều không được. Khoảng tám hay chín giờ, như tôi phỏng đoán dựa vào độ cao của mặt trời, đột ngột gió nổi lên, đẩy thuyền ngả rạp qua một bên. Nước ào vào và thuyền chìm nghiêng. May mắn cho cả đoàn tám đàn ông và hai cậu bé, chúng tôi thoát chết vì bám vào các cành cây vốn đủ to để gánh chùng ấy con người, tuy nhiên không đỡ nổi con thuyền. chúng tôi trụ trên đó ba tuần ba ngày và chỉ sống sót nhờ ăn toàn hạnh nhân. Nước uống thì không thiếu, dĩ nhiên.

Vào ngày thứ hăm hai từ khi gặp nạn, nước rút nhanh như khi dâng lên. Đến

ngày thứ sáu thì đã có thể chạm chân xuống đất. Con thuyền là hình ảnh ngoạn mục đầu tiên mà chúng tôi thấy được. Nó nằm cách xa vị trí chìm khoảng ba trăm thước. Chúng tôi lấy mọi thứ cần thiết từ kho dự trữ trên thuyền đem phơi nắng cho khô và lên đường, gỡ lại thời gian đã mất. Theo tính toán chính xác, chúng tôi bị đẩy xa bờ sông một trăm năm mươi dặm. Ngày thứ bảy chúng tôi quay trở về con sông chảy hiền hòa và kể lại cuộc phiêu lưu cho một nhà quý tộc Thổ nghe. Ông ta ân cần đáp ứng mọi nhu cầu của chúng tôi và biếu chúng tôi một trong những con thuyền của ông để đi tiếp. Chừng sáu ngày sau chúng tôi đến Alexandria và lên tàu đi Constantinople.

Tôi được nhà vua đón tiếp cực kỳ nồng hậu và vinh dự được chiêm ngưỡng hậu cung của ngài, đích thân ngài dẫn tôi vào và mời tôi chọn ra bao nhiêu cung phi tùy thích, kể cả các thị nữ. Về chuyện tình ái thì nói chung tôi không có thói quen kể lể dông dài làm gì, do vậy tôi chúc quý vị một đêm ngủ ngon.



tôi trồng một cây đậu, nó mọc lên

*cao vút, chả mấy chốc đã móc vào một
đầu nhọn của trắng lưỡi liềm.*



11. Cuộc phiêu lưu trên biển thứ sáu

Nam tước muốn đi ngủ khi kể xong chuyện phiêu lưu ở Ai Cập. Đúng lúc ấy thì tất cả mọi người bên bàn, vốn đang

dần mất chú ý, chợt bật dậy khi nghe nhắc đến khuê phòng trong hậu cung lộng lẫy. Họ muốn nghe thêm vài chi tiết về hậu cung. Nam tước một mực không chịu, tuy nhiên ngài cũng không muốn gạt ngoài tai lời khẩn khoản của những người bạn đang háo hức. Vậy ngài bằng lòng kể thêm vài chuyện nho nhỏ từ những ngày phụng sự ở đó:

Sau chuyến đi Ai Cập, nhà vua không cần biết điều gì khác ngoài tôi. Người không thể sống thiếu tôi, ngày nào cũng mời tôi đến cùng ăn trưa và ăn tối. Tôi phải thú thực với quý vị là trong số các bậc trị vì trên trái đất này, vua Thổ Nhĩ Kỳ có bàn tiệc hoành tráng nhất. Tuy

nhiên đó là nói về các món ăn chứ không phải đồ uống, vì có lẽ như quý vị đã biết, luật Hồi giáo của Mohammed cấm các giáo đồ của mình uống rượu. Ăn tiệc nơi công cộng ở Thổ Nhĩ Kỳ cũng có nghĩa là phải nói không với rượu. Nhưng cũng chẳng hiếm khi xảy ra những thứ không bày ra trước mắt bàn dân thiên hạ, và cấm gì thì cấm, nhiều người Thổ từ thiện dân cho đến đảng giáo chủ cao nhất cũng chẳng lạ hương vị tuyệt vời của một ly rượu. Dưới trướng quân vương cũng vậy thôi. Các bữa tiệc lớn thường vẫn mời giáo chủ và ngài đọc bài kinh cảm tạ trước mặt mọi người, và ở đó thậm chí người ta còn không dám nhắc đến chữ “rượu.” Xong xuôi đâu đó rồi, một chai

rượu ngon thường là luôn đợi nhà vua trong phòng phía sau. Một lần nhà vua thân thiện nháy mắt ra hiệu cho tôi đi theo Người vào hậu cung. Khi cửa khép lại, Người lấy trong tủ ra một chai và nói: “Munchausen, ta biết là dòng Cơ đốc giáo các người biết trân quý rượu vang. Ta chỉ còn một chai Tokaj nhỏ. Chắc nhà ngươi chưa hề biết trong đời một thức uống tinh túy như vậy.” Nói xong, Người rót cho mình và tôi mỗi người một ly và chúng tôi cùng ly. “Vang ngon quá, thưa bệ hạ,” tôi đáp, “nhưng nếu bệ hạ thứ lỗi thì thần buộc phải nói rằng thần đã được uống thứ ngon hơn nhiều ở Vienna cùng Hoàng đế Karl Đệ Lục. Xin nâng cốc chúc sức khỏe bệ hạ!

Bệ hạ nên nếm thử đó.” “Ông bạn Munchausen của ta ời, ta đâu dám không tin lời nhà người! Nhưng không thể có loại Tokaj nào đó ngon hơn được. Chai này ta được một hiệp sĩ Hungary tặng, và ông ta thề rằng nó có một không hai trên thế gian.” “Bệ hạ tha thứ cho sự đường đột của thần, nhưng Tokaj và Tokaj lại khác nhau một trời một vực. Người Hungary không chịu thua nhau đâu. Xin bệ hạ cho phép thần được cá rằng trong vòng một tiếng thôi, thần sẽ lấy ra từ hầm rượu hoàng gia một chai Tokaj khác hẳn.” “Munchausen, ta hiểu nhà người định đùa cho vui.” “Thần đâu dám! Chỉ sau một tiếng thần sẽ đem từ hầm rượu hoàng gia ở Vienna về đây cho bệ hạ một

chai Tokaj, với chất lượng không thể nào đem so với thứ chất lỏng hôi mùi cồn này.” “Munchausen, Munchausen! Nhà người định lờm ta, chớ đại mắc tội khi quân! Ta biết nhà người là một đấng mây râu thực thụ, nhưng giờ đây ta buộc phải nghĩ là nhà người đùa nhảm.” “Bệ hạ hãy cho phép thần thử xem. Nếu thần không giữ được lời hứa vừa bị bệ hạ cho là khoác lác thì bệ hạ hãy coi thần là kẻ thù đáng phỉ nhổ nhất và sai chém đầu thần đi! Đầu thần đâu phải thứ gì rẻ rúng, bệ hạ muốn cá gì ạ!” “Nhất trí! Ta nhớ lời người. Chuông điểm bốn giờ mà chai Tokaj chưa ở đây thì đầu người sẽ rời cổ không một chút thương hại, vì ta không cho phép ai đùa với ta, cả những người

bạn thân nhất cũng vậy. Nhưng nếu nhà người giữ đúng lời hứa thì ta cho phép nhà người vào kho vàng bạc châu báu của ta, và sức của một gã lực điền mang được bao nhiêu thì người vác đi chừng ấy.” “Xin tuân lời bệ hạ!” tôi trả lời, đoạn xin giấy bút để viết cho Hoàng hậu Maria Theresia mấy dòng như sau: “Là người thừa kế duy nhất, chắc chắn Hoàng hậu thừa hưởng từ vua cha kính mến hăm rệu của Người. Cho phép thần xin một chai Tokaj theo mẫu ấy, như thần vẫn được phép đối ẩm cũng tiên đế! Một chai loại hảo hạng nhất! Vì đây là một vụ cá cược. Rất mong lại có dịp phụng sự Hoàng hậu lần nữa, bất cứ khi nào thần được phép, vân vân và vân vân.” Vì đã

ba giờ năm phút, tôi đưa bức ngư để ngỏ cho lực sĩ thần tốc của tôi. Anh ta tháo trọng lượng ở chân ra và xuất hành ngay về hướng Vienna. Nhà vua và tôi uống nốt chai vang trong khi đợi chai ngon hơn. Chuông điểm ba giờ mười lăm, rồi ba rưỡi, vẫn chưa thấy người đưa thư đâu. Tôi phải thú nhận là đã bắt đầu thấy chộn rộn, vì có cảm giác nhà vua thỉnh thoảng ngó về phía sợi dây kéo chuông để gọi đao phủ. Tôi vẫn còn được phép đi ra vườn để hít thở khí trời, nhưng vài người hầu của vua bám theo sát gót và không rời mắt khỏi tôi. Lòng tràn ngập lo sợ, tôi nhìn kim đồng hồ chỉ bốn giờ kém năm bèn vội sai đi gọi người thính tai và thiện xạ. Họ xuất hiện tập lự, người thính

tai nằm rạp xuống và áp tai xuống nền đất để nghe xem lực sĩ thần tốc đã về chưa. Tôi kinh hoàng nghe anh ta báo là thằng cha kia đang nằm ngủ mê mết và ngáy khò khò ở một nơi rất xa. Vừa nghe thấy thế, tay thiện xạ trung thành của tôi chạy ngay lên sân thượng, nhón chân lên nhìn và hốt hải hét lên: “Lạy Chúa, thằng lười như hủi đó nằm ngủ dưới một gốc sồi ở Belgrad và để chai rượu cạnh người! Đợi đây! Tao sẽ cù cho mày thức dậy!” Anh ta nâng ngay khẩu Kuchenreuter lên bắn cả loạt đạn vào ngọn cây. Một trận mưa quả sồi và lá sồi rơi lên người gã trai đang ngủ, khiến hắn thức dậy và hốt hoảng nhận ra suýt nữa ngủ quên. Hắn phóng như gió và đem

chai rượu cùng một lá thư do đích thân Hoàng hậu Maria Theresia viết về đến cung điện, khi đồng hồ chỉ đúng ba giờ năm mươi chín phút rưỡi. Không thể tưởng tượng được! Chà chà, giá mà ai cũng được thấy cảnh cái mồm rùng rùng mồm phượng nốc rượu ừng ực! “Munchausen,” ngài phán, “nhà người không được trách ta giữ lấy chai này cho riêng mình. Nhà người thân thuộc Vienna hơn ta, chắc chắn sẽ có dịp gỡ lại.” Nói đoạn, vua cất chai rượu vào tủ khóa lại, đút chìa khóa vào túi quần rồi giật chuông gọi quan coi kho. Ôi, mỗi lời của ngài ngọt như mật ong rót vào tai tôi! “Ta phải trả tiền cá cược cho nhà người.” Ngài quay sang viên quan coi kho vừa bước

vào: “Đây! Hãy xuất vàng bạc châu báu cho ông bạn Munchausen của ta đủ cho một người khỏe nhất có thể vác đi được.” Quan coi kho cúi rạp trước vua đến nỗi chạm mũi xuống đất, còn tôi thì được vua bắt tay vô cùng thân mật, trước khi ngài cho phép cả hai ra khỏi phòng. Chắc các vị cũng đoán ra, tôi đâu có chần chừ lấy một giây để giành lấy phần thưởng xứng đáng. Tôi tức tốc gọi ngay người hầu vạm vỡ với sợi dây thừng dài vô tận đến và đi vào kho châu báu. Sau khi anh ta đã gói đùm xong mọi thứ, chắc chẳng ai thèm quan tâm đến chỗ còn sót lại. Với số chiến lợi phẩm đó, tôi nhanh chân đi ra bến cảng, lấy con tàu chở hàng lớn nhất ở đó và dong buồm ra khơi cùng

đám người hầu để đem của cải mới chiếm được về nơi an toàn trước khi có gì bất trắc xảy ra. Nỗi lo lắng của tôi biến thành sự thực. Viên quan coi kho để cửa kho mở toang hoang vì cũng chẳng có lý do gì để khóa lại nữa, và chạy ba chân bốn cẳng đến trình đức vua về việc nhà kho giờ này đã bị vỡ vét nhẵn thín. Lúc ấy thì đến lượt nhà vua không kém phần choáng váng, và Người cũng chẳng tốn thì giờ để ân hận vì tính hấp tấp của mình. Lập tức ngài ra lệnh cho viên tổng tư lệnh hải quân điều cả hạm đội truy đuổi để vu vạ tôi cá cược gian lận. Tôi đi chưa đầy hai dặm thì đã thấy toàn bộ hạm đội tàu chiến Thổ Nhĩ Kỳ căng buồm đuổi theo, và tôi phải thú thực, cái

đầu của tôi vừa đứng vững trên cổ đã lung lay trở lại. Lúc này người làm gió tiến tới và nói: “Ông chủ không có gì phải lo hết!” Rồi anh đi về phía đuôi tàu, hướng một lỗ mũi về phía hạm đội Thổ còn lỗ mũi kia vào buồm của tàu mình, thổi một trận cuồng phong kinh hồn táng đờm, khiến cả hạm đội kia buồm xiêu cột đổ thùng chảo rối tinh, gió không những đẩy ngược quân Thổ về tận cảng mà còn thổi tàu của tôi về Ý sau vài giờ. Tuy vậy số của cải ấy cũng không làm tôi giàu lên nhiều, vì nước Ý đầy người nghèo và ăn xin. Một người có trái tim mẫn cảm như tôi không nỡ nào không phát phần lớn vàng bạc cho đám cái bang ngoài phố. Phần còn lại thì rơi vào tay một toán

cướp trên tuyến hành hương tới Loreto, dọc đường đi Roma. Các vị thảo khấu ấy chắc cũng không bị lương tâm cắn rứt ghê gớm lắm, vì chỉ cần một phần nghìn chỗ tiền cướp được đã đủ cho cả bọn cùng đám con cái cháu chắt chút chút của họ đến Roma cúng khấn giải trừ cho mọi tội lỗi đã, đang và sẽ phạm phải trong tương lai. Giờ thì các vị thông cảm, đã đến lúc tôi xin được chợp mắt một lát. Chúc các vị ngủ ngon!



*Tôi xốc cả cái xe bốn bánh lên các
bưu kiện trên đó lên vai, nhảy qua bụi
cây cao mấy thước sang cánh đồng...*



**12. Cuộc phiêu lưu trên biển thứ
bảy và chuyện đời có thực của một tùy
tùng được phép lên tiếng khi Nam
tước rời khỏi phòng**

Sau khi kể lại chuyến phiêu lưu vừa rồi, không thể nào giữ chân Nam tước thêm được nữa và ông thực sự muốn đứng dậy, mặc kệ cả nhóm bạn bè sau lưng vẫn trong tâm trạng hưng phấn. Tuy nhiên ông hứa khi nào có dịp sẽ kể lại chuyện phiêu lưu của cha mình cùng vài giai thoại độc đáo khác nữa mà các bạn bè vẫn hồi hộp chờ đợi. Khi mọi người tỏ ra thỏa mãn với cuộc chuyện trò thì một người trong số họ, đồng thời cũng là tùy tùng từng theo chân Nam tước qua Thổ Nhĩ Kỳ, kể rằng gần Constantinople có một khẩu thần công khổng lồ mà Nam tước Tott có nhắc tới trong cuốn sách mới xuất bản của ông về những điều kỳ lạ. Đại khái những gì ông kể là “người

Thổ đặt một khẩu thần công to khủng khiếp trên pháo đài ở một thành phố bên bờ sông Simois nổi tiếng. Súng đúc toàn bằng đồng và bắn các quả đạn bằng đá cẩm thạch nặng ít nhất năm tạ. Tott nói, tôi rất muốn bắn một phát để qua đó đánh giá chính xác hiệu lực. Mọi người đứng quanh tôi run như cây sậy, vì họ tin chắc rằng cả lâu đài lẫn thành phố đều tan nát thành gạch vụn. Dần dần người ta cũng bớt sợ và tôi được phép bắn.

Người ta nạp ít nhất một trăm bảy lăm cân thuốc súng, và nhả đạn, như tôi nói ban nãy, nặng năm tạ. Khi một pháo thủ cầm môi lửa đến, đám người đứng xung quanh lùi ra xa hết tầm có thể. Tôi phải

vất vả thuyết phục viên sĩ quan rằng ông ta lo lắng là thừa. Ngay cả tay pháo thủ, người chằm ngòi nổ theo lệnh của tôi, cũng tim đập chân run. Tôi vào vị trí của mình sau một tường chắn phía đuôi khẩu pháo, ra hiệu lệnh, và cảm thấy sức giật như một trận động đất. Quả đạn bay khỏi nòng chừng ba trăm sải thì vỡ thành ba mảnh, cả ba mảnh bay qua eo biển, nảy lên trên mặt nước và rơi vào sườn núi đối diện, biến cả eo biển rộng mênh mông thành một thảm bọt.” Thế đấy, thưa các quý vị, như tôi nhớ lại thì Nam tước Tott đã thuật lại về khẩu thần công lớn nhất thế giới như vậy. Khi Nam tước Munchausen và tôi đến thăm địa điểm đó, Nam tước Tott đã say sưa thuật lại vụ

điểm hỏa khẩu thần công khủng khiếp đó.

Ông chủ của tôi vốn không thể chấp nhận chuyện một người Pháp đã làm được gì đó trước cả ông. Ông bèn vác chính khẩu súng đó lên vai, chỉnh cho nó nằm ngang và nhảy xuống biển, vác nó bơi một mạch qua bên bờ kia. Rồi từ chính vị trí đó ông toan ném khẩu thần công về chỗ cũ, thật không may! Tôi nói “thật không may” vì khi ông lấy đà ném thì khẩu thần công trượt khỏi tay ông hơi sớm, nó rơi xuống eo biển và có lẽ còn nằm cả nghìn năm nữa dưới đó. Và thực ra chính điều đó, thưa quý vị, khiến nhà vua hoàn toàn không hài lòng với ngài Nam tước. Câu chuyện vàng bạc châu

báu bữa trước, nguyên nhân của sự bất hòa giữa hai bên, đã trôi vào quên lãng từ lâu, vì nhà vua có đủ mọi nguồn thu và chẳng mấy chốc kho báu của Người lại đầy ắp. Ngài Nam tước cũng đã được đích thân nhà vua mời sang Thổ Nhĩ Kỳ, và có lẽ hôm nay ngài vẫn ở đó, nếu như vụ mất khẩu súng tai tiếng không làm bọn người Thổ tàn bạo phát điên lên và nhà vua phát lệnh chặt đầu ông. Một nữ lãnh chúa từng sủng ái ông đã báo ngay cho ông cái tin rùng rợn đó, và không chỉ thế, bà còn dấu ông ở ngay trong dinh thự của bà, khi viên sĩ quan nhận lệnh hành quyết dẫn lính đi truy nã ông. Trong đêm kế đó, chúng tôi trốn lên một chiếc tàu thủy đang chuẩn bị dong buồm đi Venezia, và

thế là cả bọn may mắn thoát hiểm.

Ngài Nam tước không ưa nhắc đến vụ ấy, vì toan tính của ngài bất thành và thiếu chút nữa thì ngài mất mạng. Tuy nhiên, cũng vì chuyện đó không hề tổn hại đến thanh danh của ngài nên tôi vẫn thường mạn phép kể lại sau lưng ngài. Thưa quý vị, giờ thì quý vị đã biết rõ về Nam tước Munchausen, và tôi hy vọng quý vị sẽ chẳng hề mảy may nghi ngờ sự chính trực của ngài. Để quý vị cũng không nghi ngờ sự chính trực của tôi, điều mà tôi chẳng dám cấm quý vị, tôi buộc phải nói với quý vị đôi chút về cá nhân mình. Cha tôi, hay ít nhất người vẫn được coi là cha tôi, vốn sinh ra ở Bern,

Thụy Sĩ. Ở đó ông nhận chức vị giám sát đường phố và cầu cống. Công chức làm nhiệm vụ ấy ở Thụy Sĩ, kể cũng lạ, được gọi là Người quét đường. Mẹ tôi sinh ra ở vùng núi Savoie và bà có cái đầu to rất đẹp, khá bất thường trong giới phụ nữ ở đó. Bà sống tách khỏi cha mẹ khá sớm để đi tìm hạnh phúc của mình ở chính thành phố mà cha tôi chào đời. Chừng nào còn son rỗi, bà kiếm sống bằng đủ ngón yêu đương đối với phái tính của chúng ta. Nghe nói bà không bao giờ từ chối khi được hỏi xin một nụ cười, đặc biệt là khi người hỏi có gì đó trong tay. Hai con người khả ái đó tình cờ gặp nhau ngoài phố, và do cả hai đều đã phê phê nên họ loạn choạng va vào nhau và

cùng nhau loạng choạng ngã lăn ra đường. Hòn bác ném đi hòn chì ném lại, ai cũng cố to mồm hơn người kia, cuối cùng cả hai bị dẫn vào trạm gác và sau đó bị tống vào trại lao cải. Ở đây họ tỉnh ngộ về vụ cãi cọ ngu xuẩn của mình, hai người xin lỗi nhau, yêu nhau rồi cưới nhau. Vì mẹ tôi quay lại với cách kiếm ăn cũ nên cha tôi, một người rất đề cao danh dự, chẳng mấy chốc chia tay với bà, sau khi đã ném cho bà một ít tiền sinh sống. Bà nhập bọn với một toán biểu diễn múa rối rong. Rồi số phận đưa đẩy bà đến Roma, nơi bà mở hiệu bán hàng.

Nhất định các quý vị đã nghe nhiều về Giáo hoàng Ganganelli hay Clemens

XIV, cùng với sở thích ăn hào của ngài. Vào một ngày thứ Sáu, khi đoàn của ngài long trọng diễu hành qua thành phố để đến nhà thờ Saint Peter làm lễ, ngài trông thấy mẹ tôi bán hào (bà thường kể là hào của bà rất đẹp mắt và tươi rói) và đã không thể nào điềm nhiên đi qua mà không thử. Đoàn rước của ngài có hơn năm nghìn người, mặc dù vậy ngài vẫn bảo mọi người dừng chân và cho báo về nhà thờ là ngài không thể làm chủ lễ trước ngày mai được. Nói xong ngài nhảy xuống ngựa – hồi đó các Giáo hoàng đều cưỡi ngựa vào những dịp tương tự. Ngài vào cửa hàng của mẹ tôi, ăn hết sạch số hào ở đó rồi cùng mẹ tôi đi xuống tầng hầm, nơi bà cất giữ nhiều

hầu nữa. Dưới đó mẹ tôi có nhà bếp kiêm phòng khách và phòng ngủ. Ngài rất hài lòng ở đây, vì vậy ngài đuổi hết tùy tùng đi. Tóm lại, Đức thánh cha ở lại qua đêm với mẹ tôi. Sớm hôm sau, trước khi ra đi, ngài xá tội hoàn toàn cho mẹ tôi, không chỉ đối với những tội lỗi mà bà đã từng mang nặng trên vai, mà cả những tội lỗi trong tương lai bà muốn phạm phải. Về những điều chân thực này, thưa quý vị, tôi dám thề trước danh dự của mẹ tôi, và ai còn có thể nghi ngờ một danh dự cao quý như thế, bởi tôi chính là mầm sống đơm hoa kết trái từ đêm ăn hầu thời ấy?



*Đúng lúc ông hạ mũ, tôi châm lửa
vào làn hơi rượu bay lên...*



13. Ngài Nam tước kể tiếp

Thật dễ hình dung ra cảnh cứ có dịp là Nam tước lại bị người ta vật nài giữ lời hứa kể tiếp những chuyện phiêu lưu

vừa có tính răn dạy lại vừa kỳ thú của ông, nhưng một thời gian dài chẳng có ai đạt được ước vọng. Nam tước có một thói quen đáng khen là không làm gì nếu ông không thích, và một thói quen còn đáng khen hơn nữa, đó là chẳng có gì làm suy chuyển được nguyên tắc đó của ông.

Đợi mãi rồi cũng đến một hôm ông mỉm cười vui vẻ khi nghe các bạn của mình khẩn khoản, đó là dấu hiệu chắc chắn cho biết tinh thần sáng tạo của ông đang phấn chấn và hy vọng của họ sẽ được đền đáp. Tất cả im lặng và dán mắt vào hai môi ông. Trên chiếc tràng kỷ có đệm êm, Nam tước Munchausen lên

tiếng:

Trong cuộc vây hãm pháo đài Gibraltar gần đây nhất, tôi đi theo một chiếc thuyền buồm chở lương thực dưới quyền chỉ huy của ngài Rodney đến pháo đài đó để thăm một người bạn cũ của tôi, tướng Elliot, một người từng giành được vinh quang vĩnh cửu nhờ bảo vệ pháo đài một cách xuất sắc. Khi không khí nồng nhiệt đi liền với cuộc tái ngộ của hai người bạn cũ đã lắng xuống, vị tướng dẫn tôi đi dạo trong pháo đài để đánh giá sức mạnh của quân nhà cũng như để quan sát các động thái của địch. Tôi có đem từ London một chiếc kính viễn vọng gương cầu lõm tinh xảo, mua của hãng Dollond.

Nhờ nó mà tôi phát hiện quân địch đang chuẩn bị bắn một phát đạn thần công 36 pao vào đúng vị trí chúng tôi đang đứng. Tôi báo cho tướng Elliot biết, ông quan sát qua ống nhòm và xác nhận phỏng đoán của tôi. Được ông cho phép, tôi điều một khẩu thần công 48 pao từ khẩu đội gần nhất đến và chỉnh cự ly thật chính xác để bắn cho trúng. Xét về kỹ thuật pháo binh thì phải nói một cách khiêm tốn là tôi chưa phải nhận ai làm sư phụ.

Tôi quan sát từng động thái của đối phương, đợi đến khi nhìn thấy chúng châm mồi lửa vào khoang đựng thuốc súng thì tôi mới ra hiệu phát hỏa khẩu

thần công của quân mình. Hai viên đạn chạm nhau ở gần giữa đường với sức mạnh long trời lở đất, gây ra tác động đáng kinh ngạc. Viên đạn của địch bật ngược trở lại, mạnh đến nỗi không chỉ phát bay đầu tên lính bắn nó, mà còn tiện đứt mười sáu cái đầu nữa trên đường bay về phía bờ biển châu Phi. Nhưng trước khi bay đến vùng đất mịt mịt ấy, viên đạn còn cắt ngang cột buồm chính của ba tàu thủy đứng thành hàng ở cảng, bay tiếp hai trăm dặm Anh trên đất liền, xuyên thủng mái nhà của một nông dân và đánh bay mấy cái răng còn lại của một bà cụ đang nằm ngủ há mồm rồi găm vào họng con người tội nghiệp đó. Lát sau chồng bà về và cố cậy viên đạn ra nhưng không thể

được. Ông ta quyết định đẩy nó tọt xuống dạ dày, và sau đó viên đạn ra ngoài theo đường tự nhiên.

Viên đạn của quân ta quả là công hiệu. Nó không chỉ đẩy viên đạn của địch bật ngược trở lại như vừa miêu tả, mà theo đúng chủ định của tôi, nó còn đánh bật khẩu thần công vừa bắn vào chúng tôi khỏi bệ pháo và ném nó lên một chiếc tàu thủy với sức mạnh trời giáng đồng thời xuyên thủng bụng tàu. Tàu bị nhấn chìm, mang theo hàng nghìn thủy thủ Tây Ban Nha và rất nhiều lính trên đó. Đây rõ ràng là một chiến công lừng lẫy, tuy nhiên tôi không đòi hỏi phải ghi chiến công đó cho cá nhân mình. Dĩ nhiên sáng

kiến đó phát sinh từ đầu óc thông thái của tôi, nhưng một phần cực nhỏ trong thành tích ấy cũng nhờ chớ ngáp phải ruồi. Bởi vì sau đó tôi phát hiện ra khẩu 48 pao của quân ta bị nạp nhầm một lượng thuốc súng gấp đôi quy định, chả trách viên đạn bị đẩy ngược lại có tác động mạnh mẽ như vậy. Để thưởng cho công lao kiệt xuất đó, tướng Elliot mời tôi nhận chức vị sĩ quan, song tôi từ chối tất cả, chỉ đón nhận câu cảm ơn do ông cực kỳ trịnh trọng nói ra trong bữa tiệc tối hôm đó trước mặt tất cả các sĩ quan. Do rất có cảm tình với người Anh là một dân tộc dũng cảm, tôi quyết định không rời pháo đài trước khi làm được việc gì đó nữa cho họ. Và khoảng ba tuần sau thì

đã có dịp thuận tiện. Tôi cải trang thành một tu sĩ Cơ Đốc giáo, mò ra khỏi pháo đài lúc mười giờ đêm và vượt qua phòng tuyến một cách an toàn, lọt vào tận giữa doanh trại địch. Ở đó tôi đi vào chiếc lều, nơi Bá tước Artois đang cùng viên tổng tư lệnh và nhiều sĩ quan khác phác thảo kế hoạch tấn công pháo đài lúc mờ sáng hôm sau. Nhờ bộ đồ cải trang mà tôi không bị ai ngăn cản, cứ thế thoải mái nghe hết mọi chuyện. Xong xuôi, tất cả lui về giường, còn tôi thì quan sát cả đội quân địch chìm trong giấc ngủ li bì, thậm chí cả toán lính gác. Lập tức tôi bắt đầu công việc của mình. Tôi nhắc toàn bộ các khẩu thần công khỏi bệ pháo, tổng cộng trên ba trăm khẩu từ 48 pao đến 24

pao, ném chúng mây dậm ra tận ngoài khơi. Vì không có ai giúp một tay nên đây là công việc nặng nhọc nhất tôi từng làm, trừ cái việc mà một người quen của tôi vừa mới kể lại cho quý vị nghe sau lưng tôi và khiến cho các vị thích thú, đó là việc tôi vác khẩu thần công Thổ Nhĩ Kỳ không lồ mà Nam tước Tott đã mô tả rồi bơi qua bờ biển bên kia. Xong việc, tôi kéo tất cả các bộ pháo vào giữa khu đóng quân, và để tiếng động từ bánh xe không đánh thức quân địch, tôi cặp từng đôi dưới nách. Một đồng sắt hoành tráng, ít nhất cũng cao bằng ngọn núi của Gibraltar. Rồi tôi dùng một mảnh vỡ của khẩu thần công 48 pao đập vào viên đá trong bức tường do người Ả Rập xây

ngày xưa để lấy lửa, đoạn châm vào bụi
nhùi và đốt cả đồng sắt. Quên không kể
cho quý vị nghe là tôi còn quăng tất cả
các xe chứa đồ quân dụng lên trên cùng.
Những gì dễ bén lửa nhất thì tôi đốt
xuống dưới, và thế là ngọn lửa bùng lên
trong chớp mắt. Sau đó tôi là người đầu
tiên làm âm ỉ lên. Quý vị có thể dễ dàng
tưởng tượng ra cả bãi đóng quân nhón
nháo hết cả lên ra sao, ai cũng cả quyết
là toán lính gác bị mua chuộc để bảy, tám
quân đoàn từ trong pháo đài lọt ra mà
quậy tung bộ phận pháo binh. Trong cuốn
sách nói về vụ vây thành, ông
Drinkwater có nói đến tổn thất nặng nề
do đám cháy gây ra với quân địch, song
ông ta chẳng hề biết đến nguyên nhân. Dĩ

nhiên ông ta không thể biết, vì tôi chưa từng kể cho ai hay chuyện này (dù rằng mình tôi trong đêm ấy đã xông pha cứu Gibraltar), thậm chí cũng chẳng buồn nói cho tướng Elliot một tiếng.

Bá tước Artois, vừa giật mình tỉnh giấc là chạy tháo thân đầu tiên cùng người của ông ta, họ chạy mười bốn ngày liền không nghỉ, đến tận Paris mới dừng chân. Nỗi kinh hoàng trong vụ cháy còn đeo đuổi mãi không tha họ, đến nỗi ba tháng liền bọn họ không ai uống được một giọt nước mà chỉ sống bằng khí trời như loài tắc kè hoa. Chừng hai tháng sau vụ ấy, một hôm tôi đương ngồi ăn sáng với tướng Elliot thì một quả đạn cối (vì

tôi không có thì giờ phá nốt chỗ súng cối) bay vào phòng và nện lên bàn. Tướng Elliot, như hầu hết những người trong hoàn cảnh đó, nhanh chân chạy khỏi phòng, riêng tôi thì chộp quả đạn rồi chạy lên đỉnh núi. Từ vị trí đó tôi nhìn thấy trên đỉnh đồi ở bờ biển, gần bãi đóng quân của địch, có một đám người tụ tập. Bằng mắt thường tôi không thể thấy họ đang làm gì. Tôi rút kính viễn vọng ra và thấy hai sĩ quan của ta, một vị tướng và một đại tá. Mới tối qua cả hai còn ngồi trò chuyện với tôi, lúc nửa đêm họ lén sang phòng tuyến của quân Tây Ban Nha để thám thính và bị chúng bắt, nay sắp bị đem treo cổ. Khoảng cách quá xa nên tôi không thể dùng tay ném quả đạn

đến đó. May mà tôi lại nhớ ra cây ná bắn chim trong túi, chính thứ vũ khí mà ngày xưa David dùng để chống lại gã khổng lồ Goliath. Tôi lắp quả đạn vào ná và bắn ngay vào giữa đám đông. Vừa chạm đất là đạn phát nổ giết hết những người xung quanh, trừ hai sĩ quan người Anh vừa bị trói lên giá treo cổ. Một mảnh đạn cắt ngang chân giá treo cổ, hai ông bạn của chúng ta vừa chạm chân xuống đất mẹ đã vội ngó quanh để tìm lý do sự kiện bất ngờ đó, và họ thấy quân lính, đao phủ cũng những kẻ khác đều trúng đạn. Lập tức họ ném sợi thừng vướng víu ở cổ, chạy ra bờ biển, nhảy lên một chiếc thuyền Tây Ban Nha và thúc hai người ngồi trong đó nhanh tay chèo đến một

chiếc thuyền Anh.

Vài phút sau, trong khi tôi thuật lại cho tướng Elliot nghe thì hai người may mắn ấy cũng đi tới. Sau một hồi giải thích và chúc tụng, chúng tôi ăn mừng ngày đẹp trời đó thật tưng bừng như thế giới này chưa bao giờ được chứng kiến. Kính thưa quý vị, nhìn mặt quý vị thì tôi biết tổng mọi người muốn biết tôi kiếm đâu ra bảo bối ná bắn chim ấy. Vâng! Mọi thứ đều có lý do của nó. Các vị phải biết, tôi là hậu duệ bên đằng vợ của Uriah, cũng là người chung sống gần gũi với Vua David. Như sự đời đôi khi xảy ra, dần dần nhà vua đã lạnh nhạt hẳn với bà, lúc này đã được phong Bá tước sau

khi chồng chết. Có lần họ tranh cãi về một chuyện rất quan trọng, đó là địa điểm đóng con thuyền Noah và nơi thuyền



“Anh bạn nghe gì vậy?” “Tôi giết thì giờ bằng cách nghe cỏ mọc thôi.”

chạm đất sau Đại Hồng thủy. Nhà vua muốn tỏ ra là người thông thạo cổ đại, còn nữ Bá tước là chủ tịch một hội nghiên cứu lịch sử. Có một điểm chung giữa một số vĩ nhân và hầu hết những kẻ hèn mọn, đó là không ưa nghe lời phản biện; còn nữ Bá tước thì có điểm yếu của phụ nữ là bao giờ cũng giành lấy lẽ phải. Nói ngắn gọn là từ đó đường ai nấy đi. Nữ Bá tước thường nghe nhà vua kể về cây ná như một bảo bối nên đã rập tâm cầm nó theo. Bà chưa ra khỏi biên giới thì người ta phát hiện mất ná, sáu người trong đội cận vệ của vua lên đường truy

đuổi bà. Tuy nhiên bà sử dụng cây ná quá giỏi và bắn trúng một trong những người truy đuổi bà; có lẽ người này hung hăng muốn lập công nên vượt lên trước cả nhóm, hậu quả là bị bắn trúng vào chỗ mà Goliath cũng dính đạn chết ngày nào. Nhìn thấy đồng đội ngã lặn xuống đất, những người còn lại bàn bạc hồi lâu và quyết định khôn ngoan là phải trình báo vụ này đã, còn nữ Bá tước thì quyết định phi ngựa tiếp đến Ai Cập, nơi bà có nhiều bạn bè quyền quý chốn cung đình. Lẽ ra tôi nên kể trước cho quý vị biết rằng trong số nhiều người con mà bà sinh hạ cho nhà vua, lúc bỏ đi bà chỉ đem theo đứa con trai mà bà cưng nhất. Người con trai ấy sau này sẽ có thêm vài

đưa em ở đất Ai Cập phồn thực, do đó bà thảo một khoản đặc biệt trong di chúc và để lại cho con trai cây ná nổi tiếng; và từ người ấy, cây ná lưu truyền đến tay tôi. Một trong những người sở hữu cây ná, vốn là cù kỵ của tôi sống cách đây chừng hai trăm năm mươi năm, khi qua Anh chơi có làm quen một thi sĩ mà sau này được biết đến là kẻ đạo văn và chuyên săn bắn trộm – tên là Shakespeare. Như một dạng nợ đời, nhà thơ ấy ngày nay liên tục bị người Anh và người Đức đạo văn. Thỉnh thoảng ông ta mượn cây ná và giết được rất nhiều muông thú của ngài Thomas Lucy, và cực kỳ may mắn mới thoát được số phận như hai người bạn của tôi ở Gibraltar. Con

người đáng thương đó bị tống vào ngục, và cụ tôi đã xin cho hắn được tự do bằng một cách vô cùng đặc biệt. Ngày đó Hoàng hậu Elizabeth đang trị vì, và như quý vị biết đấy, trong những năm cuối đời bà trở nên trái tính khó chiều. Chui vào triều phục rồi lại chui ra, hết tiệc tùng lại lễ lạt và trăm thứ bà rần khác nữa mà tôi không nhất thiết phải kể ra đây, khiến bà thấy cuộc sống nặng nề khó chịu. Cụ tôi giúp bà đổ hết mọi rác rưởi phiền toái đó cho một người đại diện, hoặc xui bà muốn làm thế nào cũng được. Và các vị đoán xem, cụ tôi đòi hỏi gì để đáp lại công lao to lớn có một không hai đó? Chỉ cần thả tự do cho gã Shakespeare! Hoàng hậu muốn lắm cũng

không bù đắp được gì hơn cho cụ tôi. Cụ yêu mến tay thi sĩ vĩ đại đó đến nỗi sẵn sàng tặng tay ấy vài ngày còn lại trên dương thế của mình để kéo dài cuộc sống của bạn mình. Nhân dịp này tôi cũng muốn khẳng định với quý vị rằng phương pháp sống không cần ăn uống của Hoàng hậu Elizabeth dù có độc đáo mấy chăng nữa thì cũng chẳng được thần dân chào đón, lại càng bị dân phàm ăn tục uống chê bai. Bà cũng chẳng hề sống lâu hơn tục lệ mới của mình. Cha tôi, người để lại cho tôi cây nã trước khi đi Gibraltar, có thuật lại một giai thoại đáng chú ý. Ông thường kể cho các bạn của mình nghe và không người nào quen con người thật thà đó mà lại tỏ ý nghi ngờ sự thực

trong đó. Ông kể tôi nghe thế này: “Trên đường chu du, cha ở Anh một thời gian dài. Một lần cha đi dạo bên bờ biển gần Harwich. Đột nhiên, một con ngựa biển hung dữ lao hùng hục về phía cha. Cha không có gì trong tay ngoài cây ná, thế là cha bắn hai viên đá trúng đầu nó, mỗi viên trúng một mắt con quái vật đó. Rồi cha nhảy lên lưng nó, thúc nó phi xuống biển, vì cũng trong khoảnh khắc bị lấy mất thị lực thì con vật cũng mất cả tính hung hãn, trở nên ngoan ngoãn như chú cừu non. Thay cho hàm thiếc, cha ngáng cây ná vào mõm nó và cứ thế nhẹ nhàng băng qua đại dương. Chưa đầy ba tiếng sau thì cả người lẫn ngựa cập bờ bên kia, cách xa không dưới ba chục hải lý. Ở

Helvoetsluys cha bán nó với giá bảy trăm quan tiền vàng cho tay chủ quán Ba Chén Rượu, ông ta nhận ra nó là con vật vô cùng quý hiếm và đã giàu to nhờ thu tiền vé tham quan. Hôm nay người ta còn thấy một hình vẽ nó ở Buffon. Kiểu chu du của cha dù có kỳ lạ đến mấy,” cha tôi nói tiếp, “thì cũng không kỳ lạ bằng những gì cha trải nghiệm và phát hiện dọc đường. Con thú mà cha cưỡi không bơi, mà chạy cực nhanh dưới đáy biển đồng thời còn lùa đi hàng triệu con cá, nhiều con trong đó có hình dáng khác hẳn loài cá thông thường. Một số con có đầu mọc giữa thân, có con khác thì đầu ở chóp đuôi. Một số con quây lại thành vòng tròn và ca những bài hợp xướng vô

cùng du dương, lại có loài cá chỉ dùng nước xây nên những tòa nhà trắng lệt trong suốt với hàng cột khổng lồ chạy vòng quanh và trong ruột có một chất liệu mà cha không thể không gọi là lửa, màu sắc rất hài hòa và dập dềnh theo chiều sóng nước. nhiều phòng trong tòa nhà được trang trí tiện lợi và thân thiện cho cá đẻ trứng, ở phòng khác là nơi chăm sóc trứng nở, còn một loạt phòng mênh mông dành cho việc giáo dưỡn cá con. Đó là các phương pháp mà cha quan sát thấy, chứ còn cụ thể bên trong ra sao thì tất nhiên cha chẳng hiểu được, giống như cha không nghe được tiếng chim muông ca hát hay châu chấu đối thoại vậy. Tuy nhiên, cứ nhìn bề ngoài thì

phương pháp ấy cực giống những gì thể hệ của cha được dạy dỗ trong các cơ sở giáo dục phúc thiện, do đó cha tin chắc rằng người sáng lập đã làm những chuyến du hành giống cha và lấy ý tưởng từ nước hơn là từ trên đất liền. Qua mẩu chuyện nhỏ này mọi người có thể nhận ra rằng còn nhiều chi tiết mới chỉ được nhắc đến sơ sơ, nhiều suy đoán còn để ngỏ. Nhưng để cha kể tiếp đã.

Cha đi qua một dãy núi dài dằng dặc và cao không kém dãy Alps. Bên sườn núi có rất nhiều cây cao đủ chủng loại. Trên cây mọc nhiều tôm hùm, tôm sú, hàu, ốc, hến, dưa biển v.v. đôi khi mỗi con cũng phải chất đầy cả một xe chở

hàng, con bé nhất cũng làm thợ khâu vác
sụn lưng. Tất cả những loại thủy sản
được quăng lên bờ và đem bán ngoài
chợ đều chỉ là đồ vớt đi của thế giới
dưới nước, giống như mấy quả xanh lè bị
gió thổi rơi từ trên cây xuống. Có vẻ cây
tôm hùm sai quả nhất, nhưng cây tôm sú
và cây hào thì cao nhất. Những con dừa
biển nhỏ mọc trên bụi cây lúp xúp dưới
gốc mỗi cây hào, trông như dây thường
xuân leo lên cây sồi. Cha cũng nhận ra
tác động kỳ lạ của một con tàu đắm. Cha
đoán nó đâm phải mỏm đá ngầm cách
mặt nước vài sải và sự lật ngược khi
chìm xuống một ngọn cây tôm hùm lớn,
làm mấy con tôm hùm bắn tung tóe ra và
rơi xuống một cây tôm sú phía dưới. Sự

kiện đó diễn ra vào mùa xuân thì phải, lúc đó tôm hùm còn non, chúng kết đôi với tôm sú và sinh ra một loài tôm mới có nét tương tự cả hùm lẫn sú. Vì đây là hiện tượng hiếm gặp, cha tìm cách bắt một con đem theo, tuy nhiên việc đó khá rắc rối và con ngựa có cánh của cha không chịu đứng yên; mà lúc đó cha cũng đã đi được hơn nửa quãng đường và đang xuống một thung lũng sâu tối thiểu năm trăm sải dưới mặt biển, trong người cha bắt đầu thấy hơi khó ở vì thiếu không khí. Nói tóm lại thì tình cảnh của cha không lấy gì làm dễ chịu lắm. Thỉnh thoảng cha lại chạm trán với cá lớn, chỉ nhìn vào cái mõm ngoạc ra của chúng là cha biết chúng hoàn toàn đủ sức nuốt

chứng cả người lẫn ngựa. Thế đấy, con ngựa tội nghiệp của cha thì mệt, nó hoàn toàn dựa vào sự điều khiển cẩn trọng của cha để tránh khỏi chủ định thân thiện của mấy ngài bụng đói nọ. Vậy là cha phi nước đại một hồi lâu, chốc chốc lại ngóng xem đã sắp tới đất liền chưa. Khi sắp sửa tới gần bờ biển Hà Lan và trên đầu cha chỉ còn không đầy hai chục sải nước nữa, chợt cha thấy trên nền cát trước mặt một hình hài gì đó vận đồ phụ nữ. Cha cho là người đó vẫn còn chút dấu hiệu của sự sống, rồi khi lại gần thì quả nhiên đúng thế, một tay người đó hơi cử động. Cha nắm lấy cái tay ấy và đưa cái hình người như xác chết lên bờ. Ngày đó người ta chưa tiến bộ lắm trong nghệ

thuật cứu hộ, không như hôm nay, khi bất cứ quán rượu nào ở làng cũng treo bảng chỉ dẫn phương pháp đưa người đuối nước từ thế giới bên kia về. Mặc dù vậy, nhờ nỗ lực chuyên môn không mệt mỏi của chủ hiệu thuốc ở địa phương, ánh sáng le lói của sự sống trong người phụ nữ kia đã được nhân lên gấp bội. Cô ta là vợ của thuyền trưởng trên một con tàu ở Helvoetsuys vừa nhổ neo rời cảng. Bất hạnh thay, trong lúc vội vã ông ta đã đem theo một phụ nữ khác lên tàu chứ không phải vợ mình. Tin dữ đó được nữ thần bảo vệ hạnh phúc gia đình đưa ngay đến tai vợ ông ta, và do tin rằng quyền chiếm hữu giường ngủ trên mặt nước cũng giống như trên đất liền, cô này nổi cơn tam

bành và chèo thuyền đuổi theo. Lên đến boong tàu và sau một bài diễn văn ngắn không thể nào nhắc lại được ở đây, cô ta toan chứng minh cho đức phu quân một cách hùng hồn rằng khôn hồn thì nên nghĩ lại. Hậu quả bi thương của việc ấy là quả đấm của cô không đánh trúng ông chồng mà lại trúng vào sóng biển, và vì sóng biển dãn ra nhanh hơn ông chồng nên cô ta rớt cuộc xuống đến đáy biển mới hiểu ra sự tình. Chính hoàn cảnh đưa đẩy cha gặp cô ta để đem đến cho thế giới này thêm một đôi hạnh phúc nữa. Cha dễ dàng hình dung ra những lời có cánh của ông chồng, khi ông ta quay về và thấy người đang chờ mình chính là cô vợ mảnh mai đã được cha cứu mạng. Vụ này

quả là một trò chơi khăm với số phận



“Tôi đang thử khẩu súng mới, hiệu

*Kuchenreuter. Có một con sẻ đậu trên
nóc tháp chuông nhà thờ Strasbourg,
tôi vừa bắn hạ nó.”*

mà cha là người bày trò. Song lương
tâm cha hoàn toàn trong sáng. Nguyên
nhân khiến cha hành động chính là tình
yêu bất diệt đối với con người, kể cả khi
cha không thể phủ nhận rằng hậu quả đối
với ông chồng là rất tiêu cực.”

Thưa quý vị, câu chuyện của cha tôi
như thế đây, chính cây ná lưng danh đã
nhắc tôi nhớ lại chuyện ấy. Nó được gìn
giữ lâu năm trong gia đình tôi và rất đặc
dụng, song nay hầu như đã nát bét trong
mồm con ngựa biển. Ít nhất thì tôi cũng

sử dụng nó được một lần như đã kể cho quý vị nghe, trả lại cho bọn Tây Ban Nha trái đạn cối chưa nổ và qua đó cứu mạng hai người bạn trên giá treo cổ. Sau sự kiện lòng lầy đó, cây ná trước đó đã khá sút mẻ thì bây giờ gãy tan. Nửa già bay theo cùng trái pháo, nửa non còn lại trong tay tôi và được gia đình gìn giữ vĩnh viễn như gia bảo bên cạnh nhiều cổ vật quan trọng. Sau đó ít lâu tôi rời Gibraltar để quay về Anh.

Ở đó đã diễn ra một trong những chuyện phiêu lưu kỳ dị nhất trong đời tôi. Tôi phải xuống quận Wapping để gửi tàu thủy một số hàng cho mấy người bạn ở Hamburg, và khi làm xong, trên đường

về tôi đi ngang qua pháo đài Tower Wharf. Đang giờ trưa, người rất mệt mà trời thì nắng khó chịu, tôi bèn chui vào một trong những khẩu thần công để nghỉ một lát. Vừa ngả lưng là tôi đánh luôn một giấc say như chết. Hôm đó là mừng Bốn tháng Sáu, đúng một giờ chiều người ta bắn loạt đạn mừng sinh nhật Đức vua từ tất cả các khẩu pháo. Thuốc súng đã nạp từ sáng sớm, và do không ai đoán tôi nằm trong đó nên tôi bị bắn tung lên không, bay qua các mái nhà sang bên kia sông và rơi xuống sân nhà một nông dân, đầu đó giữa hai quận Bermondsey và Deptford. Tôi rơi xuống một đồng cỏ khô và không tỉnh dậy, như bị đánh thuốc mê. Khoảng ba tháng sau giá cỏ khô leo cao

chóng mặt và ông nông dân dự tính có một khoản lãi to nếu bán chỗ cỏ dự trữ. Đồng cỏ nơi tôi nằm là đồng to nhất trang trại, chở đầy năm trăm xe chứ không ít. Vậy là người ta dỡ đồng ấy đầu tiên. Tôi thức dậy bởi tiếng ồn của những người bắc thang trèo lên, tuy nhiên chưa tỉnh hẳn và không hề biết mình đang ở đâu. Tôi mới toan chạy thế là ngã lộn cổ xuống, rơi trúng đầu ông chủ nhà. Tôi thì không hề hấn gì sau cú ngã, nhưng thay vào đó thì ông chủ nhà gặp hạn và bị tôi đè chết tươi, vì tôi không chú ý mà làm gãy cổ ông ta. Sau đó thì tôi cũng đỡ cần rút lương tâm khi biết hẳn là một tay Do Thái khôn kiếp, chuyên găm nông sản cho đến khi giá lên cao ngất ngưỡng để

bán lấy lãi cắt cổ. Cái chết bạo lực chính là hình phạt công bằng cho hắn và việc thiện thực sự đối với mọi người. Ngoài ra, quý vị có thể dễ dàng hình dung ra tôi đã sùng sốt xiết bao khi tỉnh hẳn ngủ và sau một hồi ngẫm nghĩ đã nói được suy nghĩ hiện tại với suy nghĩ trước khi thiếp đi cách đây ba tháng, và các bạn tôi ở London ngạc nhiên chừng nào, sau khi tìm kiếm khắp nơi một cách vô vọng và đột nhiên thấy tôi trở về.

Nào, giờ thì ta cạm ly đi đã, sau đó tôi sẽ kể thêm vài cuộc phiêu lưu nữa trên biển.



14. Cuộc phiêu lưu trên biển thứ tám

Tôi tin chắc quý vị đã nghe nói về chuyến thám hiểm lên miền Bắc của thuyền trưởng Phipps, sau này là Nam tước vùng Mulgrave. Tôi đi theo thuyền trưởng, không phải với tư cách sĩ quan,

mà là bạn của ông. Khi đến vĩ tuyến gần sát Bắc Cực, tôi lấy kính viễn vọng ra để ngắm nhìn mọi thứ xung quanh. Quý vị đã biết đến nó trong câu chuyện về Gibraltar mà tôi đã kể hôm trước. Nhân thể nói thêm, tôi luôn luôn cho rằng người ta thỉnh thoảng nên quan sát thế giới quanh mình, nhất là khi du lịch. Cách chúng tôi khoảng nửa dặm có một núi băng trôi, nó cao hơn cột buồm, và trên đó tôi thấy hai con gấu trắng, hình như đang đánh nhau kịch liệt.

Tôi đeo ngay súng lên và đi đến núi băng. Đường lên đỉnh núi thật cheo leo nguy hiểm. Tôi phải nhảy qua mấy kẽ nứt sâu thẳm, và nhiều nơi phẳng lì trơn nhẵn

như gương, gọi là đi chứ thực ra toàn ngã và bò dậy. Cuối cùng thì tôi cũng lên đến nơi hai con gấu, đồng thời nhận ra chúng đang đùa nghịch chứ không phải đánh nhau.

Tôi tính nhầm giá trị hai bộ lông gấu, vì con nào cũng to như bò mộng được vỗ béo. Nhưng đúng lúc giương súng lên thì tôi bị trượt chân phải, ngã ngửa đập mạnh gáy xuống nền băng và nhất đi tới nửa tiếng. Quý vị hãy hình dung ra nỗi kinh hoàng của tôi khi tỉnh lại và thấy một trong hai con mãnh thú đã lật sấp tôi lại và cắn vào cặp quần da của tôi để lôi đi. Nửa trên người tôi lấp dưới bụng nó, hai cẳng duỗi ra phía trước. Có trời mới

biết con quái vật đó sẽ lôi tôi đi đâu, nếu tôi không rút được dao găm ra, chính con dao này đây, và chém vào chân sau bên trái của nó, chặt đứt ba ngón chân. Lập tức nó thả tôi rơi xuống và rống lên thảm thiết. Tôi nâng súng bắn nó khi nó bỏ chạy, con vật lăn quay ra. Phát súng của tôi tuy đã đưa một trong số mãnh thú khát máu nhất sang thế giới bên kia, nhưng đồng thời cũng đánh thức mấy ngàn con khác đang nằm ngủ trên mặt băng trong bán kính nửa dặm. Tất cả bọn chúng hùng hổ lao đến. Không chần chừ được nữa. Tôi sẽ đi tong nếu không nhanh chóng nảy ra một sáng kiến. Và nó nảy ra thật: trong khoảng thời gian bằng nửa thời gian mà một thợ săn thành thạo lột

xong da một con thỏ, tôi đã lột da con gấu chết, quấn quanh mình và chui đầu dưới đầu nó. Vừa xong xuôi thì cả đàn gấu đã vây quanh tôi. Tôi lạnh buốt xương sống dưới tấm lông, nhưng mẹo của tôi thành công rực rỡ. Từng con gấu lại gần, ngửi hơi và chắc chắn cho tôi là một người anh em của chúng. Tôi chỉ thiếu độ cao để giống chúng một cách tuyệt đối, song mấy con gấu con trong đàn cũng không lớn hơn tôi là bao. Sau khi đàn gấu ngửi tôi, có vẻ như chúng tôi trở nên thân thiện, và tôi cũng nhại được các hành động của loài gấu tương đối giống, chỉ trong môn gào rống và vật nhau thì chúng hơn hẳn tôi. Dù trông giống gấu đến mấy thì tôi vẫn là người:

tôi bắt đầu suy tính làm sao để tận dụng tối đa sự thân thiện sinh ra giữa người và thú.

Có lần một viên y sĩ quân y cho tôi biết là bị thương cột sống có thể chết ngay. Tôi quyết định liều một phen. Tôi lấy dao găm đâm vào gáy con gấu to nhất đứng gần. Dĩ nhiên đó là cú liều mạng, và tôi cũng rất lo: con gấu mà sống sót thì tôi sẽ bị xé thành từng mảnh. May mà thử nghiệm thành công tốt đẹp, con gấu chết gục dưới chân tôi mà không kịp lên tiếng.

Giờ thì tôi dự định sẽ thanh toán những con còn lại theo cách đó, và sự

việc hóa ra cũng chẳng khó khăn mấy, vì lũ gấu không hề phản ứng khi nhìn thấy đồng loại bên phải bên trái của chúng cứ ngã vật ra. Chúng không tìm nguyên nhân hay tác động của cú ngã đó, quả là may mắn cho chúng và cho tôi. Khi nhìn tất cả nằm chết la liệt, tôi cảm thấy mình như Samson chiến thắng ngàn quân. Nói cho ngắn gọn là tôi quay về tàu, gọi mọi người giúp tôi lột da gấu và đem thịt chân giò lên tàu. Vài tiếng sau chúng tôi hoàn thành công việc và chất đầy tàu. Chỗ thịt còn thừa thì quăng xuống biển, dù tôi biết chắc là đem ướp muối cũng ngon không kém.

Về đến nhà, tôi nhân danh thuyền

trưởng gửi vài cái tay gấu biểu các vị trong bộ Tư lệnh Hải quân, bộ Tài chính, thị trưởng và sở Thị chính London, tặng cả cho các thương nhân và bạn thân. Ai nấy đều cảm ơn nồng nhiệt, riêng thành phố thì đáp lễ bằng hình thức rất ấn tượng: họ mời tôi hằng năm đến dự tiệc vào ngày bầu thị trưởng.

Lông gấu tôi gửi đến Nữ hoàng Nga để làm áo choàng mùa đông cho bà và quần thần. Nữ hoàng tự



Khi một quả đạn thần công từ trong

*thành bắn ra bay cách tôi vài bước, tôi
nhảy từ quả đạn của mình qua bên đó
và quay lại với quân mình, cho dù
không làm được việc gì.*

tay viết thư cho tôi để cảm ơn và sai
một đại sứ đặc mệnh chuyển đến, trong
đó bà mời tôi chia sẻ vinh dự trên
giường và trên ngai báu với bà. Tôi thì
chưa bao giờ ham hố hào quang chốn
vương triều, vì vậy tôi từ chối ân sủng
của Nữ hoàng một cách cực kỳ nhã nhặn.

Vị đại sứ đưa thư của Nữ hoàng cũng
có nhiệm vụ đợi để cầm theo thư hồi đáp
của tôi. Không lâu sau, tôi nhận được lá
thư thứ hai của bà. Nó khiến tôi hiểu rõ

niềm đam mê mạnh mẽ và tinh thần cao thượng của bà. Căn bệnh cuối đời của bà – như tâm hồn mong manh nhạy cảm ấy giải thích cho Bá tước Dolgoruki biết trong một lần đàm đạo – cũng bắt nguồn duy nhất từ thái độ lạnh nhạt của tôi. Tôi không rõ phụ nữ thấy gì hay ho ở tôi, nhưng Nữ hoàng không phải đại diện duy nhất của phái yếu từng chìa tay cho tôi từ ngai vàng.

Một số kẻ đã tung ra những lời bôi nhọ thuyền trưởng Phipps, rằng ông đã không đi xa như lẽ ra có thể. Tôi thấy mình có nghĩa vụ phải bảo vệ ông ấy. Tàu chúng tôi di chuyển thuận lợi cho đến khi tôi chắt đầy ắp lông gấu và thịt

chân giò lên đó, và thật ngu ngốc nếu cứ cố đi tiếp khi chúng tôi hầu như không còn đủ sức đi ngược gió, nói gì đến đương đầu với những núi băng dày đặc miền cực Bắc.

Từ hồi ấy, thuyền trưởng Phipps thường xuyên nói là ông rất hối tiếc vì không được tham dự vào chiến tích vinh quang của ngày hôm đó, mà ông vẫn gọi một cách say sưa là Ngày da gấu. Thực tình là ông ấy khá ghen tị với chiến công lẫy lừng ấy của tôi và tìm mọi cách để hạ thấp ý nghĩa của nó. Vì thế mà hai chúng tôi đã nhiều lần cãi cọ, cho đến giờ phải nói là cũng vẫn còn hục hặc. Thí dụ như, ông khẳng khẳng nói rằng tôi không được

coi mẹo lừa đàn gấu là một chiến công, vì tôi quần da gấu lên người; vào địa vị tôi thì ông ấy đã không cần giấu mặt khi lao thẳng vào đàn gấu, và chúng sẽ coi ông ấy là một con gấu. Dĩ nhiên tôi coi điểm này là quá mức nhỏ nhen để một người cao thượng như tôi phải hạ mình buông lời cãi vã với kẻ dưới tầm.



15. Cuộc phiêu lưu trên biển thứ chín

Với thuyền trưởng Hamilton tôi đã tiến hành một chuyến phiêu lưu khác trên biển, hướng đến Đông Ấn Độ. Tôi đem theo một con chó săn chim mà tôi tin rằng quý hơn vàng, vì nó chưa bao giờ đánh hơi sai. Một hôm, khi mọi quan sát chính xác cho thấy tàu còn cách bờ tối thiểu ba trăm dặm, chợt con chó cất tiếng sủa. Tôi kinh ngạc nhìn nó cả tiếng đồng hồ rồi báo điều đó cho thuyền trưởng và các sĩ quan trên tàu biết, tôi cả quyết là tàu đã đến gần bờ, vì con chó đã bắt hơi mũi. Mọi người cười bỏ ra, tuy nhiên không vì thế mà tôi thay đổi nhận định

tích cực về con chó của tôi.

Sau một hồi bàn cãi, tôi cam đoan như định đóng cột với thuyền trưởng rằng cái mũi của con Tray còn đáng tin hơn mắt nhìn của toàn bộ thủy thủ trên tàu, sau đó tôi ngạo nghễ đánh cược một trăm đồng vàng với ông ấy là nửa tiếng nữa sẽ bắt gặp thú săn. Đây cũng là toàn bộ số tiền tôi sẽ được trả cho chuyến đi. Thuyền trưởng Hamilton, một người nhân hậu, lại cười phá lên lần nữa và đề nghị ông Crawford, bác sĩ trên tàu, bắt mạch cho tôi. Bác sĩ bắt mạch xong liền báo cáo là tôi hoàn toàn khỏe mạnh. Hai người còn thì thảo với nhau, và tôi đủ thính tai để nghe hầu hết lời họ. “Ông ấy hơi loạn trí

rồi,” thuyền trưởng nói, “tôi không thể chấp nhận cá cược một cách vô đạo như vậy.” “Tôi nhận định hoàn toàn ngược lại với ông,” bác sĩ đáp, “Ông ấy hoàn toàn khỏe mạnh. Chỉ tội là ông ấy tin vào khứ giác con chó hơn là vào trí năng của mỗi sĩ quan trên tàu. Đằng nào ông ấy cũng thua thôi, mà thế là đáng đời.” “Trong mắt tôi,” thuyền trưởng tiếp lời, “cá cược kiểu này là không đứng đắn chút nào. Nhưng nó sẽ nâng cao vị thế của tôi, vì sau đó tôi sẽ trả lại tiền cho ông ấy.” Trong lúc mọi người nói chuyện, con Tray vẫn giữ nguyên tư thế và do vậy càng khiến quan điểm của tôi kiên định thêm. Một lần nữa, tôi nhắc lại đề nghị cá cược và được chấp thuận.

Hai bên vừa bắt tay nhau thì mấy thủy thủ câu cá trên con thuyền dài buộc ở đuôi tàu đã câu được một con cá mập cực to và lôi lên tàu. Họ mổ bụng cá, và ai nấy tròn mắt nhìn sáu cặp gà gô còn sống nguyên trong dạ dày con cá mập. Mấy con vật tội nghiệp ở trong đó đã lâu, một con mái đang nằm ấp trên năm quả trứng và một quả vừa nở lúc mổ bụng cá. Chúng tôi nuôi con con chim non này cùng mấy con mèo mới đẻ trước đó mấy phút. Mèo mẹ yêu con chim như mấy đứa con bốn chân của mình và giận dữ khi nó bay đi quá xa rồi không chịu quay về ngay. Trong số gà gô có bốn con mái, thường thì bao giờ cũng có một hoặc vài con ấp trứng, thế là trong cả chuyến đi

chúng tôi luôn có thừa thịt chim rừng trên bàn ăn của thuyền trưởng. Để cảm ơn con Tray trung thành đã giúp tôi thắng một trăm đồng vàng, ngày nào tôi cũng sai đem xương cho nó, thỉnh thoảng còn cho cả một con gà.



16. Cuộc phiêu lưu trên biển thứ mười

Hành trình lần hai lên mặt trăng

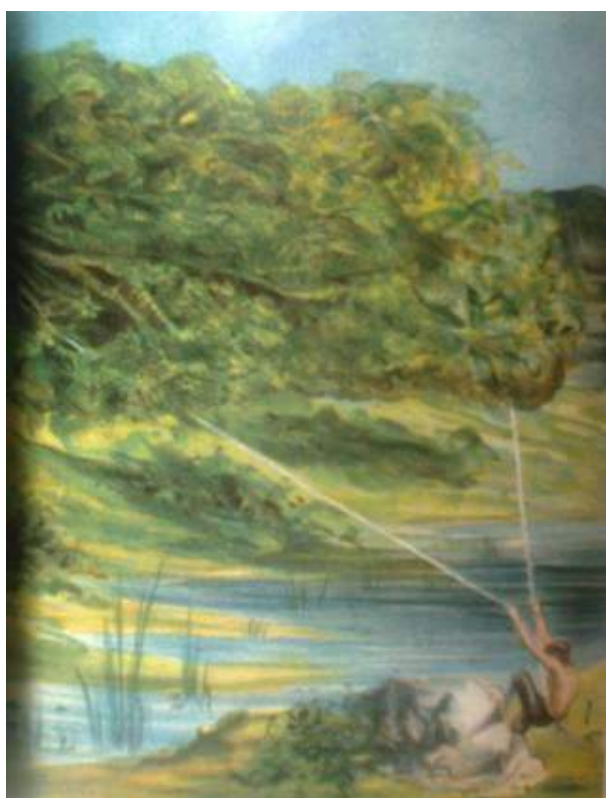
Thưa quý vị, ngày trước tôi đã kể cho quý vị nghe về chuyến đi ngắn của tôi lên mặt trăng để tìm lại cây rìu bạc. Sau đây tôi lặp lại chuyến du hành đó, nhưng thoải mái hơn nhiều và cũng ở lại trên đó đủ lâu để tìm hiểu cận kề mọi thứ mà bây giờ thanh thoi hơn nên tôi sẽ miêu tả lại cho quý vị nghe trong khuôn khổ trí nhớ cho phép. Một ông bác họ xa với tôi cứ khẳng khẳng cho rằng trên thế gian này nhất định có một tộc người nào đó tương tự như thần dân của vương quốc Brobdignag đã được Gulliver phát hiện ra.

Để đi tìm tộc người đó, ông ta làm một chuyến du hành và gọi tôi đi cùng. Thực tình mà nói, tôi vẫn luôn luôn cho rằng “Gulliver du ký” là một chuyện cổ tích thú vị, song chẳng tin vào một xứ Brobdignag hay Eldorado nào đó là có thật; tuy nhiên ông bác đã chọn tôi làm người thừa kế gia sản, nghĩa là tôi cũng nợ ông một nghĩa cử hàm ơn.

Trước tiên phải nhấn mạnh là chúng tôi xuống đến Nam Thái Bình Dương bình an vô sự, không có sự cố gì lớn xảy ra ngoài việc chứng kiến những người đàn ông và đàn bà biết bay lượn khiêu vũ trong không khí và mấy chuyện lật vật

khác.

Ngày thứ mười tám chúng tôi đi ngang qua đảo Otahiti thì một cơn cuồng phong nổi lên, cuốn bay con tàu lên không và để chúng tôi lơ lửng hồi lâu ở độ cao tối thiểu một ngàn dặm trên mặt biển. Đợi mãi rồi cũng có một luồng gió thổi căng buồm, và tàu phóng đi với tốc độ chóng mặt. Chúng tôi di chuyển sáu tuần liền trên chín tầng mây thì phát hiện ra một đất nước lớn, hình tròn lấp lánh như một hòn đảo tủa ánh bạc.



*Nói xong, anh ta giật mạnh sợi
thừng và cả cánh rừng rộng một dặm
vuông đổ ào ào như rơm rạ trước mắt
tôi.*

Chúng tôi hạ xuống một bên đồi rộng
rãi, lên bờ và thấy ở đó có người. Đây là
một hòn đảo với thành phố, cây cối, núi
non, sông ngòi v.v. có vẻ không khác gì
thế giới mà chúng tôi để lại sau lưng.

Nhưng cái đất nước tỏa ánh bạc mà
chúng tôi vừa đặt chân đến này lại chính
là mặt trăng. Chúng tôi thấy những hình
nhân khổng lồ cưỡi điều hâu, con nào
con nấy đều có ba đầu. Để tả cho quý vị
độ lớn của những con chim ấy, tôi phải

so sánh là từ đầu cánh này đến đầu cánh kia của lũ chim dài gấp sáu thanh treo buồm trên tàu chúng tôi. Như chúng ta ở thế giới này vẫn quen cưỡi ngựa, người ở mặt trăng bay đi lượn lại trên những con chim đó. Vua mặt trăng đang tiến hành chiến tranh chống lại mặt trời. Ngài mời tôi đảm nhiệm một vị trí sĩ quan, nhưng tôi đã xin phép được từ chối ân huệ đó của ngài. Mọi thứ trên này đều to lớn ngoài sức tưởng tượng; thí dụ một con ruồi bình thường to suýt soát như con cừu dưới trái đất. Vũ khí của các chiến binh mặt trăng dùng đánh lại mặt trời là củ cải. Họ ném củ cải như phóng lao, trúng ai là người ấy chết tươi. Tấm khiên của họ làm bằng nấm, còn đến khi

mùa củ cải qua rồi thì họ dùng măng tây thay thế. Ở trên ấy tôi còn gặp một số cư dân từ sao Thiên Lang bị lôi cuốn vào cuộc chiến. Mặt họ trông như chó ngao, hai mắt nằm trên hai cánh mũi, nhưng lại không có mí mắt, khi nào đi ngủ họ phải lấy lưới che mắt. Người Thiên Lang cao khoảng năm thước, còn người mặt trắng không ai nhỏ hơn chín thước. Tên gọi của người mặt trắng cũng kỳ quái, không phải người, mà là đầu bếp, vì họ cũng nấu ăn trên lửa như chúng ta. Cũng phải nói thêm là họ ít tốn thời gian ăn uống, họ mở sườn trái và đút cả tạng thức ăn vào thẳng dạ dày, sau đó khép lại và đợi đúng đến ngày đó vào tháng sau. Nghĩa là cả năm họ chỉ có đúng mười hai bữa,

cũng không nên gọi là bữa ăn, mà là bữa
tụng thực phẩm thì đúng hơn.

Tình cảm yêu đương là một thứ tuyệt
đôi lạ lẫm trên mặt trăng, cả trong giới
đầu bếp lẫn các sinh vật khác đều chỉ có
một giới tính. Cái gì cũng mọc trên các
loại cây rất khác nhau về quả, lá và độ
lớn. Chẳng hạn đầu bếp hay người thì
mọc trên các cây rất đẹp, có cành to và
thẳng, lá màu thịt, quả có vỏ rất cứng và
dài đến hai thước. Khi quả chín, có thể
nhận ra qua màu sắc biến đổi, họ hái quả
rất cẩn trọng và bảo quản kỹ nếu đó là
loại quả tốt. Cần lấy hạt giống từ quả, họ
ném quả vào một cái vạc to đun sôi, rồi
mấy tiếng sau thì vỏ tách đôi và người

nhảy ra. Trước khi họ chào đời, trí năng của họ nhận được từ thiên nhiên một định hướng đặc biệt. Có quả nở ra chiến binh, quả khác cho ra một triết gia, quả thứ ba lại là một thầy tu hay luật gia, địa chủ hoặc nông dân v.v.; vừa ra đời là họ bắt tay ngay vào việc hoàn thiện những gì đã biết trước từ bẩm sinh. Nhìn vỏ ngoài thì không thể nào biết chắc ở trong là gì; một nhà thần học trên mặt trăng hồi ấy cứ rêu rao là có thể giải mã các bí mật ấy, nhưng chẳng ai rồi hời mà chú ý đến và đều cho là ông ta âm mưu.

Khi người mặt trăng về già, họ không chết mà tan vào không khí và biến mất như làn khói. Họ không cần uống, vì

không hề có động tác bài tiết, ngoài thở ra. Mỗi bàn tay họ chỉ có một ngón, mặc dù họ làm được mọi thứ như ta, thậm chí còn khéo hơn ta là người có ngón cái và bốn ngón nữa. Đầu họ capped dưới nách phải, khi họ đi lại hoặc làm việc với động tác mạnh, họ thường để đầu ở nhà; muốn suy nghĩ điều gì thì cứ hỏi cái đầu, bất kể nó ở xa bao nhiêu. Khi tầng lớp quý tộc ở xã hội mặt trăng muốn biết những gì xảy ra trong đám thường dân, họ không việc gì phải đi ra ngoài, mà thân người cứ ở nhà và cử cái đầu của mình vi hành, thu thập đủ thông tin rồi lại quay về. Hột nho trên mặt trăng giống y sì hạt mưa đá của ta, và tôi tin chắc là khi bão trên mặt trăng làm rụng nho thì

hột nho rơi xuống trái đất ở dạng mưa đá. Tôi cũng nghĩ là dân làm rượu nho hiểu được ý tôi, vì đã nhiều dịp tôi được uống những loại rượu vang có vẻ như được làm từ hạt mưa đá và có vị giống hệt như rượu vang mặt trăng.

Có một chuyện kỳ dị mà tôi suýt quên. Ở người mặt trăng, cái bụng có công dụng như ta vẫn dùng ba lô. Họ nhét mọi thứ cần thiết vào bụng rồi đóng lại theo ý muốn, như vẫn làm với da dày, do họ không có tim gan phèo phổi như ta. Quần áo họ cũng không có nút, cũng không có bộ phận sinh dục gì trên người mà phải che đi cho đỡ xấu hổ. Khi cần, họ gỡ mắt ra rồi lắp vào tùy ý, và mắt để trong đầu

hay trên tay đều nhìn tinh như nhau. Nếu chẳng may tình cờ đánh mất hay làm hỏng một mắt, họ có thể mượn hoặc mua mắt mới để dùng như mắt riêng của mình. Chính vì thế mà trên mặt trăng có nhiều người buôn bán mắt, và trong cái chuyện độc nhất vô nhị này cũng thêm lắm thứ buồn cười: bọn họ khi thì theo một mắt xanh, lúc khác lại chạy theo mắt vàng. Tôi thú thực là nghe khó tin, nhưng tôi mời tất cả những ai may mắn nghi ngờ hãy tự lên mặt trăng để kiểm chứng. Bản thân tôi luôn tôn trọng sự thật như rất ít du khách khác.



17. Chu du thế giới và những mạo hiểm kỳ thú khác

Nhìn mắt quý vị, tôi không nghi ngờ quý vị quên ráo cả mệt mỏi để muốn nghe tiếp các sự kiện kỳ thú trong đời tôi. Sự quan tâm của quý vị là niềm hạnh phúc lớn lao, khiến tôi không thể lấy

chuyến chu du lên mặt trăng để kết thúc buổi kể chuyện hôm nay được. Vậy mời quý vị nào còn hứng thú thì nghe thêm một chuyện nữa, cũng đáng tin như chuyện vừa rồi, song có lẽ còn vượt trội về mặt độc đáo và kỳ lạ.

Cuốn “Ký sự đi Sicilia” mà tôi từng say sưa nuốt từng dòng đã gây cảm hứng cho tôi đến núi Etna. Theo ý tôi, thì trên đường đến đó không xảy ra sự kiện nào đáng để tâm cả. Có thể ai đó sẽ cho rằng một số sự kiện cực kỳ đáng chú ý và cứ thuật lại từng chi tiết cho bố công đi đường, tuy nhiên tôi thì chẳng muốn lạm dụng lòng kiên nhẫn của quý vị tí nào.

Một buổi sáng tôi xuất hành rất sớm từ một túp lều dưới chân núi Etna, với quyết tâm sắt đá phải nghiên cứu cận kề bên trong ruột ngọn núi lửa nổi tiếng này. Sau khi vất vả leo núi được ba tiếng, tôi lên đến đỉnh. Bữa đó núi lửa đang phun dữ dội, từ ba tuần trước. Về cảnh trí ở đây, nếu như có thể dùng lời để miêu tả thì đã có nhiều người miêu tả rồi, còn tôi thì chẳng lẽ nào cũng là kẻ đến muộn. Còn như, theo kinh nghiệm của tôi, một khi mà không lời nào tả nổi thì tôi cũng chẳng dại để tốn thời gian cố làm một việc vừa vô vọng vừa khiến quý vị ngán ngẩm làm gì.

Tôi đi ba vòng quanh miệng núi lửa

mà quý vị có thể hình dung ra như một cái phễu khổng lồ và không phát hiện được điều gì đáng nghiên cứu. Không chần chừ, tôi quyết định nhảy vào trong. Không khí nóng rùng rục đến phát sợ, và thân thể đáng thương của tôi bị các tảng



Tôi đã không thể nào thoát được cái

chết, nếu không quyết đoán dồn sức vào tay, lấy đùi kẹp chặt con ngựa rồi tự nắm chồm tóc, lôi cả người lẫn ngựa ra khỏi đầm lầy.

nhام thạch nung đỏ bắn từ dưới sâu lên làm bầm giập cháy sém ở nhiều chỗ nên nói ra không nên nói ra. Nguy cơ bị luồng than nóng thổi bắn lên khá lớn, nhưng trọng lượng riêng kéo tôi rơi xuống còn lớn hơn nhiều, và rút cuộc tôi nhanh chóng đặt chân xuống đáy vực an toàn. Ấn tượng đầu tiên tôi cảm nhận được là tiếng ầm ầm hỗn loạn, tiếng kêu than nức nở như xoáy quanh và nhấn chìm tôi. Tôi mở mắt, và nhìn kìa! Tôi đang đứng bên Thần núi lửa và đám

người không lộ một mắt của ngài. Những hình nhân mà lúc đầu óc tỉnh táo tôi sẽ xếp ngay vào mục chuyện bốc phét, suốt ba tuần nay họ cãi cọ phân chia trên dưới và do đó đã cho thế giới bên trên chứng kiến hậu quả. Sự hiện diện của tôi lập tức khiến trật tự và hòa bình được tái lập. Thần núi lửa lập cập đi cà nhắc đến mở tủ lấy ra thuốc mỡ và bông băng, tự tay chăm sóc các vết thương của tôi, và trong nháy mắt người tôi lạnh lặn trở lại. Ngài còn mời tôi đồ giải khát, một chai nước quả và các loại rượu vang hảo hạng mà chỉ các thần linh mới được phép nhấp môi. Sau khi nghỉ ngơi một lát, ngài giới thiệu tôi với vợ là thần Vệ Nữ và sai vợ làm mọi thứ để tôi có điều kiện ăn

ở thoải mái. Tôi được nàng dẫn vào một căn phòng tuyệt đẹp, đặt ngồi lên chiếc ghế đệm êm ái gợi cảm. Về mê hoặc thiên thần của nàng, sự dịu dàng từ trái tim nồng ấm của nàng – tất cả vượt quá ngàn lần khả năng diễn tả của ngôn ngữ, và chỉ cần hồi tưởng lại cũng đủ làm tôi mê mẩn tâm thần. Thần núi lửa trình bày cho tôi biết chi tiết ngọn núi Etna. Ngài nói, Etna kỳ thực là một núi tro bụi phun ra từ ống khói nhà bếp, và trong cơn thịnh nộ ngài thường xuyên phải ra tay trừng phạt đám quần thần bằng cách ném than hồng lên người chúng, nhưng chúng chống đỡ rất cừ và làm bắn tung các thứ lên thế giới bên ngoài. Những xung đột đó, như ngài nói, đôi khi kéo dài hàng

tháng, và các hiện tượng mà người trần mắt thịt trên kia được chứng kiến vẫn gọi là núi lửa phun. Núi Vesuvius cũng là một trong các xưởng của ngài, và tôi được đưa tới đó, theo một lối đi rộng ít nhất ba trăm năm mươi dặm xuyên dưới đáy biển. Cả ngọn núi Vesuvius cũng là nơi những vụ lộn xộn gây ra nham thạch phun trào.

Tôi rất thỏa mãn với những trình bày của Thần núi lửa, song còn thích ở cạnh vợ của ngài hơn, và có lẽ chẳng bao giờ tôi muốn rời khỏi những cung điện ngầm này nếu không có mấy kẻ thói mồm rỉ tai ngài những lời ti tiện, làm bùng cháy ngọn lửa ghen tuông trong trái tim vốn

nhân hậu của ngài. Một buổi sớm mai, trong khi tôi đang định giúp thần Vệ Nữ sửa soạn xiêm y, ngài không hề tỏ một ý gì cho tôi biết trước mà lôi tôi đến một căn phòng chưa bao giờ nhìn thấy, giữ tôi trên miệng một cái giếng sâu hun hút và nói: “Kẻ người trần mắt thịt vô ơn, hãy trở về thế giới nơi mi vẫn sống!” Nói xong, không để tôi kịp thốt một lời bào chữa, ngài thả luôn tôi xuống vực thẳm. Tôi rơi mãi, rơi mãi, ngày càng nhanh, đến khi nỗi sợ hãi khiến tôi ngất đi. Đột nhiên tôi tỉnh lại và thấy mình ở giữa một biển nước mênh mông rực rỡ ánh dương huy hoàng. Từ trẻ tôi đã bơi tựa rái cá cũng như thành thạo mọi nghệ thuật dưới nước, do đó tôi cảm thấy như đã về đến

nhà. So với tình cảnh đáng sợ mà tôi vừa thoát ra được thì lúc này tôi sướng như bước vào thiên đường. Tôi ngó quanh, nhưng ngán thay, không thấy gì ngoài nước và nước, khí hậu lúc này cũng rất khó chịu chứ không ấm áp như trong ống khói của Thần núi lửa. Lát sau tôi phát hiện ra một thứ gì đó, trông xa như tảng đá khổng lồ và hình như đang tiến lại phía tôi. Lúc đến gần, tôi nhận ra đó là núi băng trôi, rồi tìm một lúc lâu thì tôi cũng thấy một chỗ để trèo rồi leo tận đến đỉnh. Tôi vô cùng tuyệt vọng, vì ở độ cao này cũng chẳng thấy được đất liền. May thế chứ, trước khi trời sập tôi đã thấy một tàu thủy thủ đi về hướng mình. Đợi khoảng cách đủ gần, tôi gào lên kêu

cứu. Người ta trả lời bằng tiếng Hà Lan. Tôi nhảy xuống biển, bơi ra tàu và được kéo lên boong. Tôi hỏi mình đang ở đâu thì được biết là đang trên vùng biển Nam Thái Bình Dương, và thế là tôi hiểu ra tất cả. Thì ra tôi đã rơi từ đỉnh núi Etna, xuyên qua tâm trái đất đến biển Nam Thái Bình Dương – ít nhất thì quãng đường đó cũng ngắn hơn là đi vòng quanh thế giới. Trước tôi chưa hề có ai từng làm điều đó, và giờ mà nếu có dịp gặp lại thì tôi nhất định sẽ quan sát tỉ mỉ hơn. Tôi uống vài ngụm để giải khát rồi đi ngủ.

Dân Hà Lan cũng là giống người thô lậu. Tôi thuật lại chuyến phiêu lưu của

mình cho các sĩ quan nghe, kể một cách đơn giản như cho các quý vị đây, vậy mà có mấy người, đặc biệt là viên thuyền trưởng, tỏ ý nghi ngờ sự trung thực của tôi. Dù vậy họ vẫn thân mật đón tiếp tôi trên tàu, còn tôi, do phải phụ thuộc vào lòng tốt của họ nên muốn hay không thì cũng phải ngậm miệng nín nhịn. Tôi hỏi tàu đi đâu và được biết họ đang làm một chuyến thám hiểm, và nếu chuyện của tôi là sự thật thì mục đích chuyến đi coi như đã hoàn thành. Tàu đi trên tuyến đường do thuyền trưởng Cook đã vạch ra và sáng sớm hôm sau thì đến vịnh Botany, nơi triều đình Anh không đày các phạm nhân đến để chịu hình phạt, mà cử những người có công lao đến để thưởng công –

với núi tặng phẩm hảo hạng được thiên nhiên hào phóng ban cho ở đây.

Chúng tôi chỉ dừng chân có ba ngày. Ngày thứ tư sau khi nhổ neo, một trận bão khủng khiếp nổi lên, và trong vòng vài giờ đã xé nát mọi cánh buồm, bẻ gãy thanh sào đầu mũi tàu và thổi bay thanh treo buồm chính, khiến nó rơi đúng hộp đựng la bàn và nghiền nát tất cả. Ai từng đi biển sẽ biết sự mất mát đó có hậu quả bi thảm ra sao. Chúng tôi không biết tiến thoái ra sao nữa, trong khi gió vẫn tiếp tục gào rú.

Sau ba tháng trôi trên biển, đồng nghĩa với một quãng đường dài dằng dặc

đã đi qua, bỗng nhiên chúng tôi nhận thấy một sự biến đổi kinh ngạc ở mọi thứ xung quanh. Những mùi hương ngọt ngào tràn đầy cánh phôi, ngay cả nước biển cũng chuyển màu, từ xanh lá mạ sang trắng. Tiếp theo sự đổi thay kỳ diệu đó là đất liền hiện ra, và tàu đi thẳng vào một hải cảng vừa rộng vừa sâu. Thay vì nước mặn, chúng tôi đi trên biển sữa thơm phức. Tàu cập bến, và cả hòn đảo là một khối phô ma khổng lồ. Lẽ ra chúng tôi cũng chẳng nhận ra điều đó, nếu như không có một sự kiện đặc biệt xảy ra. Số là trên tàu có một thủy thủ bị dị ứng bẩm sinh với phô ma. Anh này vừa đặt chân lên bờ thì lăn ra co giật rồi ngất xỉu. Lúc tỉnh lại, anh ta nhờ mọi người vớt tảng

phô mai dưới chân mình đi. Mọi người mới cúi xuống nhìn, thì ra anh thủy thủ nói đúng: như đã nói ở trên, cả hòn đảo chẳng là gì khác ngoài phô ma. Cư dân ở đây cũng chủ yếu sống bằng phô ma, ban ngày họ ăn đi bao nhiêu thì đêm đến phô ma lại mọc bù lại bấy nhiêu. Chúng tôi còn thấy rất nhiều cây nho với những chùm nho nặng trĩu, bóp ra toàn sữa.

Cư dân trên đảo là những sinh vật xinh đẹp, đi thẳng lưng, thường cao khoảng hai thước, có ba chân và một tay. Và khi đã trưởng thành thì họ có một sừng trên trán và biết sử dụng nó vô cùng khéo léo. Họ chạy thi trên bề mặt sữa hoặc đi lại mà không bị chìm, chẳng khác

gì chúng ta chạy nhảy trên đồng cỏ. Trên đảo, hay đúng hơn là trên nền phô ma, có trồng cả lúa với bông lúa hình nấm, trong đó là bánh mì đã nướng chín có thể ăn ngay được. Trong khi đi tới đi lui trên đảo, chúng tôi phát hiện ra bảy con sông sữa và hai con sông rượu nho. Chúng tôi đi mất mười sáu hôm thì đến bờ biển phía đối diện. Cả một dãy bờ biển dài là phô ma xanh, vốn là đặc sản hạng nhất trong các loại phô ma. Trên nền ấy mọc vô vàn các cây ăn quả quý hiếm, nào là đào, là mơ, và hàng ngàn loại khác nữa mà chúng tôi không biết tên. Trên những cây cao vút đó có rất nhiều tổ chim. Chúng tôi đặc biệt chú ý đến một tổ chim bói cá có chu vi lớn gấp năm lần mái

vòm của nhà thờ Thánh Paul ở London. Nó được đan bằng những thân cây nhiều người ôm không xuể, và trong tổ có – quý vị đợi tôi một lát, tôi đã quen nói gì cũng phải chính xác – tối thiểu năm trăm quả trứng, quả nào cũng to bằng cái thủ lợn. Không chỉ nhìn thấy đám chim non, chúng tôi còn nghe chúng hót líu lo.

Vất vả lắm chúng tôi mới bửa được một quả trứng ra. Một con chim non trần trụi chui ra, to bằng hai chục con điều hâu trưởng thành. Chúng tôi vừa thả nó ra thì con chim mẹ hạ xuống, quắp lấy vị thuyền trưởng của chúng tôi rồi bay vút lên cao đến một dặm. Nó đập cánh phân phát lên người ông ta rồi thả ông ta rơi

xuống biển.

Người Hà Lan ai cũng bơi giỏi như cá, nên chẳng mấy chốc ông ta bơi vào đến bờ và chúng tôi trở lại tàu. Nhưng chúng tôi không đi lối cũ, do đó còn phát hiện thêm nhiều thứ kỳ diệu hơn nữa. Chẳng hạn như chúng tôi bắn hạ hai con bò rừng chỉ có một sừng mọc giữa hai mắt. Sau đó chúng tôi cũng thấy ân hận vì đã sát hại chúng, khi biết cư dân ở đây đã thuần hóa chúng để cưỡi và chuyên chở, giống như chúng ta nuôi ngựa vậy. Người ta kể rằng thịt của chúng cực ngon, tuy chẳng ai ăn vì dân ở đây toàn sống bằng sữa và phô mai. Khi đi xa tàu chừng hai ngày đường, chúng tôi bắt gặp

ba người bị buộc căng treo lên cây cao. Tôi hỏi họ có tội gì mà phải chịu hình phạt khắc nghiệt như vậy, thì được biết đó là những người từng đi xa, lúc quay về nhà họ đã lừa dối bạn bè, miêu tả những địa điểm mà họ chưa bao giờ nhìn thấy, kể những điều chẳng hề xảy ra. Tôi thấy hình phạt đó rất công bằng, vì nghĩa vụ cao cả nhất của người từng đi chu du là tôn trọng sự thật. Về đến tàu, chúng tôi nhả neo và rời khỏi xứ sở diệu kỳ này. Tất cả các hàng cây bên bờ biển, trong đó có một số rất cao, đồng loạt nghiêng mình hai lần chào chúng tôi rồi lại quay về tư thế cũ. Tàu đi loanh quanh được ba hôm – vì thiếu la bàn nên có trời mới



“Xin ngài thứ lỗi, tôi chỉ làm ra chút gió cho ông chủ tôi, chủ cối xay gió...”

biết chúng tôi đang ở đâu – thì vào một vùng biển đen kịt. Chúng tôi ném thử một ngụm nước, té ra đó là rượu vang hạng nhất. Ngay lập tức chúng tôi đề nghị các thủy thủ phải giữ mình, cảm được say sưa. Niềm vui cũng chẳng được lâu, mấy giờ sau chúng tôi sa vào giữa một bầy cá voi và các loài vật khổng lồ khác, trong đó có một con mà chúng tôi dùng mọi loại ống nhòm cũng không thấy hết được đến đuôi nó. Thật không may, chúng tôi phát hiện ra quái vật đó khi đã tiến đến quá gần, thế rồi đột nhiên cả con tàu bị hút tụt vào mõm nó, giữa hai hàm

răng to đến mức cột buồm của chiếc tàu chiến lớn nhất chẳng khác cái tăm. Con tàu nằm gọn trong mõm nó một lát thì quái vật ngoác họng hút vào một lượng nước khổng lồ khiếp, khiến tàu bị cuốn trôi vào dạ dày như một miếng mồi bé xíu, chắc quý vị dễ dàng hình dung ra cảnh đó. Ở đây thì tàu nằm im ắng như đã thả neo trong vùng nước kín gió.

Không thể không nhận thấy rằng không khí ở đây khá ẩm và khó thở. Chúng tôi nhìn quanh, phát hiện ra vô số thứ bị quái vật này nuốt vào bụng: mỏ neo, thùng chảo, thuyền to thuyền nhỏ chở đầy hàng hoặc trống không... Hãy dà, nhất cử nhất động thế là đều diễn ra trong ánh

đuốc; đối với chúng tôi chẳng còn tồn tại mặt trời, mặt trăng và các hành tinh khác nữa. Khi quái vật uống nước thì chúng tôi chịu lụt, nó phun nước ra thì tàu mắc cạn. Theo tính toán không chính xác lắm thì nó uống một lượng nước nhiều hơn hồ Genève với chu vi ba mươi dặm.

Bị cầm tù tới ngày thứ hai trong vương quốc bóng đêm, tôi lợi dụng thủy triều xuống – theo cách gọi của chúng tôi lúc tàu chạm đáy – để liều mạng cùng thuyền trưởng và vài sĩ quan đi thám thính, tất nhiên ai cũng phải trang bị đuốc. Chúng tôi đã bắt gặp hàng chục ngàn người từ đủ mọi quốc gia cũng đang bàn bạc phương cách tìm lại tự do.

Không ít người trong số họ đã sống trong dạ dày cá mấy năm rồi. Đúng lúc người chủ trì định thông báo cho chúng tôi lý do hội nghị thì con cá khốn kiếp khát nước và bắt đầu uống. Nước ào ạt tuôn vào, khiến ai nấy ba chân bốn cẳng chạy ngay về tàu, nếu không muốn bị chết đuối. Một số người thoát nạn trong gang tấc nhờ biết bơi. Mấy tiếng sau chúng tôi mới hoàn hồn, đợi quái vật phun nước ra để hợp mặt trở lại. Tôi được bầu làm chủ tịch và đưa ra đề nghị buộc nổi hai cột buồm lớn nhất làm một, đợi quái vật há mồm ra là chống lên, không cho nó ngậm mồm lại. Mọi người tán thưởng đề nghị đó và lựa ra một trăm đàn ông lực lưỡng nhất để thực thi nhiệm vụ này. Chúng tôi

vừa buộc xong hai cột buồm thì cũng có ngay cơ hội sử dụng. Quái vật ngáp, thế là chúng tôi dựng ngay cây gỗ lên, khiến một đầu xuyên qua lưỡi nó, chống xuống hàm dưới còn đầu kia đẩy lên hàm trên, quả thực nó không thể nào ngậm mồm lại được, ngay cả khi cây cột của chúng tôi yếu hơn chẳng nữa.

Mọi việc diễn ra nhanh chóng trong dạ dày cá, chúng tôi leo lên mấy chiếc thuyền và chèo ra ngoài. Ánh sáng ngoài trời khiến chúng tôi hạnh phúc tột bậc sau thời gian bị cầm tù phải đến mười bốn ngày chứ không ít. Sau khi tất cả mọi người thoát khỏi cái dạ dày to tướng, chúng tôi tập hợp một hạm đội gồm ba

mười lăm tàu thủy từ mọi quốc gia. Chúng tôi cứ để lại cột buồm mắc trong mồm quái vật nhằm tránh cho những người khác không bị rơi vào vực thăm tằm tối tanh ngòm ấy nữa.

Nguyện vọng đầu tiên của mọi người là biết mình đang ở đâu trên thế giới này, và thoát tiên ai nấy đều ngo ngác không tìm ra giải đáp. Rốt cuộc, tôi dựa vào quan sát để xác định là chúng tôi hiện đang ở biển Caspi. Do biển này nằm gọn trong đất liền và không có đường nối với các biển khác nên không ai hiểu nổi tại sao mình bị đưa đẩy tới chốn này. Chỉ có một cư dân từ đảo phô ma mà tôi đem theo có thể đưa ra lời giải thích khá lộn

tai. Theo ý anh ta, con quái vật từng giam chúng tôi trong dạ dày đã đến đây theo một đường hầm nào đó dưới đất. Đằng nào thì chúng tôi cũng đã ở đây, vậy thì hãy vui mừng vì đã ở đây, trước khi nhanh chóng mà đi vào đất liền. Tôi là người đầu tiên đặt chân lên bờ.

Tôi vừa tiếp đất thì một con gấu to tướng nhảy xổ đến. Được đấy, tôi nghĩ bụng, mày đến rất vừa vặn! Mỗi tay tôi tóm một bàn tay gấu và bắt tay chào đón thật chặt, khiến nó rú lên thảm thiết. Không chút thương hại, tôi giữ nó trong tư thế ấy cho đến khi nó chết đói. Từ đó trở đi toàn bộ loài gấu kính sợ tôi một phép, không con nào dám quấy rầy tôi

nữa. Tôi đi từ đó về



Tôi chỉ việc bình tĩnh tiến lại, lấy dao sẵn rạch một vòng quanh cổ rồi dùng roi ngựa từ từ quất cho con cáo chui ra khỏi bộ lông tuyệt đẹp của nó.

Saint Peterburg và nhận từ tay một ông bạn cũ món quà mà tôi vô cùng trân quý: một con chó săn, hậu duệ của con chó mẹ nổi tiếng như tôi đã kể cho quý vị nghe, đúng rồi, chính con chó đã đẻ một lứa trong khi săn thỏ ấy.

Thật đáng tiếc là sau đó ít lâu nó bị một gã thợ săn hậu đậu bắn chết khi nó đang chặn một đàn gà rừng. Để tưởng nhớ nó, tôi sai lấy bộ da của nó để may chiếc gi lê này, và mỗi khi tôi đi săn,

chiếc áo luôn dẫn tôi đến đúng chỗ có thú rừng. Khi tôi đã ở khoảng cách đủ gần để nổ súng thì một chiếc khuy áo bắn tung ra và rơi đúng chỗ con thú. Và vì súng tôi khi nào cũng lên đạn sẵn sàng nên chẳng thú rừng nào thoát khỏi tay tôi được. Các vị thấy đấy, giờ tôi chỉ còn lại ba cái khuy áo, nhưng khi mùa săn bắt bắt đầu thì kiểu gì mà chẳng phải đính đủ lên áo hai hàng khuy mới.

Mời quý vị quay lại nhà khi có dịp, nhất định chúng ta không bao giờ thiếu chuyện đề hàn huyên. Bây giờ thì đã khuya rồi chúc quý vị một đêm ngon giấc.

end



Mời các bạn ghé thăm [Đào Tiểu Vũ's eBook](#) để tải thêm nhiều ebook hơn nữa.